

NEUROTONIC



NEUROTONIC

- ★ BỒI BỔ ÓC
- ★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ

LIỄU THÔNG

Giám đốc, Chủ bút: Nguyễn Vỹ



BỘ SÁCH

TUẦN,

chàng trai Nước Việt

(Chứng-tích Thời-dại từ 1900 đến 1970)

đã phát-hành Toàn-Quốc

và đã được Triển-lãm ở Quartier Latin, Paris
từ ngày 15-5-70.

Gồm 2 quyển đầu :

Quyển I, 600 trang;

Quyển II, 500 trang,

Giá tổng cộng 2 quyển : 730đ

giá bán ở Việt-Nam

Loại giấy blanc-fin : 1.000đ

TUẦN,

chàng trai Nước Việt
của NGUYỄN-VỸ

(Chứng tích Thời-đại từ 1900 đến 1970)

đã có bày bán tại các tiệm sách lớn ở Thủ Đô :

XUÂN THU đường Tự-Do,

KHAI-TRÍ đường Lê-Lợi

SỐNG MỚI đường Phạm ngũ Lão,

và khắp các tiệm sách lớn ở Đô-thành và Toàn Quốc.

★ Các đại-lý tỉnh, mua sỉ, xin hỏi tại Tòa soạn tuần báo THĂNG BỜM, 522 Bis Trương Minh Giảng.

★ Bạn đọc ở Quốc ngoại có thể đến xem sách và ghi tên mua tại Đại-lộ Saint Jacques, số 269, Paris VII, hoặc tại Trụ sở Hội Sinh-viên và Lao-Động Phật-tử Hải ngoại (Association de Etudiants et Ouvriers Bouddhistes Vietnamiens d'Outre-Mer) đường Maxime Gorki. Chủ tịch Thượng tọa Thích Thiện Châu.

đồng thời, cũng đã phát hành

Khắp các tiệm sách Đô thành và
Toàn quốc

Những đàn bà Lùng Danh trong Lịch-Sử

của NGUYỄN-VỸ

dày 400 trang

do xuất bản Sông Mới

30 B Phạm ngũ Lão Saigon

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIM CO

Giám-đốc, Chỉnh-bút; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn: 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XII — số 247 — 15 6-1970

1 — Hoạt động của hội Văn Thi-Sĩ	Ng-Vũ	8 — 10
2 — Mùa xuân nơi hạ giới	Tr-Lê Nguyên-Vũ	11 — 20
3 — Trần-nguyên-Hãn	Quốc-Hùng	21 — 26
4 — Trẻ thơ (thơ)	Trụ-Vũ	17 — 28
5 — Ông Hoàng đào hoa		
Krishna (t.t.)	Doãn-quốc-Sỹ	29 — 33
6 — Tiếng tù và (thơ)	Như-nguyên-Thủy	34 —
7 — Một cơn gió	Quê-Hương	35 — 41
8 — Anh Khờ (t.t.)	Đông-Tùng	42 — 45
9 — Tâm tình (thơ)	Hoài-Thi	46 —
10 — Một làng ở Bà rịa	Ngọc-Bội	47 — 48
11 — Bác-sĩ Phạm-văn-Ngôi	Thái-Bạch	49 — 54
12 — Lời kẻ nhớ (thơ)	Trần-trí-Hùng	55 —
13 — Huyền-thoại Cao-Biên	Vân-Uyên	55 — 59
14 — Tiền lưu trí cho những người		
cầm bút	Ng-khắc-Tiến-Tùng	60 — 63
15 — Quê ngoại (thơ)	Lan-Định	64 — 65

16 — Mặt trời và nắng lương	Chu-minh-Thụy	66 — 71
17 — Một thiên đường không		
thể khỏa	Lê-Huy-Hòa	72 — 77
18 — Trông gương — Thực tại —		
Chiêm bao (thơ)	Thương-hoài-Thương	78 —
19 — Thắng cảnh chùa Hang	Lê-ngọc-Quang	79 — 18
20 — Hàn-Tin (t.t.)	Đông-Tùng	82 — 89
21 — Bức thư Nhật	Trần-văn-Quang	90 — 95
22 — Võ-Thuật	Trần-tuất-Kiệt	36 — 100
23 — Con tinh dễ yêu (t.d.)	Giang-Tân	101 — 113
24 — Khi nhà sư kể chuyện (t.n.)	Mặc-Tuyền	114 — 116
25 — Hồ-xuân-Hương	Nguyễn-Vỹ	117 — 120
26 — Sinh khí văn-nghệ	Hoàng-Thắng	121 — 124
27 — Sách báo mới		125 — 127

● Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

● Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỔ-THÔNG**» và đừng viết tắt,

★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

● Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

★ Copyright by **PHỔ-THÔNG**, printed in Việt Nam.

P.T.

Hoạt động của Hội Văn Thi sĩ Việt Nam Nhân một cuộc phỏng vấn...

SÁNG thứ Hai 1-6 vừa qua, một phóng-viên của Đài Phát-thanh Saigon, có đến hỏi tôi về Hội Văn Thi-sĩ Việt nam.

Trong cuộc phỏng vấn lâu 30 phút ấy, có thân thanh vào máy ghi âm, có vài câu hỏi và trả lời mà tôi muốn trích đăng vào đây để làm sáng tỏ một vài điểm.

.

HỎI : Với một chương trình Văn-hóa rất rộng lớn như bác vừa trình bày, Hội Văn Thi sĩ Việt Nam sẽ lấy tiền đâu mà hoạt động để đạt mục-dích ?

ĐÁP : Dĩ-nhiên, tất cả nhóm chúng tôi đều là những nhà văn nghèo. Chúng tôi lập Hội Văn Thi sĩ Việt Nam mà chẳng có tiền bạc dồi-dào mấy tý. Nhưng rồi đây, tiền đóng

góp niên-liêm của chúng tôi và của toàn thể Hội viên, sẽ là một vốn-liếng căn bản cho bước đầu.

Hội sẽ xuất bản trong một ngày gần đây một *Giai phẩm Mùa Hè*, mà hiện giờ hai bạn Trần Tuấn Kiệt và Viên Linh đang tuyển chọn bài vở. Sự phát hành tác phẩm ấy sẽ đem lại cho quỹ của Hội một số tiền chắc chắn sẽ dồi dào thêm. Hội sẽ tiếp tục biên soạn và xuất bản các *giai-phẩm Mùa Thu, Mùa Xuân*, v.v... hoặc thực hiện những cuộn phim chớp bóng... theo đề-tài của các tác phẩm văn chương của các nhà Văn Việt Nam hiện đại... Ba nữa, có một số «Mạnh Thường Quân» trong giới kỹ-nghệ và thương gia Việt Nam yêu chuộng Văn-Hóa Dân tộc, đã có hảo ý hứa với chúng tôi rằng khi nào Hội bắt đầu thực hiện các công-tác văn-hóa quan trọng (Biên soạn Tự điển, Văn-học Sử, Dân-tộc sử) thì họ sẽ tự ý tình nguyện giúp vào quyền sổ vàng của Hội những phương-tiện tài-chánh tạm cho chúng tôi có thể tiến-hành công việc, không bị trở ngại.

— Hội có ý-định xin chính phủ tài-trợ không ạ ?

— Không, À, không ! Từ trước đến nay, tôi đã không bao giờ xin một đồng xu nào của bất cứ một chính phủ nào. Chúng tôi phụng-sự nhiệm-vụ thiêng-liêng của Văn-

Hóa với danh-dự và lương tâm của con nhà Văn tự-do và độc-lập. Bây giờ cũng thế. Hội Văn Thi sĩ Việt Nam không xin tiền ai cả.

— Nhưng thưa Bác, nếu chính phủ thấy mục-dịch Văn Hóa của Hội rộng lớn và tốt đẹp, và nếu chính phủ tự ý muốn tài trợ cho Hội, thì Hội sẽ nhận không ?

— Điều đó, riêng tôi không trả lời được, vì giả sử chính-phủ có hảo ý như vậy, thì toàn Ban Chấp-hành của Hội, hay là Đại-Hội, sẽ thảo luận và quyết-định.

Riêng tôi, bất cứ một sự tài-trợ nào của bất cứ ai, nếu có dụng-ý lung đoạn Hội, hoặc thao-lúng Hội, hoặc lợi-dụng Hội vào bất cứ một phương diện nào, thì tôi sẽ là người đầu tiên quyết-liệt từ-chối. Chúng tôi lập ra Hội Văn Thi-sĩ Việt-Nam để phục-vụ Văn Hóa Dân tộc, chứ không phải để làm công cụ cho bất cứ một thế lực nào, hay uy quyền nào. Hội Văn Thi-sĩ Việt-Nam không phải một Hội «xôi thịt», anh nên nhớ cho như thế.



BỨC THU HÒA LAN

KEUKENHOF

Mùa xuân nơi hạ giới

● TRẦN-LÊ-NGUYỄN-VŨ
(Passau)

CHUYỂN tàu tốc - hành xuyên Âu-Châu TEE 11/12 (Trans-Europ-Express) mang tên «REMBRANDT» vượt biên thủy đưa tôi đến Amsterdam, kinh-thành lớn nhất của HÒA-LAN. Qua khỏi Emmerich, ga địa-đầu biên-giới nước Đức, đã thấy lỗ-nhổ nhiều bóng Cảnh-binh thiết-lộ biên-phòng Hòa-Lan, oai-vệ trong bộ sắc phục màu đen sẫm với giấy biểu-chương trắng và chiếc mũ kết rộng vành gắn vương niệm, huy-hiệu của Hoàng-gia. Người Cảnh-binh trưởng toán lễ phép đưa trả tôi tấm thẻ thông-hành với lời

chúc thương lộ bình an. Đi một khoảng xa, ông ta còn mỉm cười với vóc lại : «Đến Amsterdam ngài nhớ ghé xem KEUKENHOF». Từ phút ấy cái tên Keukenhof thực-sự ám ảnh trí tò-mò của tôi. Trước đó, trên khắp các nẻo đường Âu-Châu, tôi đã thấy nhan-nhãn hàng ngàn vạn tấm bích-chương quảng-cáo Keukenhof và báo-chí quốc-tế đã không ngớt ca-tụng các cuộc triển-lãm hoa tại vườn này. Vì thế khi vừa đặt chân xuống nhà ga Amsterdam - Centraal -Station tôi vội-và vào sở du-lịch hỏi đường đến Keukenhof. Muốn

đến Keukenhof du khách có thể đi bằng hai cách, Đi Ô-tô-buýt, các hãng du-lịch sẽ chở du khách đến thẳng Keukenhof. Xem xong, lúc trở về du khách có thể ghé thăm MA-DUODAM một thị trấn thu nhỏ tuyệt đẹp ở DEN HAAG, phí tồn không đắt lắm và tại đại-lộ DAMRAK ở Amsterdam có rất nhiều hãng du-lịch sẵn-sàng lo cho du-khách việc này. Nếu đi tàu hỏa, du-khách sẽ xuống ga LISSE, một ga nhỏ nằm trên quốc-lộ số 8, cách Amsterdam vừa đúng 30 phút tàu chạy, rồi từ Lisse đi bộ vào Keukenhof xa độ một cây số. Hàng năm, khi những tảng tuyết cuối cùng của mùa Đông vừa tan, từ 27 tháng 3 đến 18 tháng 5, thời-gian Keukenhof mở cửa đón du-khách, sở Hòa-xa Hòa - Lan tổ-chức những chuyến tàu ghé ga Lisse với giá vé đặc-biệt, dành riêng cho du-khách đến Keukenhof. Hoặc nếu muốn, du-khách có thể ghé đến HAARLEM (nơi có Viện - bảo - tàng FRANS HALS nổi tiếng, cách Lisse 12 phút tàu chạy) hay LEIDEN

(quê-hương của nhà danh-họa REMBRANDT, cách Lisse 9 phút tàu chạy), rồi từ Haarlem hay Leiden đi ô-tô-buýt NZH đến thẳng Keukenhof. Với một vé đặc-biệt của sở Hòa-xa du-khách đi tàu hỏa khứ-hồi hạng nhì (ở Âu-châu là hạng chót) từ tỉnh mình ở đến Lisse (hoặc ô-tô-buýt) vào cửa Keukenhof khỏi trả tiền. Trường hợp không mua vé Hòa-xa, du-khách phải mua vé vào cửa Keukenhof mất 3 Gulden Hòa-Lan (hơn 100 đồng Việt-Nam). Riêng tôi, với tấm vé đi vòng quanh BENELUX, trên đường sang Bruxelles, khi ghé đến Keukenhof chỉ mất 3 Gulden tiền vào cửa. Khởi-hành ở Amsterdam lúc 9 giờ 45 đến Lisse đúng 10g15. Từ Lisse đến Keukenhof, du-khách tản-bộ qua một cánh rừng xanh um tươi-mát với một xa-lộ không rộng lắm nhưng kang-trang, sạch-sẽ; cánh phải dành cho xe cộ lưu-thông, cánh trái dành cho bộ-hành, Lác-đác hai ven rừng có những mái nhà ngói đỏ sẫm, mặt tiền xây theo hình chắt góc thước thợ, người

Hòa-Lan gọi là Trapgevel. Vào xa nữa du-khách sẽ gặp những ngôi nhà có hình-dáng như cái phễu nằm úp xuống, hai mái nghiêng đều đặn như hai cánh một tam-giác đều, tiếng Hòa-Lan gọi là Tuitgevel, hoặc trên nóc xòe ra hai cánh hai bên chạm-trò hình hoa lá trông rất mỹ-thuật, kiểu nhà này người Hòa Lan gọi là Halsgevel. Đây là những kiểu kiến-trúc rất cổ của Hòa-Lan xuất-hiện từ thế-kỷ XVII, XVIII trở về trước. Qua khỏi cánh rừng du khách thấy rõ từ xa, nổi bật trên nền cây cảnh xanh um, tượng một người cưỡi ngựa mùa trắng toát và nhiều hàng cờ bay phấp-phới. Cờ của các nước Âu-Châu và của khối BENELUX gồm Hòa-Lan, Bỉ và Lục-Xâm-Bảo (1). Sát xa lộ là một sân cỏ rộng 16 mẫu tây dùng làm bãi đậu xe, có thể chứa cùng một lúc 6000 xe hơi đủ loại. Thế mà hàng năm du-khách từ xa đến vẫn phải hết sức chật-vật mới kiếm được chỗ đậu xe, có khi phải đậu tít gần nhà ga Lisse. Riêng trong năm 1969 đã có đến

730.000 xe hơi đổ xô đến Keukenhof, một nửa là ngoại-quốc.

Tính riêng tiền vé vào cửa trong vòng mấy mươi ngày gần-ngủi cũng đã gần 200.000.000. đồng Việt-nam. Một vị trong hội-đồng quản-trị (2) nói với tôi rằng hầu như du-khách đến Hòa-Lan đều nhắm vào Keukenhof nhiều hơn là các thắng-cảnh khác. Điều đó cũng dễ hiểu, vì Keukenhof nằm ngay trung-tâm của một miền nổi tiếng có nhiều cánh-đồng hoa đẹp và lớn nhất Hòa-Lan, đặc-biệt là những cánh-đồng hoa muôn màu muôn vẻ của Haarlem, bát-ngát chạy dọc theo thiết-lộ mà du-khách có thể nhìn thấy khi đáp tàu từ Amsterdam đến Leiden. Cả một tấm thảm hoa trải lên vạn-vật hàng bao cây số, màu sắc làm thắm-đượm hồn người. Đó là chưa kể Keukenhof lại nằm giữa Amsterdam và Rotterdam, hai tỉnh đẹp nhất của Hòa-Lan. Amsterdam, thành phố của du-lịch, của sông nước chan-chứa cảm-tình, nơi được mệnh-danh là



«Thành Venise của miền Bắc-
Âu». Rotterdam là một trong
những hải-cảng lớn nhất thế-
giới. Chính vị địa thế thuận-
tiện đó mà năm 1949, một nhóm

các nhà trồng-tiêu này ra ý-định
mở một cuộc triển-lãm các
giống hoa Hòa-Lan trồng bằng
củ, trong một khung cảnh
thiên-nhiên, cho dân-chúng

đến xem, cổ ý để quảng-cáo
những sản-phẩm do chính họ
vun xới. Không ngờ hai mươi
năm sau, khu vườn triển-lãm
nhỏ-bé ấy lại nổi tiếng lấy-
lùng khắp thế-giới. Và mỗi năm
có hàng triệu du-khách từ khắp
năm châu bốn bề đổ xô về
Keukenhof để chiêm ngưỡng
những màu sắc tuyệt-diệu của
Tạo-hóa và cũng là công-trình
mỹ-thuật của chính bàn tay
con Người. Hay nói theo lối
quảng-cáo của các hãng du-
lich quốc-tế, họ đến thiên-
đường của Đông-Quân, chúa
tề muôn hoa, để số những giây
phút thần-tiên êm-ả giữa cái
ĐẸP thuần-túy. Màu sắc của
Hoa gột rửa giúp cho du-khách
mọi ưu-tư trần-lụy, mọi phiền-
toái lợi-danh. Du-khách cảm
thấy hồn mình lắng lại, không
còn bon-chen cực-nhọc. Men
Xuân rạo-rực trên cành cây
cuống lá, len lỏi vào tận mỗi
tế-bào siêu-vi nhỏ-bé. Bước
qua cổng Keukenhof, trước
mắt du-khách là cả một khu
vườn rộng bao-la — rộng trên
28 mẫu tây — với những tầng
cỏ-thụ xanh um rủ bóng. Bên

dưới, mặt hồ phẳng-lặng, đàn
thiên-nga lội tung-tăng. Hòa-
Lan là một xứ mà 1/3 diện-
tích bị ngập nước, quanh năm
phải tranh-đấu với Thủy-thần
từng tấc đất một đề tự tồn,
nhưng ở đây du-khách sẽ bước
trên những đỉnh đồi — đồi
không cao lắm, có lẽ là nhân-
tạo nhưng cũng đủ để du-khách
cảm thấy thoải-mái dễ-chịu
hơn là đứng trước khu nhà
nổi chậ-chội ướt át ở ngoại ô
Amsterdam. Và vì là thiên-
đường của Hoa nên du-khách
sẽ thấy mình ngập-chìm giữa
một rừng hoa muôn màu sắc,
hương-vị ngát-ngào thẩm-
thiết. Bước chân khách xin hãy
gượng nhẹ kéo vô-tình dầm lên
những cánh hoa nồn-nà yêu-
diệu. Có hàng trăm hàng ngàn
loại hoa khác nhau, du-khách
sẽ nhìn mãi không chán. Nào
là Thủy-tiên (Narcissen),
Phong-tiên (Hyacinten), Thu-
mẫu-đơn (Anemone), Thạch-
tiên-tử (Scilla), Hoàng-ngệ
(Crocus)... nhưng nhiều nhất
là hoa UẤT-KIM-HƯƠNG,
người Hòa-Lan gọi là
TTLPEN (3) Thông thường

Uất-Kim-Hương có loại đơn (enkele), loại kép (dubbele), loại Huệ-nhung (leliebloemige), hoặc nhiều màu nở xòe như cánh vệt (parkiet)... Về màu sắc thì có Bạch-Kim-Hương (wit), Hồng-Kim-hương (roze), Thanh-Kim-Hương (licht blauw), Hoàng-Kim-Hương (geel), Uất - Kim - Hương da - cam (oranje), đỏ thắm (rood), lưỡng sắc (2-kleurig hay raudtulpen), đa-sắc đậm (donkere kleuren)... v.v. Nhưng tại Hoa-trại Keukenhof có đến 600 loại Uất-Kim-Hương khác nhau. Mỗi loại mang mỗi vẻ riêng biệt và loại nào cũng đẹp «mười phần vẹn mười». Mỗi loại được đặt một tên riêng. Ôi những cái tên sao mà đẹp thế ! Những cái tên làm sống lại cả sử sách loài người.

Bên cạnh đại-danh của những bậc tài-hoa vang-lừng khắp thế-giới như Pythagoras, Kafka, Berlioz, Emile Zola, Georges Sand, Louis Broille, Cezanne, Corneille, Dr. Fleming, Dr. Van Hesteren, Einstein... du-khách sẽ được nghe

những cái tên hết sức thời-danh như Kosmos, Nautilus, Astronaut Neil Armstrong, Gemini, Lunik, Nasa. Kennedy, Spoutnik... Và lẽ tất nhiên một số lớn hoa Uất-Kim-Hương mang tên của các khách giai-nhân lừng danh kim cò, đủ mọi quốc-tịch như Madame de Pompadour, Baronesse van Heeckeren Wassenaer, Carolina, Grande Duchesse Charlotte, Jacqueline, Madame Spoor, Marie Cécile, Mary Ann Cleopatra, Hermione, Madame Butterfly.

... Mỗi năm các nhà chuyên-môn ở Keukenhof lại tìm thêm được những giống hoa lạ và những cái tên mới lại được ghi vào niên-giám của Hoa-trại. Người ta không biết rõ có bao nhiêu hoa tại Keukenhof, nhưng chắc-chắn đã có gần 7000.000. củ giống chôn xuống đất. Nhiều như thế nhưng các nhà trồng tỉa chăm sóc hết sức cẩn-thận. Bàn tay con Người đã sắp xếp hương sắc thiên-nhiên theo nhiều hình-thể đặc-biệt, thường là hình một đoá

không lồ mà cuống hoa hoa là một luống Uất-Kim-Hương màu xanh, nhụy màu trắng và 5 cánh là những vón Uất-Kim-Hương đỏ thắm. Màu sắc được sắp-xếp tùy theo khiêu-thảm-mỹ của người trồng và tùy theo địa-thể của vườn Keukenhof.

Ánh-sáng cũng là một yếu-tố thắm-mỹ được chú-ý đến. Trong những khu-vực có nhiều bóng dâm, thường được trồng những đoá Uất-Kim-Hương màu sắc sáng-chói rực-rỡ để cảnh sắc khỏi bị ngập-chìm. Có những luống trồng toàn hoa một màu, du-khách tha-hồ chiêm-ngưỡng dung-nhan mặt-mà của một trang quốc-sắc thiên-hương. Nhiều luống khác lại trồng nhiều màu nhiều giống lẫn-lộn nhau, mỗi thứ mỗi vẻ, đua nhau khoe thắm. Mỗi luống hoa là công-trình chăm-sóc vun-bón của một thành-phần tham-dự cuộc triển-lãm hoa tại Keukenhof, tính tổng-cộng có 86 thành-phần tham-dự, trong đó riêng quận Lisse chiếm tỷ-số tối-đa 22 luống. Tiếp theo là Sassen-

heim (12 luống) Helligom (10 luống) Haarlem, Breezand, Noordwijkerhout v.v... Tất cả có 28 địa-phương trong toàn xứ Hòa-Lan tham-dự cuộc triển-lãm tại Keukenhof.

Đề những du - khách đến viếng Kuukenhof trong những ngày khai-trương đầu-tiên, khi mà những luống hoa bên ngoài vừa chớm nụ hàm-tiểu chưa nở đều, cũng có thể thưởng-thức được hương-sắc thiên-nhiên, khỏi uổng công trở về, các nhà trồng tỉa dành sẵn 3 nhà bằng kính lớn rộng 800 mét vuông, trồng 600 loại Uất-Kim-Hương trong những điều-kiện khí-hậu đặc-biệt. Hoa nở đồng loạt suốt thời-gian từ cuối tháng 3 đến giữa tháng 5 dương-lịch. Song song với cuộc triển-lãm hoa, Keukenhof còn nổi tiếng về một lĩnh-vực khác : Đó là cuộc triển-lãm nghệ-thuật điêu-khắc hiện-đại (*expositie van contemporain Beeldhouwwerk*) tổ - chức hàng năm cùng với cuộc triển-lãm hoa. Các tác-phẩm điêu-khắc tham-dự thường được

mang từ ngoại-quốc đến. Riêng trong năm 1970, một số lớn của Hòa-Lan.

Du-khách nếu đã có dịp vào xem viện Bảo-tàng thành-phố Stedelijk-Museum ở Amsterdam (số 13 đại-lộ Paulus Potterstraat) sẽ cảm thấy thích-thú hơn khi vào xem triển-lãm điêu-khắc tại Keukenhof. Cũng những hình-dáng «Lập-Thể» đó nhưng vĩ-đại hơn, «siêu» hơn. Có lẽ vì siêu quá nên nhiều du-khách lắc đầu thú thực chẳng hiểu gì cả. Một số khác lại trầm-trồ khen lấy khen đề. Các tác-phẩm được nhiều người ưa-thích nhất phải kể đến tác-phẩm bằng hợp-kim thép mang tên «Blok met opgerold lint» của Kor Bekker, cao 140 phân, tạo năm 1928 và đã đoạt giải-thưởng điêu-khắc năm 1967. Tác-phẩm bằng đồng «Waterbuffels» của Fioen Blaisse, cao 110 phân chạm hình ba con trâu lớn. Tác-phẩm «Liggend Relief» của Gerard Bruning, bằng đồng cao 50 phân, tạo năm 1930 và đã đoạt giải Karel

de grote Prijs gemeente nefmegen năm 1958. Tác phẩm «Horizontale Beweging» bằng hợp kim nhôm của Hans Claesen, cao 35 phân tạo năm 1925, đã đoạt giải xuất-sắc tại Noodbra bant năm 1960. Tác phẩm «Objekt» của Jan Goosen bằng thép cao 200 phân, tạo năm 1937 đã được trưng-bày nhiều lần tại Antwerpen (Bỉ), tại viện Bảo-tàng Legion of Honor ở San.Francisco, năm 1968 đoạt giải nhất điêu-khắc ở California. Tác-phẩm «Perby» bằng tinh-thạch của Bernhard Hazelbag cao 65 phân tạo năm 1945. Tác-phẩm «Windmill of my mind» của Berend Hogen Esch cao 570 phân, bằng nhôm, tạo năm 1945. Tác phẩm «Sekssimbool» của Ernst Kersting cao 200 phân, bằng polyester, tạo năm 1930. Tác-phẩm «Crusoe» của Peter Van de Locht bằng hợp-kim nhôm và vải bố phết cao.su, cao 280 phân, tạo năm 1946, v.v...

Nếu bước chân du khách có mỗi, xin hãy ngồi xuống kia



TÁC PHẨM «SEKSSIMBOOL» của ERNST KERSTING
(Bằng Polyester, cao 2 thước, tạo năm 1930)

«trên thảm ngọc vườn châu»;
ghế đá công-viên được đặt ở
những vị-trí thuận-iiện giúp
du khách vừa nghỉ chân vừa
có thể chiêm-ngưỡng những
đóa hoa xinh-xắn hay những
tác-phẩm mỹ-thuật nổi danh.
Nếu du-khách là một đôi uyên-
trương đang hưởng tuần trăng
mật thì khung-cảnh thơ-mộng
của Keukenhof quả thực là
thiên-đường nơi hạ-giới, là
mùa Xuân tuyệt-diệu. Nhưng
xin giữ im-lặng, tuyệt-đối
không được dùng máy phát-
thanh transistor, dù chỉ để
thưởng-thức những bản nhạc
êm-ái Du-khách vừa bước vào
Keukenhof đã gặp ngay một

tấm bảng căn-dẫn kỹ-lưỡng
điều ấy.

(1) BENELUX : viết chữ
tất cả BELGIEC-NEDER
LAND-LUXEMBURG.

(2) Hội-đồng này gồm 10
vị và do ông quận-trưởng
quận Lisse, hiện là Bác sĩ
A.J. BERENDE làm chủ
tịch.

(3) Tiếng Đức cũng gọi
TULPEN ; Pháp gọi là
TULIPES ; tiếng Anh TU-
LIPS Người Việt-Nam quen
gọi hoa Tuy-Lip hơn là
danh từ Uất Kim-Hương.
(Còn nữa)



CẦN MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ

Trong một nhật báo nọ, đăng lỗi ra như sau :

Một người đàn ông trẻ đẹp, sợ đàn bà. Nhưng muốn
làm quen với một người thiếu nữ khoảng 30 tuổi ngoài,
để dạy ông ta học tiếng Pháp và chỉ cách cai trị một
người vợ quá đẹp, mắc chứng ngoại tình.

DANH - NHÂN ĐẤT NƯỚC

TRẦN-NGUYỄN - HÂN, thánh-tổ ngành truyền-tin

★ QUỐC HÙNG

Năm 1964, Quân-Lực Việt-
Nam Công-Hòa chính thức lấy
tên tả tướng quốc Đại-Vương
TRẦN-NGUYỄN-HÂN đặt
cho ngành Truyền-Tin và chọn
vị anh hùng này làm thánh-Tổ
Binh chủng Truyền-Tin từ đó.

Để tìm hiểu nguyên nhân nào
quân lực ta lại chọn vị anh-
hùng họ Trần làm thánh tổ
cho một binh chủng chuyên
môn được coi như là thần kinh
của Quân-Đội, một người đã có
công sáng lập ngành Truyền-
Tin trong những ngày mà đất
nước chúng ta chưa học hỏi
được những nguyên tắc truyền

tin tân tiến như ngày nay.

TRẦN - NGUYỄN - HÂN,
sinh quán tại làng Lập-Thành,
phủ Vinh-Tường, tỉnh Sơn-
Tây. Xuất thân trong một gia
đình vọng tộc, con quan tư đồ
TRẦN-NGUYỄN-ĐÁN, nhà
Trần từ thời Dụ-Tông (1341)
đến thời Nghệ-Tông (1370) là
lúc nhà Trần suy yếu, quyền
chính lọt vào tay cha con họ
Hồ. Ngài đã biết được tất cả
nguy cơ của nhà Trần không
sớm thì muộn cũng rơi vào
tay Hồ-Quý-Ly. Dù là một tôn
thất, nhưng vì vua. Trần quá

tin tưởng vào cha con họ Hồ nên ngài không còn biết làm sao hơn được, ngài lo sợ đến lúc Hồ-Quý-Ly thực hành thủ đoạn cướp ngôi thì dòng tôn thất nhà Trần cũng sẽ phải ly tán vì tấm gương của họ Trần-Thủ-Độ ngày trước vẫn còn ám ảnh tâm trí, vì nghĩ như thế nên ngài phải tìm một phương thức để bảo vệ gia đình bằng cách cáo bệnh từ quan rồi đem gia đình về Côn-Sơn. Sau đó ngài mang con gửi cho Hồ-Quý-Ly để tạo thành sợi dây thông cảm dù sau này có những chuyện rắc rối, họ Hồ sẽ vì những cảm tình ấy mà không nỡ xuống tay hủy diệt họ Trần. Bởi thế cho nên trong Văn-Học Việt-Nam có câu Ca-Dao :

*«Đem thân gửi cái quạ già,
Biết rằng quạ có xót xa con
mình».*

(Ký tử dữ lão nha, bất thức
lão nha liên ái phưu ?)

Đúng như những điều dự đoán, khi ngài mất (TRẦN-NGUYỄN-ĐÁN) được hơn 10

năm, năm 1399 tức Thiệu-Đế năm thứ 2, Hồ-Quý-Ly chính thức dấy loạn và cướp ngôi nhà Trần. Trước lúc thực hành âm mưu chiếm ngôi, xoán để họ Hồ đã thẳng tay sát hại những tôn thất nhà Trần, chính thượng-tướng Trần-Khắc-Chân, một con người được coi như tiêu biểu cho nhà Trần đã phải gục ngã dưới lưỡi gươm oan nghiệt của Hồ-Quý-Ly trên đỉnh Đôn-Sơn. Còn lại hơn 400 người khác mang họ Trần đã phải mạng vong tại chợ Thanh Hồ, thuộc tỉnh Thanh-Hóa. Trong những người mang họ Trần còn sống sót có Trần-Nguyên-Hãn, bởi lẽ Hồ-Quý-Ly đã ở thế «há miệng mắc quai» nhận nuôi Trần-Nguyên-Hãn từ lúc họ Hồ còn là một tay chân của họ Trần, và mang mối cảm tình của Trần-Nguyên-Đán, vì thế nên Hồ-Quý-Ly không giết Trần-Nguyên-Hãn. Thực ra trong thâm tâm của Hồ-Quý-Ly không ư gì sự có mặt của Trần-Nguyên-Hãn, sự tồn tại của người cuối cùng triều Trần ấy còn được dung

thân và con người ấy là thánh tổ ngành Truyền-Tin ngày nay sở dĩ còn được sống chỉ vì Hồ-Quý-Ly muốn giữ một chữ tín mà thôi.

Trần-Nguyên-Hãn khi ấy vừa 12 tuổi, ông có tài thao lược lại học hành rất mực siêng năng, gặp lúc nhà Hồ chiếm ngôi nhà Trần thì tuổi hầy còn quá nhỏ cho nên đành cam lạng không dám hở môi âm thầm mang mối hận diệt vong. Thời gian lạng lẽ trôi qua, cuộc ngự trị của nhà Hồ kéo dài cho đến khi nhà Minh của Tàu đem quân sang xâm chiếm và cuộc tranh chấp giữa nhà Hồ và quân Minh chấm dứt bằng cuộc bắt sống Hồ-Quý-Ly của nhà minh. Ông thoát khỏi hoàng triều trong đêm binh biến, và đem thân lẫn trốn mong có dịp vùng lên đánh đuổi ngoại xâm. Thế rồi, trên bước đường bôn ba, một ngày kia khi ông đến ngã ba Bạch-Hạc cầu khấn, trong một giấc mơ ông thấy thần núi Tản-Viên báo mộng cho biết cơ trời đã định sự nghiệp

ngày sau sẽ lọt vào tay Lê-Lợi, người ở đất Lam-Sơn. Vì thế cho nên ông vào Thanh-Hóa tìm đến Lê-Lợi xin phò tá. (Đây là một truyền thuyết, tôi không dám lạm bàn, chỉ ghi chép lại). Khi theo phò tá nhà Lê ông được Bình-Định-Vương Lê-Lợi tín cần tin yêu hết lòng, giao cho những điều cơ mật và được phong chức Tư-Đồ Quan.

Năm Ất-Tỵ 1425, khi Lê-Lợi mang quân vây đánh Nghệ-An vì nhận thấy vùng Tân-Bình Thuận-Hóa và Nghệ-An, đường xá giao thông hiểm trở lại thiếu mất địa lợi, vua Lê liền cử Trần-nguyên-Hãn cùng Thượng-Tướng Lê-Nỗ đem một vạn quân và 10 thớt voi trận đến kinh lược vùng này để nối lại sự liên lạc.

Trong giai đoạn này chính Trần-Nguyên-Hãn người đầu tiên trong lịch sử dùng chim bồ câu làm phương tiện mang tin từ khu kinh lược về tận sào huyệt Lam-Sơn, đoạn đường dài, một phần vì quân

Minh chận xét rất gắt, một phần vì tình hình sôi động đòi hỏi ở sự liên-lạc nhanh chóng cần phải có, trong khi đó mỗi lần mang tin đi thời gian mất đi cả ngày trời lại khó bảo toàn được cơ-mật, trong tình thế khó khăn ấy, ông liền tự nghĩ ra phương thức dùng chim câu làm phương tiện truyền-tin thay thế cho phu trạm, và kết quả ông đã thành công mỹ mãn, ngành Truyền-Tin được coi như thành hình đầu tiên kể từ năm Bình-Ngo 1426.

Trong trận này ông đã đánh bại quân Minh và chiếm được khu Tân-Bình, Thuận-Hóa. Sau đó không bao lâu Lê-Lợi lại tiến thêm bước nữa đem quân ra vây Đông-Đồ, lần này Trần-Nguyên-Hãn được giao 1000 chiến thuyền kéo ra ngõ Hát-Giang rồi thuận giòng sông Lô đến Đông Bộ Đầu phá tan đạo binh của Vương-Thông, bắt được hơn 100 chiến thuyền của địch. Năm Đinh-Mùi 1427, ông được vua Lê thăng chức Thái-úy rồi sau

đó phụng mạng cùng Lê-Sát kéo quân sang mạn bắc chiếm thành Xương-Giang, trong trận này ông mất gần 6 tháng mới thắng được quân Minh. Đây cũng là trận chiến cuối cùng qua suốt 10 năm kháng chiến của Bình-Định-Vương Lê-Lợi.

Năm Mậu-Thân 1428, Lê-Lợi chính thức khôi phục xong đất nước và lên ngôi lấy niên hiệu là BÌNH-ĐỊNH-VUƠNG và Trần-nguyên-Hãn được phong chức Tả-Tướng Quốc Đại Công-Thần. Để ban thưởng cho một bậc kỳ tài có công lớn nhà vua đã cho cải họ ông theo họ nhà vua, vì thế cho nên ông còn có cái tên là LÊ-HÃN.

Từ khi được phong chức ông đã bắt đầu chiêm nghiệm đến tương lai khi thấy tướng nhà vua mình giống hệt như tướng Việt-Vương Câu-Tiền, nghĩa là cái tướng mỡ quạ chỉ thích sát hại người dưới trướng, vì lo sợ tương lai nên ông xin cáo lão về hưu, ông được vua Lê chấp thuận và

dụ cho ông hai lượt mỗi năm vào triều hội kiến.

Khi về hưu, ông lập vườn trồng cây nuôi cá, vui đời nhàn tản, đồng thời ông cũng lo thành lập một đoàn quân phòng vệ, sợ nhà Minh sau này sẽ tái gây họa binh biến, nếu thế ông sẽ có một đoàn quân giúp vua một cách hữu hiệu. Tuy nhiên, vì không muốn vua biết những điều mình làm nên ông thăm cho người đi đóng thuyền, tạo thành khí giới nuôi quân v.v... Việc làm này, làm cho một số nịnh thần ghen ghét và xâm tấu với nhà vua cho rằng ông âm mưu nổi loạn soán ngôi để phục hồi địa vị cũ của nhà Trần. Vua Lê nghe theo những lời của bọn Hoàng-Bá, Đinh-Ban-Bồn, Nguyễn-Chí, Lê-Đức-Dư liền buộc ông vào tội làm phản nên ra lệnh bắt ông đem về trị tội. Trước mối oan tình ấy, ông không biết nói gì hơn là cắn răng cam chịu. Khi đoàn thuyền giải ông đến bến Thượng-Đông, một nơi thuộc

tỉnh Thanh Hóa vì quá phần uất nên ông... mặt lên trời mà kêu rằng : «Ta đây đã cùng vua hết lòng phò tá, ta luôn luôn một dạ trung-thành nay chẳng ngờ cuộc khởi nghĩa vừa thành công vua lại nổi ghép ta vào tội phản phúc để sát hại. Mong trời cao soi xét.» Nói xong, bất ngờ một cơn giông tố nổi lên làm lật thuyền và ông cuốn trôi theo giòng nước bạc. Việc này xảy ra vào tháng hai âm lịch năm Kỷ-Dậu 1429 ngày 28.

Khi ông chết, vua Lê cho rằng ông có tội và cố tình tự sát để che dấu tội mình, vì thế vua hạ lệnh bắt hết gia-đình ông tịch thu tài sản, đồng thời tước hết mọi phẩm trật của ông.

Oan tình của Trần-Nguyên-Hãn kéo dài cho đến năm Ất-Hợi 1455 tức là Diên-Ninh thứ II, vua Lê-Nhân-Tông xuống chiếu cứu xét vụ án Lê-Hãn (tức Trần-Nguyên-Hãn.)

Nhận thấy ông là người vô tội, chịu hàm oan nên vua Lê

hạ lệnh ân xá và cho phục hồi chức tước đồng thời vua cũng trả lại điền sản cho con cháu ông, vua cũng cho lập đền thờ tại tỉnh Sơn-Tây bên giòng Sông Thượng-Đông.

Đến đời nhà Mạc, ông được phong tằng là **TẢ TVỐNG QUỐC TRUNG-LIỆT ĐẠ-L VƯƠNG.**

Sự tích của **TRẦN-NGUYỄN HÂN** vẫn còn được nhắc nhở

mãi trong dân gian từ xưa đến nay. Ngày nay, Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa chúng ta, đề tưởng nhớ một kỳ công của người xưa, chính phủ cũng như những người có trách nhiệm đã lấy tên Người đặt cho ngành Truyền-Tin làm Thánh-Tổ, một ngành mà chính tả tướng **TRẦN-NGUYỄN-HÂN** đã có công khởi đầu từ thế kỷ XV.

QUỐC HÙNG



THIẾU KINH NGHIỆM

Ông Quán đốc một đề lao nọ hỏi một tội nhân mới vào :

— Ở ngoài anh làm gì mà phải vào đây ?

Tội nhân đáp :

— Thừa ông vì tôi thiếu kinh nghiệm của tuổi trẻ.

— Lạ nhỉ ! Ông ít nhất cũng trên 70 tuổi rồi kia mà.

— Vâng. Nhưng vị trạng sư bênh vực cho tôi mới 25 tuổi thôi.

— ? ! ! !



Trẻ thơ

Xin cho tôi múa hát giữa bình minh
Mồng tám tháng tư xưa
Rằm tháng tư bây giờ
Dấu mốc thời gian, —

Biểu hiệp

Thân thiết quá, hai nghìn năm sinh nhật
Ta ăn mừng sinh nhật của tâm linh
Ngày xưa mẹ hát câu kinh
Ngày nay con phở hòa bình điệu thơ
Mồng tám tháng tư trời mưa
Cho mẹ cày bừa cho lúa đơm bông
Rằm tháng tư ánh trăng trong
Cho ba mươi triệu cõi lòng sáng trắng
Rằm tháng tư, ta ăn mừng sinh nhật
Của tâm linh — huyền diệu mãi khai hoa
Ôi Hoa Người đã nở giữa hồn ta
Nghe con suốt thời gian xuyên sợi chỉ
Dệt nên chiếc áo vàng nhất thế :
Thiếu Âu ơi ! Văn Phật, là người !

Rằm tháng tư, ta ăn mừng sinh nhật
 Của tâm linh — vầng vặc sáng quê ta
 Lửa ai ấm áp mọi nhà
 Suối ai ngọt mát từng hoa cải vàng
 Hương ta ngát tỏa bình nhang
 Sen ta thắm nở trên bàn tổ tiên
 A ơi lời mẹ ru hiền
 Trong ca dao, có ba nghìn vô ưu.
 Phật xuất thế cho em là tất cả
 Ôi trong lò sen nở sắc thường tươi
 Phật xuất thế cho tôi là tất cả
 Ôi ngọc thiên trên núi sắc xanh ngời
 Phật xuất thế cho gương Nàng hiền hiền
 Hẹn ngày mai tôi mãi khai tôi
 Giờ nhân phẩm nguy nga giờ đã điểm
 Tôi nguy nga chiêm ngưỡng đóa Hoa Người.
 Phật xuất thế cho quê hương màu nhiệm
 Đẹp áo vàng sen trắng đẹp trời xanh
 Phật xuất thế cho bồ câu lên tiếng
 Trong tâm tư nhân loại hạt giao lân
 Áo vàng sen trắng trời xanh
 Quê hương ta, hạt gieo lân nghìn năm
 Lửa hồng đây với sao trắng
 Hải triều âm gọi Bạch đằng giang sóng
 Ba Vì với Tản Viên ơi.
 Tuyệt Sơn một đỉnh, mặt trời đôi phương.
 Tháng tư, rằm dọi khắp quê hương
 Xưa với nay cùng ngụ một gương
 Nam Bắc hai miền chung Đức Phật
 Trông lên, cho tỏ mặt tình thương.
 Khuya nay, lặng sóng Tiều đường
 Sóng Hương sóng Nhị tròn gương trăm rằm.
 Mẹ già tưởng Phật trông trăng
 Ngực vinh quang hiện thân bằng Trẻ Thơ.

TRỤ-VŨ

THẦN THOẠI ẨM ĐỘ

Truyện ông Hoàng đào hoa KRISHNA

● DOÃN QUỐC-SỸ

(Tiếp theo và hết)

MỘT hôm Krishna lấy
 trộm tất cả quần áo của đám
 phụ nữ tắm dưới sông. Họ cầu
 khẩn xin Krishna trả lại, Kris-
 hna bắt họ từng người phải
 đích thân tới lấy. Đây Krishna
 không có ý gì khác hơn là dạy
 cho họ một bài học cao cả về
 tâm linh, (1) bù lại Krishna hứa
 sẽ cùng họ khiêu vũ vào một
 đêm trăng rằm.

Tới đúng kỳ trăng tròn tiếng
 sáo huyền ảo của Krishna vang
 tới làm những phụ nữ đó không

sao ngủ được. Họ bèn kẻ trước
 người sau lên chông, ra khỏi
 nhà, theo đường tới rừng. Sau
 một giây lâu hội họp Krishna
 bảo họ phải trở về vì họ đã

(1) Có sách giảng : lũ bò
 tượng trưng các giác quan ; các
 câu mục đồng tượng trưng trí
 khôn ; các cô tượng
 trưng trí thức ; đồ các cô mặc
 ngoài tượng trưng sự ngu dốt.
 Lấy cấp đồ tức là lấy đi sự ngu
 dốt làm sáng tỏ chân lý.

ngắm trăng đẹp bên bờ sông rồi. Cả bọn khóc lóc náo-nề xin Krishna đừng sớm ruồng rẫy như vậy. Không nỡ phụ lòng ưu ái của họ, Krishna đành đích thân san phẳng một khoảnh cao màu vàng lộng ngay trên bờ sông để sửa soạn làm nơi khiêu vũ. Trong khi đó các thiếu nữ xuống tắm dưới hồ Mânasa-rovara (hồ linh thiêng) lên trang điểm cho thật đẹp, rồi các cô nhảy vòng tròn xung quanh Krishna như quay tròn một vòng trăng sáng. Khi lòng tự kiêu của các cô lồ lộ trên nét mặt thì Krishna biến mất, chỉ mang theo có mỹ nhân Râdhâ. Các cô khóc lóc đi sâu vào rừng hỏi thăm chim muông, hoa cỏ xem có thấy Krishna ở đâu không. Các cô gặp lại nàng Râdhâ cũng đương khóc mếu vì mất Krishna. Có gì đâu, cũng vì nàng kiêu hãnh là đã riêng được chàng mang đi, chàng bèn biến mất. Các nàng đưa nhau trở về khoảng đất cao màu vàng lộng trên bờ sông ngồi khóc nỉ non. Thấy vậy Krishna trở lại. Cuộc khiêu vũ dưới trăng lại được tiếp tục.

Krishna tự phân thân thành số Krishna cho mỗi cô. Họ nắm tay nhau khiêu vũ từng búng, trông xa như một chiếc vòng lớn nạm vàng và ngọc bích: ánh vàng là khuôn mặt của từng Krishna, ánh ngọc bích sáng ngời là khuôn mặt của các nàng.

Tiếng gà báo sáng đầu đây. Trăng tà về đỉnh non Tây tự lúc nào. Tới giờ phải chia tay rồi; Krishna nói với các nàng hãy luôn luôn suy niệm về tình bạn cao quý này, như vậy nào có khác gì họ thường xuyên hiện diện bên nhau. Ai nấy vui vẻ ra về, và không một ai khác trong làng biết chuyện khiêu vũ trong đêm cả.

Kansa suốt mười mấy năm trời tìm đủ thiên phương bách kế mà không giết nổi Krishna đành cho mời Krishna, Nanda và toàn thể các bạn mục đồng trai của Krishna về kinh đô Mathurâ dự hội. Krishna và các bạn chàng nhận lời. Tới ven đô mọi người dừng lại, chỉ một Krishna vào thăm trước địa điểm mở hội. Chàng

tiến thẳng tới khán đài danh dự nơi Kansa sẽ ngự lâm, nơi đây có treo cây cung thần của Shiva tượng trưng cho uy quyền ngự trị của Kansa. Tương truyền cây cung đó chưa có ai giương nổi. Krishna lẹ làng kéo dây cung, cánh cung uốn cong và gãy làm đôi; tiếng vang dội làm cả kinh đô kinh hoàng. Kansa linh cảm ngày cuối cùng của mình đã đến.

Hôm sau Kansa tới khai mạc ngày hội chính thức. Krishna cùng anh là Bala-râma dẫn đầu đám bạn mục đồng vào. Tới cửa gác đấu trường, Kansa đã cho phục một con voi cực lớn, anh quân tượng được lệnh thúc cho voi tiến lên dày xéo cả đám đồng, nhưng Krishna nằm đuôi voi kéo lùi lại nhẹ như kéo một chú bê nhỏ. Cả voi lẫn quân tượng cùng bị giết. Hai tay cầm hai cái ngà bị, Krishna cùng anh vào thẳng gác đấu trường đấu vật voi vô địch địch đô vật của nhà vua. Tên này làm sao địch nổi Krishna. Kansa uất hận bèn hạ lệnh

cho ngự lâm quân bắt giữ hai anh em, nhưng Krishna đã nhảy tới kết liễu đời tên thoán đoạt phản phúc. Cha Kansa trở lại ngôi báu. Krishna cứu cha, mẹ ruột mình ra khỏi nhà ngục.

Trong mấy năm đầu Krishna đã giúp vương quốc này đẩy lui nhiều vụ xâm lăng và trừ khử nhiều tà quái tới quấy nhiễu.

Viswakarma, kiến trúc gia thần thông, đã xây một đô thị duyên hải cho Krishna mang tên là đô thị Dwâarakâ. Nhiều khi Krishna dùng phép thần thông mang cả dân chúng Mathurâ tới Dwâarakâ.

Trong một đêm, khiến sớm hôm sau khi bừng mắt dậy, họ rât đôi ngạc nhiên thấy quanh mình biển cả bao la,

Krishna cưới tới hàng ngàn vợ (2), ngôi chính

(1) Thực ra đây cũng hàm ngụ ý nghĩa tượng trưng. Krishna tượng trưng cho mọi yếu tố dương hòa hợp với mọi yếu âm để sinh sản và trường tồn trong trời đất.

ất là nàng Rukmini. Tương truyền nàng Rukmini ngưỡng mộ Krishna từ thuở nhỏ, nàng vẫn hằng cầu nguyện mong được làm vợ Krishna. Lớn lên, các anh nàng muốn gả nàng cho người khác. Nàng viết thơ nói rõ nỗi lòng mình với Krishna, Krishna tới cứu nàng vào đúng lúc nàng sắp làm lễ kết hôn với người do các anh lựa chọn. Nàng được đưa về Dwārakā. cùng Krishna nàng sinh hạ được người con trai tên là Pradyumna mà người ta cho chính là hóa thân của thần Tình-yêu Kāma-deva. Với bà vợ nào Krishna cũng có được mười cậu con trai và một cô con gái.

Một vị đạo sĩ tò mò muốn biết Krishna đã làm thế nào mà sống hòa thuận được với hàng ngàn bà vợ như vậy thì rất đỗi ngạc nhiên thấy rằng bà nào cũng khéo là chính Krishna cùng ở với bà. Thành ra cả hàng ngàn vị phu nhân ai nấy đều sống rất hỉ hả.

Một hôm bà chính thất Rukmini hỏi đức ông chồng là

ông trung thành với ai nhất. Krishna đáp : « Râdhâ ! ».

Vì Râdhâ là bóng đẹp xuất hiện từ tuổi thơ của Krishna, nên các vị phu nhân ở Dwārakâ chẳng ai được gặp Các bà yêu cầu Krishna cho được gặp Râdhâ.

Khi sứ giả của Krishna tới, thấy Râdhâ đang ngồi tham thiền, đôi mắt nhắm, miệng lầm nhảm gọi tên Krishna. Nàng đẹp hiền thực như bông sen trắng nở trong đêm. Khi được cho hay Krishna muốn mời nàng tới, nàng thoát khước từ, sau vì muốn làm đẹp lòng Krishna, nàng ưng thuận. Nàng trang điểm y như ngày ngày nào cùng Krishna khiêu vũ bên bờ sông gợn ánh trăng vàng. Tới Dwārakâ, vẻ đẹp rõ ràng cao quý của nàng làm mờ nhạt hết thảy các nhan sắc khác, chẳng khác mặt trời ló rạng thì trăng sao tất phải chìm đi.

Tới lúc chia tay, nàng không muốn đi nữa. Krishna phải an ủi nàng rằng Krishna là cả thế

gian, và cả thế gian ở trong Krishna, có cái gì ngăn được hai đứa mình đâu.

Thượng Đế, Caên-Thiện-Mỹ.

DOÃN QUỐC SỸ

Mỗi tình chung thủy thiết tha, cao đẹp đó cũng là tượng trưng mỗi tình của đấng Chí Tôn hướng về thế nhân, và khát vọng muôn đời của thế nhân hướng về nguyên lý tối cao

(Kể lại theo bản Anh văn *Tales of Hindu Gods and Heroes* của Ethal Beswick, Jaico Bombay 1960)

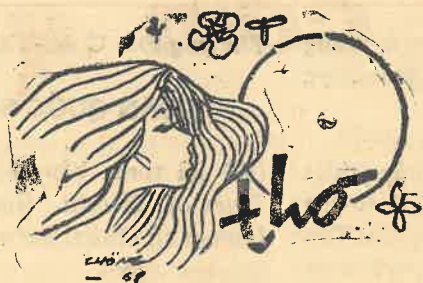


Đời đầy rẫy những cái vô-lý có thể trớ-trêu đến đỗi không thấy hợp lý chút nào cả. Nhưng bạn biết tại sao không ? Tại vì những cái vô-lý đó đều hợp-lý.

(La vie est pleine d'absurdités qui peuvent avoir éffronterie de ne pas paraître vraisemblables. Et savez-vous pourquoi ? Parce que ces absur dités sont vraies)

Luigi Pirandello

(Nhà văn Ý)



Tiếng tù và

Về quê nghe thổi tù và
Thúc trâu đầu gối hơi gà nhịp roi
Giọng thiêng đầu nậu tròn hơi
Bay trên lá mạ to trời quê hương
Đi từ công cấy ruộng nương
Tóc may châu thổ cái mương đồng bằng
Gói xôi cơm nếp đậu xanh
Muối mè rắc ngọn thơm vành lá buống
Ngón tay cái cầm sâu hơn
Mẹ trồng gốc lúa Trường Sơn thành tri
Thanh nghệ Tĩnh gọi nhau về
Vòng tay thân ái vỗ về Cửu long
Bao nhiêu đèo bao nhiêu sông
Bao nhiêu gốc lúa mẹ trồng nuôi con
Tù và hơi ẩm sừng trâu
Vút cong chữ S tô màu bình nguyên
Cuộc khai bờ mống thủy điền
Nước từ sông rạch về nguồn Việt Nam

NHƯ UYÊN THỦY
Gò Công

Một cơn gió

Cảm nghĩ sau khi đọc «MỘNG THANH BÌNH» của
TÔN NỮ HỖ-KHUƠNG

ĐÚNG lúc chiến trường còn
sôi động, thêm những vấn đề cam
go trên đất nước dập dồn, đư-
niềm cảm xúc lo âu của người dân
Việt vào trong tình trạng không
còn gọi là «Thiên địa phong trần»,
mà phải dùng đến danh từ: dầu
sôi lửa bỏng mới đúng.

Những tâm hồn thao thức, ngày
đen, đêm trắng, cổ ru giấc ngủ,
hoặc mượn ảo làm chân, mượn
chân làm ảo, hóa thân thành con
bướm mộng chấp chôn.

Bỗng đâu đây vẳng lại một khúc
du ca thời đại thật bi đát, chua
cay

Một nghìn năm nô lệ giặc Tàu
Một trăm năm đô hộ giặc Tây
Hai mươi năm nội chiến từng
ngày

Gia lai của mẹ, một lũ lại
căng...

Trước những cơn số mĩ mai
ấy dù cam hay điếc đi nữa cũng
phải cảm biết mà gởi mình vào
địa hạt suy tư.

Lại đến cái truyền thống bốn
ngàn năm văn hiến, cần được bảo
vệ chứ! Có lẽ nào giải đất hình
chữ S chẳng phải là hồng nhan
mà cũng tài mệnh tương đố như
Thúy-Kiều, hết nạn nĩ đến nạn
kia ư?

Nghĩ đến chừng đó, đủ rá ròi,
một mối, rồi chán nản, vô vọng
xâm chiếm làm mềm nhũn hoài
bảo.

Liệu có là giả tưởng không?
Dân đen đầu khổ nhiều lắm, Ông
trời quá xa xôi, hỏi còn kiên nhẫn
trông cậy nữa không?

Làm trạng mọi người đang
nung nấu trong cái lò cừ giữa tiết
trời Sài-đô với gần 36 độ nóng.

Cũng như kẻ viết bài này, buổi trưa chủ nhật của ngày nắng hè đang bức bối, bỗng cánh cửa mở rộng, Hỷ-Khương và Thùy bước vào như một luồng gió.

Có gì mới lạ đây? Người thơ đất Thần-Kinh ngày nào, tới thăm tôi với nhũ ý gì đây?

Tiếng «chào chị» Hỷ-Khương dự: tôi nhớ ngay ra cái giọng ngân réo rất của con chim họa mi mà hơn một lần tôi đã nghĩ rằng: Trong khi lòng người uể oải vì chiến tranh, Hỷ-Khương mới dựng một cầm-dài, hầu đánh tan bớt sầu muộn cho thiên hạ, chẳng thể mà bậc đàn anh Vũ-Hoàng-Chương đã từng đánh giá:

«Ngai vàng chót vót năm đời trước»

«Tiếng ngọc bång khuáng một kiếp này...»

đấy ư!

Tôi miên man vì những tư tưởng trên thời tiếng dịu dàng thức tỉnh:

— Em đem biếu chị tập thơ mới in xong —

(Từ khi nước bèo tương hội, vì niên kỷ, Hỷ-Khương với tôi vẫn xưng hô chị — em)

Tôi đón nhận đũa con thứ hai của Hỷ-Khương bằng tia nhìn chăm chú — quan sát hình thức thốt nhiên tôi ví: «ĐÔI MÙA TRĂNG», tập thơ đầu tay của Hỷ-Khương là con gái, còn chú bé này kháu-khỉnh xin trai mang cái tên mong «MỘNG-THANH-BÌNH», tên của chú đang là một chủ đề, một ước vọng từ đầu môi, chót lưỡi, tới thâm-tâm thiên hạ đó —

Bằng một nụ cười mãn nguyện, tôi niềm nở:

— Con em ra đời vừa đúng lúc — Chị sẽ tặng nó một món quà đón tay nhé.

Tôi tạm bỏ xa những mẫu thời cuộc, bỏ xa luôn bản nhạc Trịnh-Công-Son, hóa làm đôi cánh bướm, nhẹ nhàng bay vào vườn hoa Hỷ-Khương để bắt nguồn đồng điệu.

Ngay bài đầu «Gửi khách tri âm» tác giả đã nói hộ tôi, cũng như nói hộ tất cả chúng ta từ ngày cách-mạng I-II-63, tới một năm sau:

«... Và mây lại kéo về u ám»
«Che lấp không gian, phủ kín trời...»

Chẳng những mây đen vần đục, mà hơn thế nữa:

«Gió mùa ly loạn còn đeo đuôi,»

«Máu nhuộm chinh y vẫn đượm màu!...»

Tuy nhiên trong cái nhìn đen tối, vẫn còn tia sáng của luồng hy vọng tương lai, tác giả hẹn người thanh khí:

«Hỡi khách tri âm khắp nẻo đời,»

«Ngày xuân xin bạn hãy cùng tôi»

«Hương lòng một nén ta cùng nguyện :»

«Đất nước thanh bình, cảnh đẹp tươi...»

(gửi khách tri âm)

Cái tâm lý của con người hướng tượng vẫn là một thành trì kiên cố cho lẽ sống còn, và với câu châm ngôn Tây phương: «hãy tự giúp mình, trời sẽ giúp» cũng như câu: «Có trời mà cũng có ta» vẫn gần gũi loài người với huyền bí.

Cả những lúc tác giả nhớ tới khách chinh nhân, «say chí nam nhi, vui tình đất nước», trong cái hoàn cảnh ôm sương đội nguyệt, tác giả đã vì họ mà tha thiết kêu xin:

«Cứ đêm đêm...»

«Khi sương xuống giữa trời khuya»

«Khi trăng mờ trong gió lạnh»

«Nhớ thương Anh tôi vẫn nguyện cầu :»

«Mong xin phép Phật nhiệm màu»

«Đem tình yêu giải mối sầu thế nhân»

(bài thơ 3 đoạn)

Rồi lúc chán nản, căm hờn nhất, xót xa nhất:

«Khổ lắm rồi»

«Đau quá đời»

«Thương kiếp người nhưng giận đối ai đây?»

Lòng trông cậy không nản, tác giả lái van nài:

«Mong sao máy tạo vẫn xây»

«Sớm đưa nước Việt tới ngày vinh quang»

(niềm tin biết gửi vào đâu)

Cái nạn tương tàn giữa những

ANACINE
TRỊ PHONG NGŨA
MỀ ĐAY. HO, SUYỀN

con gà cùng chung mẹ đã khiến
tác giả thổ dài :

«Nơi sa trường, máu thường
nhuộm đỏ»

«Nhưng ai vô đó?»

«Cũng đều trong con cháu
Tiên Rồng»

«Nói ra thêm chạnh tắc lòng»,
«Ngậm ngùi chỉ biết hận
giòng nước xanh..»

(gần hai mươi năm)

Cuộc nội chiến vì chủ nghĩa
phân đôi hay đất nước chia cắt
thì cũng vẫn là một đau đớn. —
như tất cả mọi phía chúng ta hiểu
hòa, tác giả tâm tình :

«Ta ghét chiến tranh»

«Ta hờn chiến tranh»

«Ta ghê chiến tranh»

«Ta sợ chiến tranh..»

Nhưng trước hiện tình khó
khăn của phe hiểu chiến thời sức
người làm gì được nếu không
nhờ sức thiêng liêng :

«Cho nên ngày ngày ta vẫn
cùng nhau»

«Âm thầm nguyện ước»
Thanh bình về xóa hết cảnh
thương đau»

và :

«Nhìn Trăng Sao, những
nguyên cầu :»

«Mau hàn gắn lại mối sầu
ly tan»

(Trăng sao với một thanh bình)

Những niềm hoài bão của tác
giả hay nói chung, cũng như tất
cả lòng dân của nước nhược tiểu
này đều mơ ước như sau :

«Một ngày nào...»

«Xóm làng yên vui»

«Dân tình ôn ấm»

«Đường đi vạn dặm»

«Không còn hăm, hổ, mìn,
chông...»

«Tôi ước mơ...»

«Một ngày nào...»

«Giữa phố phường tập nập»

«Không còn bóng chính
nhân»

«Vội đoàn xe hành quân»

«Chặt nặng mũi sắt khi !»

«Tôi ước mơ»

«Một ngày nào...»

«Ánh trăng xanh không còn
soi sáng»

«Cảnh chiến trường lênh láng
máu đào rơi...»

«Anh thương yêu tôi»

«Tôi thương yêu Anh.

«Người thương yêu người».

«Hết rồi oán hận, hết rồi chia
phôi...»

(Tôi ước mơ)

Cứu cánh của Hòa Bình lúc
nào cũng là «Niềm tin và Tình
Thương không một ai trong chúng
ta lại có thể phủ nhận được điều
đó.

Trên kia tôi đã nói tác giả là
người của sông Hương núi Ngự,
tất cả nỗi lưu ly hương được gói
ghém trong bài «Buồn nhớ quê
hương» :

«... Huê ơi !»

«Nhớ hoài giòng nước buồn
thiu»

«Vội hàng cau đẹp nắng
chiều thuở tha»

«Nhớ từ cửa chợ Đông-Bà»

«Nhớ tên Thương-Bạc, nhớ
qua Trường-Tiền»

«Nhớ về xóm nhỏ Ngự-viên»

«Nhớ thôn Vỹ-Dạ đẹp hiền
ngày xưa...»

Hoài niệm nguồn gốc, cội rễ vẫn
là diễm ảnh trong tâm linh, dục
lên ta cảm thấy nhắc đến một
huyền thoại :

«Cổ-đô ơi : thương nhớ
lắm !»

«Tình quê gói áng mây hàn»

«Mừng gặp Đông quân cho
nhân»

«Xuân này, tôi đi tìm giang san»

«Cổ-đô ơi ! thương nhớ
lắm !»

«Sầu xuân dâng kín tâm hồn»

«Bên cánh mai vàng lặng
ngắm...»

«Tình quê đôi bóng hoàng
hôn...»

Nội dung thi phẩm «MỘNG
THANH-BÌNH» cho chúng ta
nhận thức rằng : Hỷ-Khương
mang giòng huyết thống của
Thân-phụ : Cổ thi sĩ Ưng-Bình
Thúc-gia-Thị, đã hấp thụ được
nền văn Nho-phong, Khổng-học,
triết-thuyết Niết-bàn, hồn thơ
mang nặng nguồn gốc Á Đông.

Người phụ nữ đa cảm nhưng
ôn hòa, điềm tĩnh, không phức
tạp, không buồn giận sâu sắc,
không tức tối ồn ào, không tham
vọng, không phù phiếm, không
xa hoa, nhất là không giả tạo.

TELMIN

TRỊ CÁC LOẠI LÃI

THƠM ★ NGON ★ NGỌT

Tâm chất Hỷ-Khương đúng là một vườn Thanh Bình, ở đó những áng hương nhẹ nhàng, muôn thuở còn đượm mãi không gian, cũng như trong lòng người đọc.

Tác giả sẵn sàng giao phó cuộc đời cho định mệnh an bài :

«Hãy ngoan ngoãn cúi đầu»
«Mà đợi chờ số mệnh»
«Khi cơ trời đã định»
«Đừng toan tính trước sau»
«Hãy bằng lòng chấp nhận mọi điều»
«Chớ vội vã mừng vui hay sầu khổ»
(Chấp nhận)

Tôi liên tưởng đến câu chuyện «tái ông mất ngựa» trong «Cổ học tinh hoa», Hỷ-Khương đã nghĩ : «rủi chưa chắc đã rủi, may chưa hẳn là may vậy»

Dù hoàn cảnh nào đi nữa, cũng tìm thấy nguồn vui trong mùa xuân :

«Hãy tìm trong mùa xuân»
«Những sắc hương tươi thắm»
«Những vẻ đẹp huy hoàng»
«Cho mộng lòng say đắm...»
(Trăng xuân lạnh bên thềm hoa xuân cũ)

Tác giả nặng khuyến khích hướng vào Thích-Ca giáo lý :

«Gieo hạt lành sẽ hái được trái tươi»
«Luật nhân quả luân hồi không thoát khỏi»
(Chấp nhận)

Lại cũng không vì thế mà tác giả quên hòa đồng tôn giáo, có một lúc tác giả đã liên-tôn cầu nguyện :

«Kính lạy Chúa Trời cùng Phật Tổ»
«Mong xin linh cảm tiếng kinh cầu»
«Của bao nhiêu triệu người đau khổ»
«Chỉ biết tin nơi phép nhiệm màu !...»
(Trung thu 67)

Tác giả ôm tròn lời nghiêm huấn :

PENI-V	200.000 đv
	400.000 đv
	500.000 đv
Thuốc viên trụ sinh loại mới PENICILLINE-V uống dễ dàng mà công hiệu như chính PENICILLINE-G.	

«Hiếu trung giữ vẹn tấm lòng son»

Tuy niềm đau tử biệt đã tám năm trôi qua mà tình phụ tử vẫn khiến tác giả cảm xúc trong ngày húy nhật :

«Trầm hương khói tỏa ngút dâng cao»

«Ánh mắt mờ trông, giọng nghẹn ngào...»

(Kỷ niệm húy nhật năm thứ tám của Phụ thân)

Với người bạn chung đường, tác giả đã cùng nguyện vọng trước Phật Trời :

«Hãy nuôi dưỡng Tình Thương»

«Sống mãi trong lòng người»
«Sống mãi giữa cuộc đời»

«Anh và tôi»
«Chúng ta cùng nguyện ước.»

Trong những vần thơ xướng họa với các thi hữu và những bài Đường luật sáng tác, Hỷ-Khương phong độ tao nhã đáng mến của nhà thơ nữ giới, tình cảm êm đềm, trầm lắng, thanh đậm như chiếc áo xanh lam, quả sinh nhật của người anh tặng tác giả :

«... Sinh nhật em, anh làm quả chiếc áo,»

«Màu xanh lam, sắc thanh đậm, nhu mì»

«Em mặc vào trên đường chiều vui dạo»

«Nhớ thương về... trong mỗi bước chân đi»

(chiếc áo xanh lam)

Tôi không dám nhận là tay thợ khéo mà phê bình phần kỹ thuật trên 40 bài thơ, vừa tứ tuyệt, vừa song thất lục bát, vừa đường luật, vừa sáu chữ vừa tự do... trong thi tập «MỘNG THANH BÌNH», tôi chỉ tóm lại phần nội dung.

Hồn thơ Hỷ-Khương đã đạt được mức chân cảm, thuần chất, nhẹ nhàng, khiến kẻ này phải mượn câu ca dao ngàn xưa làm kết luận :

«Ai ơi ! đừng thăm chớ phai
«Thoang thoang hoa nhài
mới được thơm lâu»

Đó là tư kiến sau khi tôi đọc «MỘNG-THANH-BÌNH» của Tôn-Nữ Hỷ-Khương.

Viết tại Sài-Đô, mùa nắng
Canh Tuất, chiều Chúa nhật
25-4-1970

QUỖ HƯƠNG

Anh khờ

● Bút ký của Cụ Sào Nam PHAN-BỘI-CHAU

Đây là một bài «Bút ký» của cụ Sào-Nam mà ít người biết, xin đăng nguyên-văn, do cụ Đông-Tùng sao lục.

(tiếp theo và hết)

CỐ nói chưa dứt lời thì anh Khờ bước vô quỳ sụp trước mặt cố.

Trăm lạy, ngàn lạy cố, cố làm phước cứu vớt con với ; con lúc tuổi trẻ bị cha mẹ cưng quá, nên không biết nghề lao-dộng gì hết nếu có nghề trong tay thì tội gì con phải đi ăn mày như vậy ;

Cố thấy Khờ nét mặt dễ thương, bèn hỏi :

— Mấy lúc bé có học được ít nhiều chữ không ?

Khờ dạ rồi lại cố :

— Thưa khi con lên mười, nhờ cha mẹ có học được ít nhiều.

— Vậy thì tao thử tài mày coi.

Nè ! Vô đây.

Khờ ta nhận tờ giấy, vừa xem vừa đọc, bắt đầu từ : Mổ niên nguyệt nhật, mọ mọ tính danh, vì lập văn khế sự, đọc riết một hơi cho đũa quốc hựu thường pháp cố lập văn khế vi ch ếu dụng giả. Đọc cùng đầu chí cuối không sót một chữ.

Cố Bá khoái cười híp mắt cầm tay Khờ lắc lắc mà nói :

— Nhà tao có một việc, chắc sức mày làm thì vừa lắm Khờ chấp tay nói :

— Thưa Cố, nếu gặp được việc gì mà tôi làm được với cố đề bỏ được cái bị gậy đi thì còn gì hơn nữa.

Cố Bá ôn tồn :

— Nhà tao là nhà đặt nợ lời, chắc mày không lạ chi, quân vay nợ chúng nó quá tệ, không đòi cho đủ thì không bao giờ chúng chịu trả cả, tao đang cần một tên phụ đòi nợ. Nhưng đã từ lâu, tao đã dùng nhiều đứa, không đứa nào biết chữ cả, đem khế nợ cho nó xem thì nó như mất mù, tao rầu vô cùng, bây giờ nếu được một đứa biết chữ như mày thì tao khoái biết bao nhiêu, mày thử làm với tao ít lâu xem sao ?

Khờ ta giả bộ mừng quýnh

— Nếu được vậy thì tốt phước cho tôi biết bao nhiêu.

Cố Bá nói :

— Bây giờ chưa có công việc đi đòi nợ, mày hãy xuống bếp giúp việc bếp núc ít lâu cho quen, để tao xem tính nết mày ít lâu ra sao cho biết.

Cố Bá có một cô hầu non thứ ba, cố mới cưới về một năm nay, Cố thương yêu lắm, bao nhiêu việc nhà bếp Cố đều giao cho Cô Khờ ra xuống bếp làm việc, hết sức chiều chuộng nịnh bợ cô.

Nguyên Cô là một nữ sinh độ bằng Ri-me, nên Cô cũng thích

nghe đọc báo và tiểu thuyết ái tình. Biết ý Khờ thường đem Tiểu thuyết về đọc cho Cô nghe. Sau đó không bao lâu, Cô cũng thích Khờ như Cố.

Chỉ sau hai tuần lễ, Cô nói với Cố rằng : nhà ta rất cần một người nhà đi đòi nợ biết chữ, bây giờ được thằng này thì may mắn biết mấy, phải nên sắm áo quần cho nó ăn bận tử tế.

Cố nghe lời vợ liền gọi Khờ lên nhà mà nói :

— Mấy tuần lễ nay mày làm cảm lực cục dưới bếp, tao thương hại mày quá Từ nay tao chỉ dùng mày vào việc đòi nợ. Hết tới các nhà mắc nợ, mày muốn làm gì đó thì làm, miễn là đòi được nợ.

Khờ dạ : «đời nào mà Cô bần tôi làm việc gì mà tôi không hết sức».

REGAST. T

TRỊ CÁC CHỨNG ĐAU
BAO TỬ. Bào chế theo
công thức Hòa-Lan

Từ đó Khờ nghiệm nhiên thành tay đòi nợ của Cổ Bá, nhưng là một người đòi nợ cá biệt ở vùng này.

Vì từ khi vào xứ Quảng tới nay, Khờ ta lao động vất vả mà có một số tiền khá lớn. Bây giờ Khờ được Cổ bá giao cho việc đòi nợ, Khờ lấy tiền mình ra giúp đỡ những nhà nghèo khổ phải vay nợ lời cắt họng của Cổ Bá. Nhờ vậy người ta càng cố gắng trả nợ nhiều hơn, nên Cổ Bá càng tin cậy Khờ hơn.

Thêm vào đó Cổ bá cũng nói tốt thêm vào cho Khờ nữa, cho nên Khờ nói điều gì là Cổ Bá tin hết.

Một hôm nhân lúc nhàn rỗi Khờ mới bàn với Cổ bá rằng :

— Tôi xem kẻ nợ của nhà ta quá nhiều, cổ lại cắt đề lung tung rải rác khắp nơi, khi đi đòi nhà nào phải tốn công lực soạn. Tôi xin cổ làm một cái rương lớn, sắp đặt cho có thứ tự. Kẻ năm nào để riêng năm đó. Bỏ vào rương khóa kín, Cổ cất giữ chia khóa là được.

Cổ nghe Khờ nói bùi tai gật đầu lia lịa.

— Ừ, mày nói phải đấy, đi

gọi thợ mộc làm cho tao một cái rương. Thợ tới nhà đóng rương xong bao nhiêu kẻ nợ Cổ cho vào rương đóng kín lại.

Việc đóng rương xong xuôi Khờ lại tiếp tục đi đòi nợ.

Sang năm sau Cổ bá vừa tuần 70 tuổi, Khờ xin Cổ là lẽ hạ thọ. Nhưng cổ bảo : Hạ thọ mà làm gì tốn tiền vô ích. Khờ nói :

— Cổ nói vậy cũng đúng. Tiệc hạ thọ chỉ nên làm riêng trong gia đình thôi.

Hôm ấy vừa đúng ngày 14 tháng 8, một tiệc thọ được bày biệt linh đình. Trong nhà Cổ bá bàn ghế bày la liệt, chiếu trải khắp sân, cổ bàn bày biệt linh đình, bết thấy con cháu trong nhà tề tập, rước Cổ lên ngồi trên bàn cao ngất ngưỡi, con cháu đứng dăng hàng làm lễ tế sống Cổ.

Cô Ba và Khờ hai người làm chủ tế, rót rượu thọ dăng Cổ. Cổ vốn dĩ là người thấp tiểu lực lượng, nhưng hôm nay quá vui, trước một người vợ trẻ với tên thầy tổ «trung thành» nên chén nào dâng lên Cổ cũng gắng uống. Dụng ý của Khờ là cốt nhân dịp này phục rượu cho Cổ say để hành động thì cổ cũng như Cô Ba làm sao mà

biết được.

Tới khi cổ đã quá say rồi, không ngồi vững được nữa, Cô Ba bảo Khờ bồng Cổ vào giường nằm, rồi dặn luôn Khờ ngồi canh chừng cho cổ ngủ.

Khờ vâng lời Cô Ba và cũng mở cờ trong bụng.

Lối gần một giờ sau, khi cả nhà đã ngủ hết, còn Cổ thì mê như chết giả.

Khờ bụng bảo dạ, bây giờ đã đến phút ta phải hành động.

Trước nhất Khờ cho tay vào lưng quần cổ lần lấy bộ chìa khóa, rồi Khờ lén vào nhà mở rương dốc Ván kẻ ra và châm lửa đốt. Khi ngọn lửa bùng cháy thì Khờ đã đứng cạnh cổ, thò tay bóp lấy cổ Cổ với sức bình sinh của Khờ. Bàn tay rắn chắc của Khờ siết chặt lại để chỉ nghe một tiếng ọc như heo bị đâm cổ phát từ trong cổ họng Cổ.

Ba phút sau ngực Cổ đã lạnh ngắt. Khờ nướng tay :

— Rồi đòi thăng tham.

Bên xác Cổ, Khờ vẫn đứng lặng như đang hầu Cổ chừng một giờ sau, Khờ rút đồng hồ xem

vừa đúng 11 giờ 30 phút. Khờ trở lại buồng nhìn đồng vân-khế thấy chỉ còn chút lửa le lói. Khờ lấy luôn cả số nợ, rồi mở cửa ra đi.

Khờ đi chừng 20 phút thì tới bờ sông Tam-kỳ, cởi quần áo quần vào cổ, bơi ra giữa sông liệng cuốn số nợ theo dòng nước rồi cười vang lên :

— Hủ hủ các nhà nợ, từ đây các ngài được uống nước.

Từ đó về sau không biết Khờ đi đâu, và câu chuyện Cổ bá Hùng đặt nợ, chết giữa ngày hạ thọ, giúp cho tôi chép thành câu chuyện này.

ĐÔNG-TÙNG
Sao Lục

□□□

MIDOL

TRỊ CÁC CHỨNG
ĐAU NHÚT, CẢM CÚM

PHỔ-THÔNG — 247



Tâm tình

Về chị Hứa-thị-Phấn, đề nhớ mãi
«mỗi tình học trò» của chúng ta.

Không biết bây giờ chị ở đâu
Từ khi hai đứa cách xa nhau,
Hai năm biệt biệt không thăm hỏi.
Muốn viết thư, mà biết gửi đâu ?

Chị ở Bình-Dương hay Sóc-Trăng ?
Hay Đồ-thành nhận hội hoa đăng.
Những khi hai đứa làm thơ Tếu...
Kỹ-niệm lâu rồi chị nhớ chẳng ?

Thu đến đây rồi, mùa nhập học,
Một mình em với mái trường xưa.
Sáng, chiều thơ-thần trong giờ nghỉ,
Thương nhớ... chao ôi, nói chẳng vừa !

Này gốc bàng xưa, sân trường cũ
Có người con gái mắt u-sầu !
Ngóng-trông bốn hướng chân trời lạ
Nào biết bây giờ chị ở đâu ? ? ?

Ninh-Hòa, 1963

HOÀI-THI
(CAM-RANH)

TRUYỀN KỶ

Một làng ở Bà-Rịa

Bầu một con cạp làm hương chức

★ NGỌC BỘI

THỜ trước, ở Bà-ri-a, đêm nào cũng bị cạp khuấy phá rất dữ. Các ông hương chức bèn bọp lại, bàn cách giải quyết, nhưng các ông nghĩ rằng nếu bây giờ bỏ dân làng cầm khí giới ra săn bắn con cạp này thì thật là hiềm nghèo, không thể làm như vậy được.

Các ông tìm cách, ơn nghĩa với con cạp thì hay hơn. Rồi các ông viết một bức thơ gửi cho cạp, lấy gai nhọn ghim bức thơ vào một gốc cây. Bức thơ ấy như vậy :

Kính dâng con cạp

«Dân làng chúng tôi, mỗi nhà có nuôi ít nhiều trâu

bò, heo gà, ấy là sự sản của chúng tôi chỉ có bấy nhiêu đó. Mấy lúc gần đây, ông thường bắt súc vật trong làng chúng tôi luôn, làm cho chúng tôi đau đớn thiệt thòi nhiều lắm. Thật là tình cảnh chúng tôi khổ não hết sức !

«Chúng tôi đã suy nghĩ ra lẽ rồi : Bấy lâu ông hành phạt dân làng, là có một cơ : chắc hẳn là tại dân làng không theo phép kính thờ dâng lễ cho ông như hai năm về trước, cho nên ông giận mà hành phạt dân làng đó !

«Phải như vậy rồi ! Dân làng chúng tôi xin ông rộng

lượng tha thứ cho.

«Nay muốn chứng tỏ tấm lòng là chúng tôi bao giờ cũng tôn kính ông luôn, trước là để êm sự giận dữ của ông, và sau là để sức vật trong làng được bình an vô sự, nên cả làng tôi bị họp lại, quyết định kính dâng ông chức Hương. Cả trong làng chức này là chức cao sang hơn hết ở trong làng xã.

«Chúng tôi trông mong ông niệm tình mà nhận chức ấy giùm.

«Nếu như ông vui lòng nhận chức, thì xin ông, lấy móng chân của ông mà cào một đường dài ở dưới gốc cây ghim bức thơ này, để

Một ký giả phỏng vấn nhà văn Max Tawain về những kỷ niệm xa xưa. Nhà văn rầu rầu nét mặt nói !

— Tôi có một đứa em trai Bill. Tội nghiệp nó quá !

— Ông ấy qua đời rồi phải không ?

Nhà văn đáp :

— Người ta không biết thế nào mà nói cho đúng. Chúng tôi là hai trẻ song sinh. Một hôm bà vú tắm chúng tôi trong cái bồn lớn. Một trong hai đứa chết đuối. Chúng tôi giống nhau như khuôn đúc, riêng tôi có cái bớt ở đùi bên phải. Và chính là thằng đó bị chìm !

để chứng tỏ cho dân làng biết rằng ông đã chiếu cố dân làng mà nhận chức rồi.»

Chẳng rõ sau khi làng ấy gửi bức thơ này đi, cộp có lấy móng chân mình mà vạch một đường dưới gốc cây tỏ ý bằng lòng nhận chức Hương cả chẳng, vì không ai dám bén mảng đến gốc cây kia mà xem... cộp ký tên chấp thuận cả !

Câu chuyện trên đây do ông Paul Doumer, Tổng thống của nước Pháp mà năm 1932, làm Toàn-quyền Đông-dương, đã viết trong cuốn *Almanach National* năm 1935.



Bác sĩ

PHẠM - VĂN - NGÔI

một nhân-vật điển-hình
của thời đã qua

○ THÁI BẠCH

Ông Phạm-văn-Ngôi sinh năm 1894 tại quận Mỹ-cày, tỉnh Bến-Tre, tạ thế tại Chợ-Lớn ngày 16 — 3 — 1970, thọ 76 tuổi.

Mảnh đất «hòn ngọc Viễn đông» rồi bết mất một bác sĩ nhiều năm kinh nghiệm; một chánh khách không bị vinh hoa quyến rũ, danh lợi mê hoặc; và một chủ báo đã vang bóng một thời.

Với ông Ngôi, tôi không

thân mấy, nhưng không thể quên vì cuộc đời ông có những giai thoại và những nét thay đổi đáng ghi.

Tôi gặp ông lần thứ nhất vào khoảng đầu năm dương-lịch 1945 tại nhà người anh họ tôi ở Saigon là Hiếu. Thấy bác sĩ, tôi phục lăm, phục hơn nữa khi nghe ông xò toàn tiếng Tây. Thời đó mà vậy là oai biết kè gì !...

Theo lời anh tôi, ông Ngôi người rất tốt, hào hiệp chỉ

phải tội quan liêu quá cỡ, lúc nào cũng muốn được gọi, một điều ông lớn, hai điều ông lớn. Sự muốn ấy của ông đã thành như sắc lệnh ban xuống bởi bếp phải nghiêm chỉnh thi hành. Nhưng xét cho cùng, cũng chẳng trách, vì đó là tình trạng chung của đám trí thức bệnh hoạn trong xã hội vi trùng; chỉ một trận bão thay đổi không khí, tự nó sẽ tan; mau hơn gấp trùng một linh đơn cứu khổ.

Tôi xin ghi lòng tạc dạ «Đại Đông Á Vạn Tuế» !...

Ngày Nhật đảo chánh Pháp xong, nhờ sự giới thiệu của bác-sĩ Nguyễn-văn-Nhã (một sĩ quan trong quân đội Thiên-hoàng), ông Ngồi được các chánh khách Nhật đốai đến. Nhưng chết cười :

Một hôm thống-đốc Minoda đi kinh lý Sadéc (nơi ông mở phòng mạch) trước mặt các nhà cầm quyền tỉnh quận và nhân sĩ; quen miệng, thay vì phải hô : Đại đông Á vạn tuế (vine la Grande Asie Orientale) ông hô ngay : Pháp quốc vạn tuế (vuiet la Grance), mặc dù trước đó đã được người dẫn đi dặn lại, Minoda giận tái

mặt, nhưng có lẽ y chột thông cảm, cho là vô tình, nên mỉm cười quay lại :

— Hô Đại đông Á vạn tuế chứ !

Lúc đó, ông mới sực hiểu mình lầm, một cái lầm nguy hiểm làm mọi người ngơ ngác lo sợ, nên ông cứ lia lịa xin lỗi, đến khi Minoda lên xe từ giả, ông cũng đi theo, lễ phép nói :

— Ngài tha cho, tôi xin ghi lòng tạc dạ «Đại đông Á vạn tuế».

Phải nói là cả một giai thoại : Và cũng do đó, người ta thấy thêm cái đuôi một tấn trò giả tạo vụng về của một bày khi «Sơn đông» trên sân khấu chánh trị ; đồng thời cũng là bài học cho những kẻ về sau, đề nên ngay thẳng ; cứ giả mù sa mưa, sẽ có bữa hổ to.

Câu chuyện trên được kể truyền miệng đi, có người lại thích thú khen bảo :

— Quên mẹ gì, đây là một cú chơi xỏ thẳng Nhật đó !

Chẳng biết đúng không ; nhưng thế đã là xỏ, chơi xỏ thẳng Nhật ; được lắm ! Thằng Nhật còn tệ hơn Pháp «*Quý áp ma vãng, Nhật hàng hơn Pháp*», từ khi bọn chúng

mới sang, người ta đã kết luận như thế.

Tôi phục thêm, vì ông đã đùa với quỷ mà không phải đi châu âm phủ.

Nhưng khi thực dân trở lại, tôi ghét ông cay đắng.

Sao có học Pháp, ông không chịu như Boileau đã nói «soyez mason, sicers votre talent» ?

Sao là bác sĩ, đã danh giá, đã giàu sang, ông lại bỏ nghề, đi theo cái chánh phủ Nam-Kỳ, tự trị, quái thai của bè lũ xâm lăng, bằng cách vào Hội đồng tư vấn của chúng, trong khi cả nước đang sôi lên vì nhục ?

Tôi không ngần ngại chỉ trích ông, bất kể những lời bênh vực của anh tôi. Anh nói :

— Tri thức phần đông thế. *Sĩ khí rụi rề qà thấy các; văn chương liều lĩnh đâm ần xoi*; nhà thơ Tú-Xương nói lâu rồi. Ông Ngồi có chân trong hội đồng chuột ấy, có lẽ bắt đắc dĩ, gặp thời thế phải thế. Không nên đòi hỏi ở ông nhiều, ông không tán thành chủ trương chia rẽ Bắc Nam, và là người duy nhất dám nổi những «trái thối» như các báo đã đăng. Tạm được ! Chê trách ông thái quá, tội nghiệp !...

Bị Kháng-Chiến bắt lưu đạn đất, Nhưng hú hồn hú vía.

Bốn năm tháng, ông bị Kháng-Chiến bắt. Vụ bị bắt này cũng là một giai thoại :

Hôm ấy ông cùng bầu đoàn thể từ đi Saigon. Xe ông ra khỏi thị xã Sadec chưa đầy nửa cây số. Một toán du kích quân chặn lại. Họ chia ngay vào trong xe quả lựu đạn đen ngòm, bắt tất cả phải xuống. Ông không dám chống cự, mặc dù trên xe có số sẵn cây tiêu liêu. Chống sao kịp, chỉ một cái buồn ra của quả lựu đạn tức đi đời hết thầy. Thế là toàn thể đều bị dẫn đi. Thần hồn nát thần tính! khi ông hiểu quả lựu đạn ấy chỉ là quả lựu đạn bằng đất thì câu chuyện đã qua. Trớ trêu hơn, trong đám du kích lại có một thanh niên cùng bà con với ông. Y bảo thương ông nên bắt ông...

Tôi tưởng ông cùng gia quyến sẽ mò tìm. Một kẻ chỉ đem lên con gà đi bán cho Tây, còn bị trôi sông ; huống ông, tay tở, tránh sao tội việat gian hạn nặng !

Không dè, ít lâu, ông được thả với toàn thể gia quyến. Ông lên Sài-gòn, anh tôi thiết tiệc

Đã mừng ông thoát nạn. Được tham nhiên, tôi ngạc nhiên thấy ở ông có nhiều thay đổi... Ông bớt dùng tiếng Tây và cũng bớt quan liêu. Trước kia ông thích dùng danh từ «ông lớn» bao nhiêu, bây giờ ông kỵ nó bấy nhiêu.

Được hỏi về việc bị bắt, ông trả lời cho đó là vận hạn. Tôi nghĩ ông làm chính trị nữa. Nhưng ông lại hoạt động, lại oang oang phản đối những chủ trương chia rẽ dân tộc của Hội đồng Nam-Kỳ; luôn cả chính sách của nhà nước thực dân.

Tức quá, người Pháp hạ lệnh bắt ông, chụp lên đầu ông cái mũ «tiếp tế thực phẩm, được phẩm cho phiên loạn V.M.»

Họ giam ông 6 tháng tại nhà lao Mỹ-Tho. Ngày ra, ông chưa chất tâm sự với anh em bạn bè:

— Không có chuyện này làm sao hiểu rõ được tội nó. Trời ơi văn minh là văn minh, văn minh nghìn năm của nước Pháp. Thật quả, mấy đời bánh đúc có xương, mấy đời đế quốc mà thương dân mình !..

Lần đầu tiên, ông dùng hai chữ «đế quốc» để chỉ lớp người mà ông đã quen hô «vạn tuế». Có thể nói con người ông đã chuyển hướng khá mạnh và

thực sự chuyển hướng. may lần các chánh phủ thời «quốc-trưởng Bảo-Đại» đến mời tham gia, ông đều từ chối không điều kiện.

Chỉ tại quá thiên về tình cảm cá nhân mà bị đám tay em phản bội — âu đây cũng là một bài học chánh-trị !

Sau đó, anh tôi từ trần, tôi trở về Bắc thành thời gian rất lâu, không dịp gặp. Tuy nhiên qua các báo chí, cũng biết sơ lược những hoạt động của ông.

Trải hai trận ngồi tù, dư luận đồn ông đã «ô voa» chánh trị. Nhưng người ta hiểu sai. Ông không phải làm chánh trị với tham vọng giành phần sôi thịt, chỉ tiếc sự hiểu của ông còn thiếu nhiều sâu sắc tế nhị.

Tháng 7 năm 1953, ông lập đảng Xã-hội Việt-nam đề lời kéo một số nhân sĩ, trí thức. Nhờ sự ủng hộ của các lãnh tụ xã-hội Pháp mà ông đã bí mật giao thiệp, đảng ông được công khai hoạt động có chân trong Quốc tế xã hội. Ông được bầu tổng thư ký đầu tiên, tức lãnh tụ tối cao, nên nhiều lần đi dự hội nghị quốc tế xã

hội ở Anh, Pháp, Miến điện... Điều đáng ghi nhớ, ông đã bỏ rất nhiều công của cho đảng, không hề lợi dụng đảng, làm tiền làm thế, nếu nói đến chánh khách có tự đức ở đây, người được kể đến, trước nhất phải là ông !

Việc làm của ông sôi nổi nhất, vào lúc mùa thu năm 1954. Bản hiệp định Giơ-neo vừa ký, ông liền đứng tên chủ nhiệm, ra tờ nhật báo Minh-tâm cổ võ cho hòa bình Việt-nam. Báo này báo chạy nhất lúc ấy, có ngày in lại đến 3 lần và cũng tăng lương cho thầy thợ 3 lần. Ông đối lập công khai với chánh quyền họ Ngô, nên tờ báo bị thu hồi giấy phép. Ông bị đe dọa...

Cuối năm ấy, tôi di cư vào Nam, định lại thăm ông, dù sao ông cũng là bạn chí thiết của anh quá cố tôi, nhưng được nhắn dừng đến, vì ông đang bị Công-an, Mật vụ Diệm theo dõi, nên thôi.

Suýt bị ông Diệm cho đi tù vì suốt ký tên Hòa Bình

Không bao lâu, ông rút vào vị trí chuyên môn. Tay đàn em Cò-văn-Hai lên thay tổng thư ký. Tay em này liền phản bội tay anh, và hợp tác với nhà

Ngô, ông tức đến chết điếng. Âu đây cũng là một sai lầm khá nặng về phương pháp dùng người, quá thiên về tình cảm cá nhân. Trong thời gian này, nhiều lần các chánh khách ngoại quốc đánh hơi tìm đến nhà riêng ở Chợ-lớn xin gặp, ông đặt điều tiên quyết: không bàn chính trị vì tuổi tác đã già.

Nhưng năm 1965, ông lại ký tên vào bản tuyên-ngôn hòa-bình, đòi chấm dứt chiến cuộc Việt-nam. Ông bị Cảnh-sát thời Diệm mời tới. Người ta tưởng ông bị tổng đi, hay bị giữ. Nhưng ông lại được về. Có kẻ hỏi lý do, ông chỉ xua tay đáp:

— Có gì đâu, chỉ tại mình hòa bình, thôi. Tội tình chi mà giữ. Tôi là xã-hội chứ nào phải Cộng-sản. Tuy nhiên, cũng phải hủ vía và hủ hồn cho ông !

Sau ngày chánh phủ Ngô-đình-Diệm sụp đổ, tôi nhận giữ mục «Sinh hoạt chính trị» cho một nhật báo, có đến thăm ông để tìm tài liệu đảng xã-hội Việt-Nam; tiện thể muốn tỏ mò xem bức thư của ông Hồ-chí-Minh, vì nghe tin đồn, ông là nhân sĩ duy nhất ở Sài-Gòn được chủ tịch Bắc-việt gửi thư. Không thỏa mãn. Về bức

thư, ông cho biết chỉ là tin vịt. Còn về phần đảng thì ông buồn bã đáp :

— Thôi, cái thầy ma đã sinh, kẻ đến làm gì ý mình khác, tội nó khác... Nói ra mắc cỡ, qua van chú mày đừng bắt qua trả lời.

Mấy bữa sau, ông đi Pháp, tôi nghĩ ông chán đời. Nhưng lại hay ông cùng tổng thư ký đảng xã-hội Pháp, Nuy Mollet lên tiếng đòi cho miền Nam Việt-Nam độc lập và hòa bình. Khi về nước, ông tin trước sẽ họp báo tại ngay phi trường Tân-sơn-nhất để tuyên bố chương trình hành động. Nhà cầm quyền biết được chặn lại, thành từ máy bay bước xuống, ông lên xe về liền. Phải không, chắc có nhiều pha sôi nổi và ngoạn mục!...

Té ra ông vẫn còn ham hoạt động lắm!

Một người đã ngoài bảy chục, vậy là đáng khen, tuy về khả-năng chánh-trị còn thiếu nhiều mặt quan trọng. Nhất là hay cao hứng, hốc đồng và bị mắc một cái lăm về chữ quan, cừ trưởng đảng Xã hội Pháp là đảng còn tiến bộ, hợp thời, rất tốt với Việt-Nam, là có thể lực thực sự trên chiến

trường quốc tế. Và tưởng đảng mình là kết tinh thật tất cả lực lượng chủ yếu của dân tộc, đáp ứng nguyện vọng dân tộc để lãnh đạo một phong trào tranh đấu như Louis Caput (cựu đại diện đảng xã hội Pháp ở V.N.) đã thôi phồng cho trong quyền «Đề lập lại hòa bình Đông dương» (Pour le rétablissement de la paix en Yndochine).

Thân lão tâm bất lão!

Tôi nghĩ lại thương ông hết sức.

Và thương hơn nữa khi nghe tin ông mất, nên viết bài này nhắc nhớ mấy kỷ niệm về ông. Vong hồn ông có thiêng hãy thứ cho tôi, những cảm nghĩ không đẹp của cái thuở xưa kia về ông.

Ông Phạm-văn-Ngôi! Than ôi, ông mất! Con người ta đi rồi ai cũng mất, nhưng mất như ông là mất mà còn đó, vì ông còn là chỗ để khen người trong sạch đáng kính trên chính trường Việt-Nam. Có ai tiếp xúc với những nhân vật và chánh khách ở đây mới thấy đúng như vậy.

Saigon tháng 3 năm 1970

THÁI-BẠCH



Lời kẻ nhớ

(trộn vụn về Quyên, Paris.)

Mắt em là biển mệnh mỏng,
Cho anh em ái là dòng Gát Triêm
Môi em là nụ hoa mềm
Cho anh ngậy ngất con tim quên đời
Tóc em là áng mây trôi
Cho anh lạc lỏng bên lời gió ru
Tay em là gió thổi ru
Cho anh giấc ngủ phù du trên đời
Nhưng trời đã bắt chia phôi
Biển hoa, mây gió hết rồi đắm say
Thu đi thu lại mấy chầy
Em phương trời ấy có phai ân tình?

TRẦN TRÍ HÙNG

HUYỀN THOẠI CAO-BIÊN

YẾM ĐẤT Ở DÂY NÚI ĐÈO CẢ

● **Sưu tầm của cô VÂN-UYÊN**
(Cao học Sử Đại học Văn khoa Saigon)

THEO những giai thoại được truyền miệng trong nhân gian vùng Khánh-Hòa — Phú-Yên. Ngày xưa sau khi đã xây thành đắp lũy để phòng vệ xong, những lúc nhàn rỗi Cao-Biên thường cỡi một con điều bạch đi khắp các miền danh lam thắng cảnh để yếm phá những long huyết, với mục đích tận diệt mầm móng quật khởi của các tiểu quốc phương Nam. Một Cao-Biên cỡi diều bay dọc theo bờ biển thì gặp một cửa sông, nhưng dòng sông thì không thấy ở trong đất liền. Cao-Biên tìm quanh mấy lượt mới nhận ra một dòng sông trở từ một ngọn núi ở phía nam rồi chảy dọc theo bờ biển độ hơn mười dặm mới đổ ra biển. Dòng sông ấy phát nguyên

từ một nơi xa tít trong dãy núi hùng vĩ chảy dọc trên một cánh đồng bát ngát khi sắp đổ ra biển lại bao lấy ngọn núi kề trên. Nhìn thấy cửa biển quý hóa này, Cao-Biên biết ngay là vùng có long mạch lớn. Qua nhiều lần tìm kiếm khó nhọc. Cao-Biên biết chắc chắn là trong dãy Đèo-Cả có ba long mạch lớn nhất ở phương nam. Cao-Biên định tâm quyết hủy phá cho kỳ được xứ dụng hết tất cả quyền lực, quỷ thuật vào mục đích ấy. Suốt thời gian hơn năm năm trời tìm kiếm, dò dẫm đường sá đến đầu năm Quý-Mùi, Cao-Biên kéo hơn vạn quân xuyên rừng núi tiến về phương nam. Đến chân dãy Đèo-Cả dừng quân lại bên bờ biển ngọt (Biển-Hồ : Hồ thủy). Đóng quân lại

nơi đây rất lâu, nhưng ngày nào mây mù vẫn phủ kín biển dãy Đèo-Cả thành một bức tường thành đen ngịt vĩ đại không làm sao vượt qua được.

Cao-Biên hạ lệnh cho quân sĩ khai khẩn đất hoang để trồng trọt thóc lúa và thực phẩm. Nhờ dùng phép bấm động và xem sao trời Cao-Biên mới biết được là qua tiết lập hạ có gió nồm thổi, mây mù sẽ tan biến.

Khai mây mù bắt đầu tan dần, Cao-Biên nhận thấy ngay một chóp núi cao vút trông tựa hồ như tại cửa một con rồng đang vênh lên. Tìm ra long huyết, Cao-Biên biết là không thể phá liền được, bèn ra lệnh cho quân sĩ lo việc trồng trọt và chăn nuôi súc vật để có đủ lương thực mà sử dụng. Tất cả những quân sĩ biết làm nghề thợ rèn, thợ đúc đều được qui hợp lại thành cơ đội chuyên lo việc đúc nên năm thanh kiếm lớn bằng thép. Điểm xong năm huyết xung quang tại con rồng, Cao-Biên cho quân di chuyển năm thanh kiếm lên tận đỉnh núi. Chờ lúc đêm khuya vắng lặng luyện bùa phép rồi sáng hôm sau thì cho quân sĩ cắm năm thanh kiếm xuống năm huyện đã điểm sẵn. Mỗi thanh kiếm do chín

tên lính phụ trách cắm xuống. Khi quân sĩ bắt đầu cắm những thanh kiếm xuống huyết, Cao-Biên cỡi diều bay dọc theo dãy Đèo-cả để tìm những long mạch khác. Bay về hướng tây độ hai mươi dặm trông thấy một vùng nước mà các sông rạch đều đổ dồn vào. Cao-Biên bèn dừng lại trên một cánh đồng gần bên vùng nước ấy. Diều vừa đậu xuống cánh đồng, bỗng nhiên một con hồ rất to lớn xông đến vỗ Cao-Biên. Con diều sợ hãi cất cánh bay bổng lên không. Cao-Biên vội vã bắt ấu để gọi lại, con diều sà xuống và sẵn trón đậu trên một ngọn núi nhỏ đầu ra ở phía đông. Khi diều vừa đậu xuống bỗng nhiên ngọn núi lại phát hỏa vụt cháy dữ dội ; Con diều bay lên không kịp bị lửa cháy tấp đen nám cả lông. Trước những biến động này, Cao-Biên kh ông còn đủ quyền-thuật để chinh phục được nữa nên đành quay trở về nơi đóng quân. Khi Cao-Biên vừa đi khỏi, mưa bỗng đổ xuống tầm-tã, dập tắt ngọn lửa đang thiêu hủy ngọn đồi. Có lẽ do sự tích này mà trong Đại-Nam Nhất-Thông-Chí có ghi :

Mưa Đồng Cọ, gió Tu-Qua.
Cọp Mỹ-Hòa, ma Bình-Thuận.

Vì con điều của Cao-Biến màu trắng trông tựa như con cò, cho nên dân quê gọi cánh đồng mà con điều đã đậu xuống là đồng cò. Trên cánh đồng này cũng có nhiều cây cọ (một loại cây cao lớn) nên cũng có sách gọi là đồng cọ. Mỹ-hòa là một làng nằm bên cánh đồng mà con điều của Cao-Biến đã đậu xuống, nơi con cọ lớn đã xông ra vỗ lấy Cao-Biến. Cũng có sách gọi là Tuy-Hòa hoặc Khánh-Hòa vì những địa-danh này đều nằm kế cận nơi Cao-Biến bị cọ vỗ. Đặc-biệt ngọn núi bị cháy ấy, ngày nay vẫn không mọc được cây lớn, chỉ có lau, tranh mà thôi, lúc nào cũng có màu vàng đỏ như màu gạch nung và có tên là núi Tống-Đạo.

Khi trở về đến nơi quân sĩ đang cắm kiếm, Cao-Biến rất đổi hãi hùng vì cả năm lưỡi kiếm đều chưa cắm sâu xuống được mà hết thấy các binh lính đều ngã lả ra chết từ lúc nào rồi. Điều đáng ngạc nhiên hơn nữa là hết thấy 45 người lính đều có mặt mũi, tầm vóc giống nhau như một và tất cả đều quay đều về hướng Bắc. Năm thanh kiếm ấy ngày nay là năm trụ đá cao vút độ 15-20m ở xung quanh Ông-Bia tức núi Đá-Bia (Thạch-Bi-Sơn). Theo truyền

thuyết thì gọi đó là kiếm của Cao-Biến yểm long mạch. Nhưng trong Đại-Nam Nhất-Thống-Chí lại ghi là trụ đồng của Mã-Viện. Cao-Biến rất kinh hãi và chán nản, nhìn xung quanh mây mù vẫn phủ đen mịt như chứa đầy những bí ẩn, hiểm nguy. Tự thấy rằng không thể nào thực hiện được mưu đồ nên Cao-Biến đành thâu lượm những xác chết của quân sĩ rồi truyền lệnh rút quân về Bắc. Kéo quân đi độ một trăm dặm thì đóng quân lại bên một đầm nước phẳng lặng như tờ. Cao-Biến cho con điều xuống đầm này để ngoi tắm và chôn xác của 45 tên chung một nấm mộ lớn bên bờ đầm, Đầm này ngày nay có tên là đầm Ô-Loan (con chim đen), bởi vì con điều của Cao-Biến cháy nám hết lông và biến thành con chim đen và mã của 45 tên lính được gọi là mã Cao-Biến chỉ là một đụn cát lớn bên bờ đầm Ô-Loan. Cũng theo tục truyền khi con điều ngoi tắm dưới đầm đã làm rơi rớt những bảo vật mà Cao-Biến đã gắn yểm trên thân mình. Các loại trai ốc trong đầm này ăn nhằm phải đều biến thành một loại ngọc trai rất quý, đôi khi dân chài lưới trong đầm đã bắt được loại ngọc trai ấy.

Trong khi Cao-Biến cực nhọc

lo việc yểm hại long huyết để tận diệt mầm quật khởi của các thêu quốc ở phương Nam thì vua nhà Đường không thấu rõ và ngỡ rằng Cao-Biến đã bỏ lỡ việc chinh phạt nên vội triệu hồi Cao-Biến về kinh để hạch tội. Về gặp vua Đường, Cao-Biến xin yết kiến riêng, được vua chấp thuận Cao-Biến mới giải bày mọi gian lao khó nhọc trong mưu đồ phá long huyết. Nghe lời giải bày vua nhà Đường rất vui mừng cho rằng Cao-Biến đã làm đúng với ý nguyện của Thiên triều và liền cấp thêm tiền bạc quân lính để Cao-Biến trở lại phương Nam nhận lại chức vụ cũ.

Trở về phương Nam gặp vào mùa nắng hạn, các sông rạch đều khô nước, gió mùa thổi ào ào cây cối đều khô cằn. Trước cảnh tượng này Cao-Biến rất lo ngại, tưởng rằng Tào-Hóa đã từng phạt gây nên khó khăn dễ ám hại. Tuy vậy, Cao-Biến vẫn cố gắng thực hiện mưu đồ nhiều lần nữa, nhưng không có lần nào tìm ra long huyết cả.

Tự biết rằng nếu càng ở lâu lại phương Nam, thì sẽ làm cho vua Đường thất vọng, nếu vua thất vọng mất tin tưởng thì khó mà Cao-Biến được sống yên thân.

Vì vậy Cao-Biến đã xin nhà vua cho về trí sĩ và đề cử người cháu ruột tên là Cao-Tầm qua thai thế.

Khi Cao-Tầm đáo nhậm nhiệm sở Cao-Biến đã dặn dò cận kề từng đường đi nước bước. Trong những lời căn dặn có câu: «Hành đảo Nam phương, bắt vi nan tự». Về sau này người ta tìm ra được trên một tảng đá lớn nhô ra biển ở bên bờ Vũng-Rô có khắc chữ Nan. Theo Đại-Nam Nhất-Thống-Chí thì chữ Nan nay là do vua Lê-Thánh-Tôn khắc khi nào dẹp giặc Chiêm-Thành. Bên cạnh tảng đá trước đây người Pháp đã đặt đèn pha ở đó để làm tiêu điểm hướng dẫn đường hàng hải. Nhưng theo truyền thuyết thì chữ Nan này là do Cao-Biến khắc khi và yểm long huyết ở vùng này. Có lẽ cũng vì những sự tình này mà cụ Phan-Thanh-Giản đã có bài «Bi-Sơn cảm tác» như sau:
*Mãng đá đầu non dừng,
Từng cạp ngắt một phương.
Chia bờ nêu cột Hán,
Đuổi giặc trú xe Đường.
Chữ triện mây lu nét,
Cổng thần sử dờ gương,
Chạm bia người đã vắng,
Hành khách chạnh lòng thương.*

CÓ VĂN UYÊN

TIỀN HƯU TRÍ CHO NHỮNG NGƯỜI CẦM BÚT

*Bước đầu đi đến bảo đảm tương lai lúc về già cho
các nhà văn nhà báo tại Đức*

● NGUYỄN-KHẮC TIỀN-TÙNG

Ở đâu cũng thế, ai đã bước vào trường văn trận bút thường là đã chọn một cuộc đời thanh bần và lúc về già sinh kế lại càng khó khăn hơn. Dĩ nhiên có những trường hợp ngoại lệ ở những nhà văn, nhà báo «có hạng» tên tuổi nổi như sóng cồn trong phạm vi một quốc gia hoặc trên trường quốc tế, nhưng dù sao đó vẫn là thiểu số.

Đề giúp đỡ đa số Liên đoàn

các người cầm bút tại Đức có những đề nghị thành lập một cơ sở xã hội cho các người cầm bút. Theo dự định của Liên đoàn, luật về bản quyền tác giả cần được xét lại, nhất là những sách giáo khoa cho các trường học và các sách giáo hội thường dùng. Ngoài ra có thể — nếu đề nghị được chấp thuận — thu tiền tính theo cách xem một quyền sách được cho công chúng mượn bao nhiêu lần ở các thư viện. Dĩ nhiên số thu này không

được quá nhiều đến nỗi thiệt hại quyền lợi người mượn sách ở thư viện. Tuy nhiên nếu tính xem tại Đức có bao nhiêu thư viện lớn nhỏ sẽ thấy số tiền thu được theo với thời gian cho các nhà văn «hưu trí» cũng rất đáng kể.

Ngoài sáng kiến từ chính những người cầm bút đưa ra còn có sáng kiến của các chủ báo bằng lòng chia lời cho các ký giả và đề các ký giả trong một số điều kiện nhất định nào đó (thí dụ thâm niên, mức độ viết nhiều ít v.v...) được tham dự vào việc phát triển tờ báo và được chia lời không phải với tư cách người làm công mà với tư cách «đồng chủ nhân». Một thể thức tương tự đã được tờ Le Monde bên Pháp đưa ra từ lâu, bên Đức chủ nhân của cơ sở xuất bản tờ tuần báo chính trị Spiegel đã trình bày ý của mình và đem ra áp dụng.

Hạ tuần tháng 3 dương lịch 1970 lại có thêm một sáng kiến được đưa ra do người đứng đầu tờ hợp xuất bản sách Bertelsmann. Dĩ nhiên sáng kiến này chỉ được áp dụng riêng cho tác giả các sách do

cơ sở này xuất bản. Tuy nhiên thể lệ này sẽ có thể lan dần sang các nhà xuất bản khác và người ta hy vọng theo với đà tiến hóa một ngày nào đó vấn đề «hưu trí» của các người cầm bút sẽ được giải quyết ổn thỏa.

Dĩ nhiên thể lệ áp dụng của tờ hợp Bertelsmann chưa phải là khuôn vàng thước ngọc như chính Reinhard Mohn, người đứng đầu tờ hợp cũng công nhận, vì thể lệ này đã chỉ được nghiên cứu và thành hình trong vòng 5 tháng trời. Dù sao tờ hợp Bertelsmann vẫn đem ra áp dụng tạm như một trường hợp thí nghiệm trong khi chưa thấy ở Đức cũng như ở ngoại quốc một giải pháp kiểu mẫu nào và trong khi chờ đợi trường hợp thí nghiệm này trong tương lai sâu những sửa đổi thiết yếu sẽ trở nên một đạo luật được đem áp dụng phổ quát cho toàn thể các người cầm bút.

Theo dự định hiện tại thì mỗi tác giả khi về già, khi chẳng may bị tàn tật hay khi mất đi, gia đình sẽ được hưởng một số tiền hàng tháng từ 300 DM (=khoảng trên 80

đô-la) đến 300 DM (=khoảng trên 800 đô-la). Số tiền hưu bổng này là tính riêng cho các tác giả của tờ hợp xuất bản sách Bertelsmann đến *bây giờ thôi*, nghĩa là nếu một tác giả còn viết tiếp cho nhà xuất bản thêm nữa thì số hưu bổng sẽ càng tăng lên theo với thời gian và không có một giới hạn nào cả.

Càng viết nhiều, càng ăn khách thì càng có thể được một số hưu bổng trên 3.000 DM ! Đặc biệt là thế lệ này không những chỉ có giá trị từ bây giờ mà còn áp dụng lui lại cho những sách xuất bản từ năm 1950 trở đi. Tuy nhiên chỉ những ai sáng tác mới được hưởng quyền lợi này, nghĩa là các dịch giả vẫn bị gạt ra ngoài ! Có lẽ đây là một điểm cần phải bổ túc vì dịch cho đúng, truyền thông trọn vẹn được ý người viết cũng là một công trình vất vả như người sáng tác vậy.

Đi sâu vào chi tiết của thế lệ này hơn ta sẽ thấy việc áp dụng cũng có nhiều phức tạp nên cần sự hiện diện của một Ban điều hành cơ sở lo việc hưu bổng của các tác giả. Vẫn

trường hợp Bertelsmann, Ban điều hành gồm có năm người chia ra như sau: 2 đại diện cho chủ nhân, 2 đại diện cho các tác giả có sách do cơ sở xuất bản và 1 đại diện của Liên đoàn các người cầm bút. Những tiêu chuẩn chính quyết định số tiền hưu bổng là: 5 năm sau khi xuất bản quyền sách thứ nhất mới được hưởng quyền lợi này và ít nhất phải có 3 tác phẩm do nhà Bertelsmann xuất bản với một số trang trung bình nhất định (Vì không lẽ chỉ viết một quyển độc nhất hay 3 quyển lèm nhèm mà đã đòi hưu trí!). Dĩ nhiên một tác phẩm dài hơn số trang trung bình cũng là một tiêu chuẩn để tính tiền hưu trí cũng như việc tác giả có ăn khách không.

Tóm lại thì sáng kiến bảo đảm tương lai cho những người cầm bút khi về già, khi tàn phế vì lý do nghề nghiệp hoặc lý do khác rất đáng ca ngợi, nhất là lại dự liệu cả trường hợp người cầm bút mất đi gia đình cũng được hưởng món tiền này. Do đó người cầm bút yên lòng hơn về vật chất có thể sáng tác phong phú và nâng cao giá trị của nghệ thuật mình

thêm lên.

Qua thí dụ trường hợp các người cầm bút tại Đức, hy vọng các nhà xuất bản Việt-Nam cùng các vị chủ báo coi đó như một sự gợi ý để tìm một đường lối thích hợp nâng đỡ các người cầm bút Việt-Nam không những lúc họ còn sức tung hoành mà cả những lúc mẫn chiêu xế bóng. Trong viên tượng đẹp đề có thể thực hiện đó, lời than của nhà thơ

NGUYỄN-VỸ «nhà văn An Nam khổ như chó» sẽ chỉ như nhắc lại một quá khứ đau buồn thơ mộng mà thôi !

NGUYỄN-KHẮC TIẾN-TÙNG

(Munich, Tây Đức)

...

Da đen Làm Sao Trắng

Thí dụ: Những dân tộc ở Bắc Phi, họ là những dân tộc da màu (đen) thì không làm sao cho trắng được.

Riêng dân tộc Việt Nam, vốn là dân tộc da vàng. Tuy nhiên, có những người vì phải xê dịch nhiều hoặc vì quá lam lũ làm ăn bị ánh nắng mặt trời thiêu đốt nên màu da đen sạm. Trường hợp này làm cho hết đen được, bằng cách: tuyệt đối ở trong mát 1 tháng, nắng tắm và kỳ rửa mặt bằng khăn nhám.

Ở các nước văn minh có bào chế thứ kem và phấn đặc biệt, dùng nó không bị nắng ăn chỉ hiem giá rất đắt. Ở Việt Nam vừa sáng chế được thứ kem và phấn vừa dễ trang điểm vừa có công dụng chống nắng như vậy, nhưng giá trị thì rất bình dân. Đó là CRÈME THORAAO.



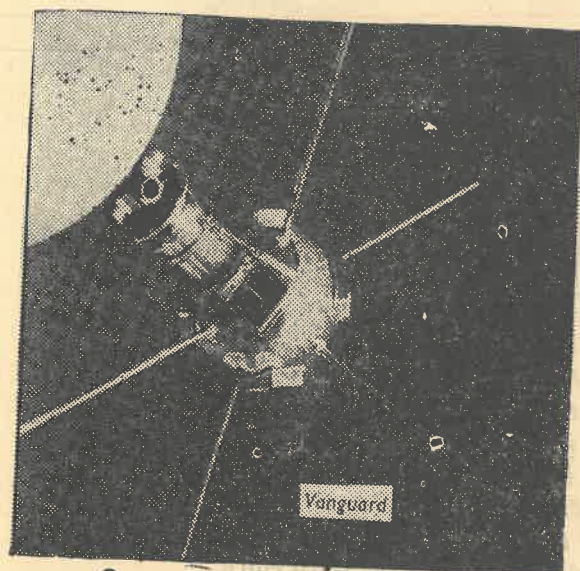
Q
u
ê
n
g
o
ạ
i

(Chuyện đêm đêm mẹ thường
kể cho Sĩ và Ân nghe).

Ngày xưa trăng cũng về quê ngoại,
mây tóc bà tôi lợp mái chùa,
trăng khảm đôi-mối lối ngõ,
huy-hoàng như dẫn đến vườn Vua,
Trăng nhiều tưởng hừng vào tay được,
hay uống thì say đến lịm người !
chẳng biết làm sao mình thồn-thức,
như mình đang bước giữa chơi-voi...
Bà tôi ở nếp nhà im lặng,
cau rụng đêm đêm tỉnh tuổi già,
hoa bưởi thơm về hương tóc cũ,

trà ngâu gọi nhớ các con xa.
Nhà tôi ở mãi trên thành-phố,
trăng mất vô-tư bởi ánh đèn,
gió cũng đi về thưa nhất quá,
một mình cô bé với vương sân !
Tôi hay ngồi nhớ về quê ngoại,
sen tắm hồ trăng rũ ánh vàng,
thơm ngát như mùi khi-ngủ-dậy,
trong-màn.còn-động-những-bâng-khuâng...
Bà tôi ôm cháu tựa thêm rêu,
đôi kính long-lạnh thật chín chiều !
trăng sóng êm-đềm ai già gạo,
xa mờ guồng nước vọng cô-liêu.
Khi bà tôi ngắm tôi ăn cơm,
là lúc ăn trâu trông đến ngon !
(Tôi lại thương bà vì miệng móm,
mà không ăn được ~~cốm~~ ~~thơn-ròn~~!)
Trăng rằm quê ngoại sao yêu thể !
như khóm ngâu thưa trước bệ thờ,
như gốc cau già sau vại nước,
như đồng nếp chín gió ươm tơ...
Ngày xưa khi biết buồn vô cơ
đem chuyện về quê kể với bà,
còn nếp ngực gây nghe tiếng thở,
cửa bà hiu-hắt cánh sao sa,
Bây giờ khi biết buồn thì trợt
khóc mãi không ai chịu vô về,
quê ngoại mai này cau rụng hết,
mình buồn mình khóc một mình nghe ;

LAN ĐÌNH



MẶT TRỜI

VÀ NĂNG LƯỢNG

★ **CHU-MINH-THỤY**
viết theo tài liệu ngoại quốc

TRONG khối của mặt trời lớn gấp 300 ngàn lần của trái đất. Khoảng cách giữa mặt trời và trái đất là 150 triệu cây số, nhưng ánh sáng chỉ cần 8 phút

để tới nơi, vì di chuyển theo tốc độ 300.000 c/s (giây đồng hồ). Hầu hết các phóng xạ từ điện đều thuộc phạm vi quang phổ, có bề dài từ 114 microm tới 3 microm. Một số ít thuộc loại cực

tím, gần phân nửa là các tia sáng ta trông thấy được (từ tím sẫm 0,4 microm tới đỏ sẫm 0,75 microm) và phần còn lại là tia hồng ngoại tức luồng sóng dài có thể tới 500 microms. Sức nóng của mặt trời do các tia hồng ngoại tạo nên. Nhiệt độ ngay trung tâm mặt trời có lẽ vào khoảng 30 triệu độ C.

Mặc dầu ở cách xa như vậy, và trái đất cùng 8 hành tinh khác chỉ nhận được 1/120 triệu tổng số phóng xạ do mặt trời tỏa ra, nếu ta thử đặt một vật gì ngay trên bầu khí quyển, thì mỗi thước vuông có thể thu nhận 10.229 calo — tương đương với 2 mã lực. Tuy nhiên, mây, sương mù, bụi, khói... làm giảm bớt số lượng calo nhận được. Một mẫu đất nơi vùng có nhiều ánh nắng thường thường thu được khoảng 10.000 mã lực lúc ban trưa.

Càng ngày, con người càng sử dụng nhiều năng lực để đời sống đủ tiện nghi hơn. Trước kia, người ta tóg cây nơi sức lực của kẻ tôi đòi và súc vật. Sau đó, người ta sử dụng gỗ, gió, nước. Rồi người ta dùng tới than đá và dầu lửa.

Cho tới năm 1850, chỉ một số

ít trong hai nhiên liệu sau, cùng này được rút từ lòng đất ra sử dụng. Đại khái, ở nước Mỹ chẳng hạn, vào lúc đó, mỗi người dân chỉ tiêu thụ có 1/3 mã lực dùng chạy máy để cung cấp tiện nghi. Dân số Mỹ lúc đó là 8 triệu. Tới năm 1900, số lượng tiêu thụ tăng lên tới 1 mã lực, còn dân số thì tăng gấp đôi.

Chỉ mới có một thế kỷ (1850 tới 1950) nhơn loại đã sử dụng một số lượng bằng phân nửa của tổng số năng lượng sử dụng từ đầu kỷ nguyên tới 1850. Một số lớn năng lượng này do hầm mỏ cung cấp (dầu lửa, than đá). Gỗ, thủy điện, điện lực, phong lượng, v.v... chỉ chiếm một phần rất nhỏ mà thôi.

Thiên nhiên phải mất 300 triệu năm để tạo ra số vốn năng lượng trên trái đất, Ngược lại, chúng ta làm hao đi quá mau. Rồi đây, kho dự trữ bị cạn, nhơn loại sẽ dùng thứ gì?

Để giảm dị hóa, người ta dùng ký hiệu Q để chỉ các số lượng thiệt lớn của năng lượng. Q tương đương với 27,3 tỷ tấn than đá. Cho tới năm 1850, nhơn loại đã sử dụng mất, 9 Q. Thế kỷ sau đó — tức tới 1950 — người ta dùng thêm 4 Q. Với mức tiêu thụ hiện hữu, mỗi thế kỷ nhơn

loại phải dùng từ 10 Q trở lên. Lý do là vì, trước hết, hơn số ngày càng tăng trên trái đất, thứ hai là vì đối với những người dân, số năng lượng càng ích cũng tăng gia.

Tổng số nhiên liệu dự trữ vào dưới lòng đất hiện nay vào khoảng 27 tới 200 Q. Kể từ 1975, có thể mỗi năm hơn loại phải xử dụng tới 1/5 Q, cộng với khoảng 4 0% tăng gia hằng năm, thì chỉ trong 100 năm, một số khí thiên nhiên, dầu hoặc than đá sẽ cạn. Năng lượng nguyên tử, mặc dầu làm được rùm beng cũng không hẳn là vô tận. Muốn xử dụng, cũng là cả một vấn đề. Theo các chuyên viên, trong thời gian từ đây cho tới 25 năm nữa, nguyên tử lực chỉ đủ cung cấp 10 0% cho nhu cầu của ta về năng lượng. Hơn nữa, nước ngọt ngày càng hiếm ở vài vùng trên quả đất, người ta cần phải xử dụng nhiên liệu để lọc nước không uống được thành nước ngọt. Vấn đề thực phẩm cũng không kém quan trọng. Để tránh thiếu ăn, người ta đương nghiên cứu vài loại rong — chẳng hạn giống *chorella* có thể cho ta năng suất phi thường là 50 tấn mỗi năm. Công việc biến chế 50 tấn ấy thành món ăn được chỉ là vấn đề phụ.

Để có đủ năng lượng, hơn loại sẽ phải dùng ánh sáng mặt trời, để bổ túc nhiên liệu rút từ hầm mỏ và nguyên tử lực.

Mỗi năm, mặt trời rọi lên trái đất một số năng lượng chung là 2.300 Q mà hầu hết đều không được xử dụng. Cho tới nay, con người chỉ mới thí nghiệm hoặc áp dụng vào các địa hạt sau đây:

● Bình điện dùng tia mặt trời

Có 3 loại bình điện: hóa học, nguyên tử, mặt trời.

Giản dị nhất là bình điện hóa học, theo như nguyên tắc pin đèn. Ngày nay, người ta hay dùng loại chứa kền — cad (hoặc kền — bạc), hoặc loại mệnh danh «cellule à carburants» nhưng cả hai loại đều cần tới nhiên liệu nặng nề, mau hao. Bình điện nguyên tử thì «chạy» nhờ các đồng vị phóng xạ như uranium 235. Tuy nhiên, vì các đồng vị có đời sống ngắn ngủi, các máy phát điện cũng chỉ chạy được trong thời gian ngắn. Ngoài ra, vì cần phải bọc bên ngoài một lớp «áo giáp», nên bình điện trở nên phức tạp.

Nguồn năng lượng thứ 3 có nhiều ưu điểm;

— Càng lên cao trên không

trung, số nhiệt lượng càng gia cho một diện tích. Chẳng hạn, nếu một tấm bưng thau được 100 watts ở ngang mặt biển, thì lên quỹ đạo nó sẽ thau tới 140 Watts, tức là 40 0%. — bình điện mặt trời rất nhẹ, vì chỉ là một tấm bưng mỏng bằng Silicium, dùng được mãi mãi. Trong khi đó, nếu là bình điện hóa học, thì phải có một trọng khối lớn, mới có thể chạy được lâu.

Mặc dầu nguyên tắc chế tạo các bình điện mặt trời khá phức tạp, những cách sử dụng vô cùng giản dị. Nó chỉ giữ một vai trò thụ động. — hay đúng hơn là «tĩnh». Phơi mình dưới ánh nắng, nó tạo ra điện một cách trực tiếp, liên tục. Chỉ có các âm điện tử là di động; và bình thường, không một bộ phận nào có thể bị hao mòn.

Trên vệ tinh hơn tạo *Vanguard 1* chẳng hạn, các bình điện đã chạy trong 5 năm, số năng lượng phát ra tương đương với một bình điện cổ điển có sức nặng 23, 8 kg — trong khi nguyên cả chiếc vệ tinh chỉ nặng có 1, 7 Kg. Những kiểu cải tiến có thể dùng được suốt đời, hay ít ra trong khoảng 25 năm.

Bình điện mặt trời đôi trực

tiếp các tia nắng ra điện. Nhưng cũng có vài phương thức khác hơn, chế tạo điện một cách gián tiếp, chẳng hạn phương pháp nhiệt-điện hoặc nhiệt — con, sử dụng sức nóng của mặt trời thay vì ánh sáng của nó:

Người ta cũng có thể sử dụng (thay vì loại máy phát điện «tĩnh» như trên) loại máy «chuyển động» chẳng hạn «turbo — générates», hoặc loại dùng thủy ngân, hoặc loại mệnh danh «à cycle Stirling», v.v...

● Hỏa tiễn dùng tia mặt trời.

Năm 1954, William Conn (người đã chế tạo một số lò đối bằng ánh sáng mặt trời) có đề nghị trong một nhật báo khoa học dùng một bộ phận thau sức nóng mặt trời để làm nổ nhiên liệu trong hỏa tiễn.

Hai năm sau, Krafft Ehrlicke, một chuyên viên Đức về hỏa tiễn viết một bản tường trình về «Loại tàu di chuyển trong không gian nhờ năng lượng của mặt trời». Đồ án của Ehrlicke thích hợp với các cuộc du hành quanh mặt trăng và trong không gian. Hình thù của loại tàu ấy giống như trái cầu đôi. Hỏa tiễn

chỉ cần mang theo 5.000 kg hydro lỏng — thay vì phải thêm 22.500 kg oxy nếu theo công thức cổ điển đẳng trộn với hydro làm nhiên liệu đẩy tàu. Với phương pháp của Ehricke, mặt trời sẽ đốt nóng hydro và tạo ra sức đẩy. Đáng lý 22 tấn rưỡi oxy, người ta chỉ cần có bộ phận thu sức nóng của mặt trời khoảng 1/2 tấn mà thôi.

Ehricke dùng một trái cầu bằng chất dẻo «Mylar» có tráng lớp nhôm dày 25 phần ngàn ly trên 1/2 diện tích. Vì vô cùng trong trẻo, quả cầu thân được 90 olo tia sáng mặt trời, và khi và khi chuyển tới nơi chứa hydro thì cũng còn ít nhất 70 olo. Nhờ áp suất nhẹ bên trong (29,48 gr trên mỗi phân vuông) và hệ thống khí phân phát đều đặn, nên lớp chất dẻo không bị nóng.

Kề cả phòng lái, đặt giữa trái cầu và bộ máy, chiếc tàu chỉ nặng có 7.250 kg — nghĩa là ngang với loại máy bay săn giặc.

Mặc dầu chưa được thực hiện vì đồ án còn nhiều khuyết điểm (tốc độ không mấy mau so với phi thuyền dùng nguyên liệu hóa học như propergol, việc điều khiển và chuyển hướng

khó khăn, v.v...) Người ta cũng coi đó là một sáng kiến đáng lưu ý. Bằng chứng là vệ tinh nhơn tạo «Echo», dùng vào việc truyền tin, có đường kính 30 th, được thực hiện bằng chất dẻo và có nguyên tắc không mấy khác xa chiếc tàu của Ehricke.

Ngoài ra còn nhiều dự án khác chẳng hạn :

Tàu không gian của Stuhlinger chạy bằng tính điện lực (*force électro Statique*). Tính điện sử dụng rubidium và césium làm nhiên liệu. Khi gặp nhảm mặt bạch kim nung đỏ, chúng tạo ra một luồng ions được gia tăng tốc độ nhờ âm cực và tạo ra phản ứng điện từ. Vì cần một năng lượng khá lớn, nên ngoài césium và rubidium, Stuhlinger dùng thêm mặt trời.

Thuyền không gian chạy bằng quang tử (photon). Tuy ánh nắng chỉ tạo ra một áp lực khoảng 1, 13 kg trên một mẫu, nếu biết sử dụng, ta có thể làm di chuyển một vật gì đi được. Nếu trên mặt nước, các phân tử không khí đập vô buồn làm di chuyển chiếc thuyền, thì trong không gian (không có không khí) một quang tử khi đập vào buồn, một phần năng lượng của ánh sáng cũng chuyển qua cánh buồn, đó.

● Ăn và uống.

Ở nhiều nước trên thế giới, người ta đã thử phổ biến loại lò dùng quang lượng. Ở Mỹ chẳng hạn, kiểu «Umbroiler» có hình dáng như cây dù, có thể gói xách theo trong cuộc đi chơi ngoài trời. Chỉ cần 1 phút để mở ra, và 15 phút để nấu sôi 114 lít nước hoặc là chín một cái trứng.

Một kiểu lò khác, cũng gọn và nhẹ, tạo ra được một nhiệt độ khá cao : 450 độ.

Ngoài ra, người ta cũng dùng ánh nắng để làm chạy tủ lạnh hoặc chế tạo nước đá.

Ở Ấn, Mễ tây cơ và Nam Mỹ, trong khi các lò nấu dùng quang lượng không được hoan nghinh bao nhiêu (vì người ta còn có thể tìm ra củi, phân súc vật xương thú, v.v... để đốt) thì trái lại có thể phương pháp làm nước đá nhờ ánh nắng mặt trời có nhiều tương lai — vì không ai chế tạo được nước đá bằng các phương pháp cổ lỗ, Do đó người mong mỗi sẽ hoàn thành được một vi kiểu lạnh chạy bằng quang lượng.

Lò cất nước ngọt bằng ánh nắng mặt trời thì đã có từ lâu, Năm 1872. ở Chili, người ta đã

sử dụng một loại lò như vậy, mỗi ngày sản xuất được 27 thước khối nước uống. Làm bằng gỗ và thủy tinh, lò được sử dụng trong nhiều năm, nơi một vùng hẻo lánh mà không tốn công chăm sóc bao nhiêu.

Với vật liệu như chất dẻo, người ta có thể làm loại lò cất có năng suất cao và rẻ tiền hơn.

Hiện nay, các lò cất sử dụng nhiên liệu cổ điển sản xuất nước uống với giá khoảng 6, 66 đô la mỗi trăm thước khối. Giá thành của nước ngọt thực hiện bằng năng lượng mặt trời cao gấp 4 lần hơn, vì công việc xây lò khá tốn kém, cần diện tích lớn hơn. Cho nên, người ta còn tìm cách cải tiến và chưa sử dụng phương thức đó nhiều.

CHU-MINH-THỤY



Một Thiên-Đường không thuế khóa :

NÔ - RU,

« Xứ Li-Li-Pút ở Thái-Bình-Dương »

● LÊ HUY HÒA

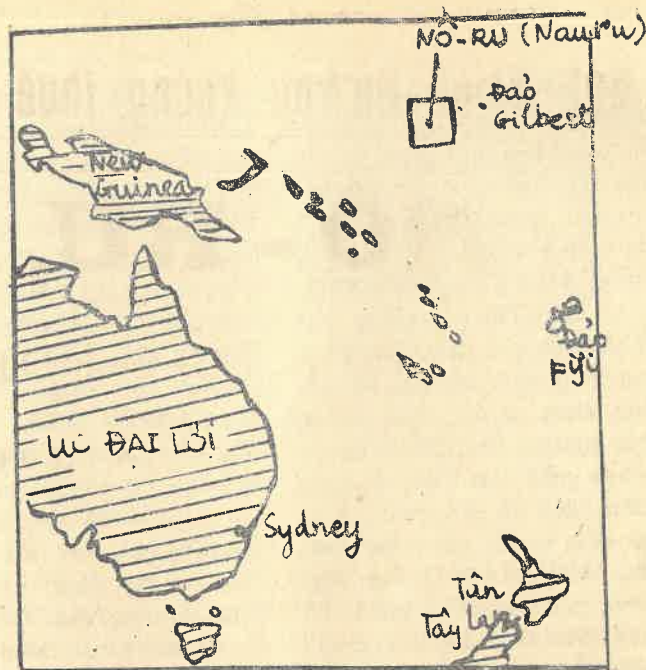
CÁCH Xích-đạo ba mươi dặm về phía Nam có một hòn đảo thật kỳ lạ. Ở đây những tấm đô-la còn nhiều hơn cả lá cây và dân bản xứ trao đổi những bó giấy bạc thân nhiên như người ta thay đổi giấy nhựt trình.

Nhìn trên bản đồ hàng-hải, đảo Nô-ru (Nauru) chỉ là một chấm nhỏ chìm đắm hẳn vào màu xanh bất-tận của biển Thái-Bình. Dân Nô-Ru sống trong những ngôi nhà lợp tôn, bên trên phủ lá dừa. Trong nhà có đủ tiện-nghỉ tân-tiến : máy rửa chén, tủ lạnh, máy ghi-âm Nhật-Bồn, từng thùng nước hoa nhãn hiệu Pháp-quốc máy

chụp hình màu tối-tân, máy pic-kúp hai-phai và cả một chiếc dương cầm vĩ đại nữa mà chẳng có ai thêm sử dụng.

Chỉ có độc nhất một xa-lô chạy quanh đảo dài khoảng mười hai dặm Anh mà có tới hai ngàn chiếc xe hơi đủ loại và hình như còn rất nhiều xe phế-thải. Dân Nô-Ru thay vì sửa xe, họ mua xe mới.

Hiện nay dân Nô-Ru hưởng một lợi tức cao nhất thế giới nhưng lại phải chi phí cho những tiện nghi đời sống rẻ mạt nhất. Trung bình lợi tức đồ đồng cho mỗi người dân, phân biệt đàn ông, đàn bà hay hay trẻ em là 6050 đô-la trong một năm (tính ra là trên 2 triệu



4 trăm ngàn đồng bạc Việt-Nam theo giá hiện tại) — Gần gấp đôi những xứ có lợi tức cao nhất hoàn cầu. Đó là Mỹ-quốc 3303, Kuwait 3240 đô la.

Tại sao họ có một lợi tức kinh khủng như thế ? Chỉ cần một câu trả lời : do phosphate. Bốn phần năm đất trên đảo có chứa một lượng cao nhất thế-giới về phosphat-calcii — Một sản phẩm rất hiếm nhưng làm phân bón rất tốt. Trong vòng 63 năm phosphate của xứ này đã được khai thác và chuyên chở đi để

biến đổi cánh đồng bát-ngát của Úc-Đại-Lợi và Tân-tây-Lan thành một cánh đồng màu mỡ vào bậc nhất thế giới.

Mặc dầu có một nguồn lợi như thế, xứ Nô-Ru vẫn không có đường bay phản lực. Lẽ thứ nhất là du-khách muốn vào xứ Nô-Ru phải được một người dân bản xứ đích thân mời tới. Lẽ thứ hai là trên đảo không có khách-sạn, du khách phải nhờ vào sự bảo-trợ tiện-nghỉ cư-trú của một người nào đó. Lẽ thứ ba là xứ Nô-Ru nằm

xa-xôi trái đường : 2.200 dặm từ Sydney, 2445 dặm từ Hạ-uy. Di, 3000 dặm từ Tokyo. Nó chỉ giao tiếp thường xuyên với thế-giới bên ngoài bằng chuyến bay tuần lễ một lần từ Fiji tới.

Giá của sự Thịnh-Vượng : Nhắc nhìn Nô-Ru giống bất cứ hòn đảo yên-tĩnh nào ở phía nam Thái-bình-dương. Dân cư sống chen chúc nhau trong những khóm dừa. Nếu chạy xe xa hơn nửa dặm bạn sẽ ngạc nhiên đến độ sửng-sờ. Mọi nơi đều hoang vắng như sa-mạc, không một bóng cây, không một ngọn cỏ-không có gì cả. Nó trơ-trụi như mặt của nguyệt-cầu hay một thành phố bị tiêu-diệt vì bom nguyên-tử. Trong khung cảnh kinh hoàng đó những nhát cuộc tàn-bạo đào-xới lên những tầng phân bón đáng tiền. Liên tục cả ngày lẫn đêm hơn hai triệu tấn nguyên-liệu bị xúc đi trong mỗi một năm. Đó là một cách giá quá mắc để xây dựng cho cho sự thịnh vượng của-xứ sở bé nhỏ này,

Vì sự tàn-phá khủng-khiếp đó, hơn 45 triệu tấn phosphate đã ra đi. trong vòng hai mươi năm nữa nguyên-liệu sẽ cạn

sạch ? Thảm-họa sẽ xảy đến ? Tình-trạng này không thể đến với xứ này được. Họ sẽ giải quyết vấn đề khó-khăn đó nhờ TIỀN. Vì không giống như những công dân thích vun-tiền phung phí của ông, Thủ-tướng Robert là một con người thực-tế và trông rộng thấy xa. Cứ một tấn phosphate đem lại cho xứ Nô.Ru 12 thì chính phủ chia 60 xu cho những chủ đất có phosphate đang khai thác, còn 3, 80 đô-la được đổ vào tín-dụng dài hạn lời 5 phần trăm. Vì vậy tới kỳ-hạn thảm-khốc là năm 1995 Nô-Ru đã có một số vốn là 500 triệu đô-la. Cung cấp một số lời hằng năm là 25 triệu đồng. Và như vậy chia đều cho 3304 người không phân biệt đàn ông, đàn bà hay trẻ em, mỗi người sẽ được hưởng một lợi tức đồng-niên là trên 7000 đô-la !

Có mặt trong ngày lãnh lương :

Nô-Ru có lẽ là một xứ Cộng-hòa đầy đủ ý nghĩa nhất. Không có quân-đội, không ký-kết hiệp ước với một nước nào, không liên minh, không thuế khóa. không trao đổi ngoại giao hay

lãnh sự, không có cả chân trong Liên-hiệp-quốc. Tuy nhiên nó cũng có một chính-phủ bé nhỏ gồm 5 bộ, Cũng có Hiến-pháp nhưng lời lẽ gần như ngây ngô, vô nghĩa. Họ có thuê một số chuyên viên Nhật-bồn, dăm sáu cố vấn Anh-cát-lợi và Úc-dại-lợi. Hệ thống công-chức gồm 547 người. Người ta quả-quyết rằng ai ai cũng được trả lương cả ngay như họ chỉ có mặt duy nhất trong một ngày lãnh lương đó thôi ! Cũng có nghị viện gồm 18 nghị sĩ họp khoảng 40 lần trong một năm, thời giờ còn lại thì văn-phòng đóng cửa một cách cẩn thận. Phía kia là Hội-đồng Thành-phố có nhiệm-vụ kiểm soát gần hết nền tài-chánh Nô.Ru. Mặc dầu những Nghị-sĩ đa số lại kiêm-nhiệm thêm chức Nghị-Đô-Thành nhưng cả hai cơ quan lại cứ khoái trao-đổi «Văn-Thư» với nhau. Nhiều cụ Nghị-Đô-Thành cũng chịu khó lái xe từ nơi này đến nơi kia để khoa tay múa chân đả kích Nghị-viện và ngược lại các Nghị sĩ cũng đã kích Hội-đồng tới bởi hoa lá (nhưng thật ra thì là chữ bởi chính mình). Điều đó có vẻ khôi-hài nhưng

dân Nô-Ru lại thích như vậy. Từ khi lọt lòng tới khi lọt vào lòng đất :

Nô-Ru không có giấy bạc (riêng dùng đồng đô la của Úc), không có chữ viết (họ chỉ có tiếng nói còn viết bằng Anh ngữ). Đường phố không có vỉa hè, không có đèn xanh đèn đỏ như Saigon đâu, cũng không có vô-tuyến-truyền-hình nữa. Ngoài vài loại cây ăn quả như cam, dừa, Nô-Ru chẳng có sản xuất gì ráo trội, ngoại trừ phosphate. Vì bị bao bọc bởi Đại-dương, Nô-Ru lâm vào tình trạng thiếu nước ngọt. Có thể xây bồn chứa nhưng hàng năm mưa xuống chỉ đủ bốc hơi. Nô-Ru chảy nhập cảng thực phẩm và nước ngọt từ Úc-dại-lợi.

Người dân Nô-Ru được nuông chiều quá mức. Chính phủ gần như lo cho họ đủ mọi thứ từ khi mới chào đời cho tới khi nhắm mắt. Nhà được cung-cấp và chỉ phải trả hàng tháng là 4, 3 đô la (sữa chữa lại khỏi mất tiền) Y-phí và Giáo dục dưỡng bách (từ 6-đến 17 tuổi) cũng không hao bạc. Chính phủ còn cho sử dụng miễn phí 350 máy điện thoại, cung cấp báo-chí, tóc giả, kính

đeo mắt và ngay cả thuốc ngừa thai.

Dân Nô-Ru không thêm làm những công việc nặng nhọc. Họ thuê 130 kỹ sư Âu châu, 924 thủy thủ Hương-Cảng và một số nhân công thuộc đảo Gilbert (một hòn đảo gần đó) để làm những công việc nặng nhọc và bẩn-thịu. Nhưng chẳng một công dân nào thiếu tiền xài cả. Thủ-Tướng Doburt là người có số lương vào loại khiêm nhường : mười hai ngàn đô-la trong một năm cộng thêm với 3000 đô-la tiền kinh-phí.

Vài hàng lịch-sử :

Dân số hiện nay trên đảo là 3304 người-chưa bằng dân số một PHƯỜNG ở Saigon sống trên một hòn đảo diện tích lớn hơn 21 ki-lô-mét-vuông một chút, bằng diện tích trong hàng rào cây quanh phi trường Kennedy ở Mỹ quốc. Nó được tìm ra đầu tiên Đại-úy Jhpn Fear người Anh trên chuyến tàu đi săn cá voi và ông ta mệnh danh nó là «Đảo Hải-Lông». Nô-Ru trở nên một bến tàu nghỉ chân cho những thủy thủ nghèo nàn đi săn cá voi và những kẻ vô-lại đang

đào-tàu. Sự xâm nhập của người da trắng đã đem theo nhiều tệ hại : rượu mạnh, bệnh tật, súng ống. Năm 1878 mười hai bộ-lạc trên đảo đã dẫn mình trong một cuộc chiến kinh hãi và tàn-khốc. Cuối cùng bị đè bẹp bởi một chiến hạm Đức vào năm 1888. Vì khao khát binh trưởng thế lực ra Thái-bình-dương lúc bấy giờ nên Đức-quốc-xã thôn tính đảo này và Nô-Ru cũng giống như Việt-Nam phải chịu sự thống trị của ngoại bang 80 năm đồng dãi.

Năm 1905, công ty Phosphat Thái bình dương, Tân tây lan ký một thỏa ước với một công ty Đức quốc và ngay sau đó sự khai thác bắt đầu. Sau thế chiến thứ nhất, Đồng minh biển Nô-Ru thành một lãnh thổ dưới sự bảo trợ của người Anh, nhưng trong sự cai trị hỗn-hợp của tam-đầu-chế : Anh-cát-lợi, Úc-đại-lợi và Tân-tây-lan. Họ thiết lập lên một Ủy-ban phosphat Anh quốc, một công ty bất vụ lợi và đó là công ty khai thác đầu tiên. Công ty này phát triển, chăm sóc và đối đãi với dân bản xứ như trẻ nít.

Tiếp tới là những năm tàn khốc của thế chiến thứ hai và sự xâm chiếm của quân-đội Nhật. Chỉ còn khoảng 1300 người dân Nô-Ru tiều tụy sống sót sau biến cố rung động đó. Năm 1947 Liên-hiệp quốc giao Nô-Ru dưới sự quản trị của tam-đầu-chế như cũ. Nhưng thời gian đã đổi thay, những người học thức của xứ Nô-Ru bé nhỏ đòi hỏi sự độc lập hoàn toàn. Thủ tướng Roburt từng tuyên bố ? «Chúng tôi muốn nói lên rằng hòn đảo này và phosphat này là của chúng tôi, và từng bước một, từng bước một điều đó đã thực hiện.» Dưới áp-lực của Liên-hiệp-quốc, công-ty phosphat Anh quốc, và chính phủ Anh-cát-lợi, Úc-đại-lợi, Tân-tây-lan đã nhượng bộ. Nền độc lập đã thu được vào ngày 31 tháng giêng năm 1968. Điều đáng lưu ý là sự tranh đấu này đã kiên nhẫn kéo dài suốt trong 22 năm để đạt tới thắng lợi mà dân Nô-Ru không cần tới bạo-động hay đổ máu. Tiếng nói là vũ khí sắc bén của họ.

Lười biếng và chịu chơi :

Tiền bạc thì vẫn dùng để trao đổi, tiêu-phá trong xứ nhỏ bé

kỳ lạ này, nhưng những tư-hữu nữa. Người dân ưa thích tục lệ BUBUTSI — Tục lệ này là nếu bạn khoái một món đồ nào đó thì lập tức gia-chủ biểu ngay thứ đó cho bạn. Thứ đó có thể là chiếc xe hơi, chiếc radio, chiếc máy chữ và... ngay cả đứa bé Phuong châm là nếu bạn BUBUTSI, xin cứ tự-tiện. Nếu có một chú Ba, chú Tư vợ-văn nào đó bước vào phòng khách nhà bạn và tỏ ý rất «mê» tấm thảm trải nhà của bạn. Lẹ làng và thoải mái ông ta cuộn lại và mang về nhà. Trong thời-buổi Kiêm-Uớc, Saigon khi bạn vô ý bỏ quên bao thuốc ở nhà, xin người bên cạnh trên một chuyến xe 1 điều thuốc cũng là một sự ngại-ngùng, và khi một ký-giả mất một chiếc xe Honda thì đăng báo kêu là gây một giờ để mong các vị anh-hùng quái-xế nghĩ tình cho chuộc lại — Thì với với một nụ cười dân Nô-Ru có thể mượn được chiếc đồng hồ đeo tay, chiếc xe hơi ngay cả một tòa nhà — Trong thời hạn một tháng, một năm... không chừng vĩnh-viễn. Đó là cách thức họ thường chấp-nhận với niềm thơ-thời hân-hoan.

● TRÔNG GƯƠNG.

soi gương đã nửa cuộc đời
rừng hoang vu tóc dấu thời vàng son
thâm sâu khóe mắt héo mòn
khuôn xưa vàng vọt nét buồn răn reo
nửa đời bóng ngựa qua đèo
sầu chiều gương vỡ đổ theo, hai hàng

● THỰC-TẠI

ba mươi năm thuốc tay vàng
lá rơi theo tá, thu tàn trong thu
vời trông cõi hạ mịt mù
ngại ngày chân bước thâm u nẻo về
lặng buồn tay gối nằm nghe
bồn phương lửa động bạn bè còn đâu ?
tình xưa mơ bắc nhịp cầu
bên sông còn rụng giọt sầu ngân-giang
người song cửa-kẻ quan san
đôi bề lòng vắng nỗi hàn bao la...

● CHIÊM-BAO

từng cơn mưa gió đi về
chấn đờn gói trọn lời thề năm xưa
tim mơ nổi mộng canh thừa
cho quên ngày tháng mấy mùa thương đau
vòng tay nào ấm lòng sầu
có đờn lạnh giấc bên lầu chiêm bao...

MC. THƯƠNG-HOÀI-THƯƠNG

THẮNG CẢNH CHÙA HANG

Chùa Hang là một trong những thắng cảnh của tỉnh Bình-định. Thời bình, nhiều du khách đã đến thăm viếng nơi đây.

Rời Qui-nhơn, du khách theo quốc lộ số 1 đến quận lỵ Phù-mỹ và đi ngoặt về phía tây độ năm cây số là đến chùa Hang.

Nhìn lên lưng chừng núi, phía trên chùa một tảng đá khổng lồ từ sườn núi nhô ra dài trên bốn mươi thước rộng trên năm thước, che mát cả một vùng. Nơi đây vẫn được dùng làm nơi tiếp đón các thiện nam tín nữ từ bốn phương đến viếng cảnh chùa.

Chùa nằm trên sườn núi thuộc ấp Hội-khánh xã Mỹ-hòa quận Phù-mỹ tỉnh Bình định, tục gọi chùa Hang hay «Thiên-sanh-tự».

Chùa Hang có gì lạ ?

Từ dưới chân núi, du khách lần theo các bậc bằng đá và khi lên đến sân chùa thì thấy ngay tảng đá to lớn từ trong sườn núi mọc ra. Đó là mái chùa Hang.

Dân chúng địa phương thường nhắc đến cảnh chùa này qua bài thơ của một tác giả vô danh như sau :

«Đây cảnh chùa Hang mái
khổng lồ,
Từng vang núi thâm tiếng
nam mô.
Đường mòn bậc cấp chân in
dấu,
Chim hót trên ngàn giọng
liu lo.
Suối Đò bên Mè như gọi tục,
Chuông ngân cõi Niết tưởng
hư vô

*Trải bao dâu bể còn thu hút,
Du khách lòng say ý giáo đồ.*

Bước vào chùa, giữa hang một bán thờ Phật luôn luôn thơm ngát khói hương. Bàn thờ Phật bằng đá và tượng Phật cũng bằng đá.

Càng đi sâu vào chùa, mái đá càng thấp xuống và ánh sáng chỉ còn lơ mờ. Tại gần bàn thờ Phật, một hang sâu thông xuống đất.

Lần vào sâu, du khách sẽ lách mình theo một khoảng trống vừa tầm một người đi. Khoảng trống này dẫn du khách lên núi, nơi có muôn chim hòa khúc nhạc của chốn thâm sơn.

Ra khỏi hang, du khách có dịp leo lên tảng đá không lồ tức là nóc mái chùa. Ngồi trên tảng đá này, du khách sẽ say mê ngắm cảnh núi rừng dưới bầu trời bao la.

Nhìn về phía đông, biển Đê. gì cách xa hàng hai mươi cây số vẫn còn trông thấy rõ. Về phía Bắc, dưới những tàn cây rậm mát, những thừng cây chằng-chịt bám vào nhau kết thành một chiếc võng thiên tạo, tục

gọi là «Võng-Tiên». Về phía tây, bên cạnh những cây đa cổ thụ lại có những lớp thừng khác chằng chịt trải ngang thành mặt phẳng thiên tạo được dân chúng quen gọi là «Giường Tiên».

Cạnh chùa Hang, về phía bắc còn có một hang nhỏ tục gọi là «Hang Đá Cối» vì giống như một cái cối. Du khách viếng chùa vào tiết xuân, nhìn chung quanh những cây xoài tựa mình bên những tảng đá gồ ghề với muôn ngàn bông trắng xóa. Xen vào đó, những cây măng-lăng với sắc hoa đỏ chói càng làm nổi bậc chốn Thiền môn giữa cảnh hoang vu non cao rừng rậm.

Một vị sư đạo cốt

Vị sư đầu tiên sáng lập chùa này là Thích Trà-Ban. Cách đây trên năm mươi năm, nhà sư Trà-Ban đã đến lập nên chùa này. Theo các thiện nam tín nữ kể lại thì nhà sư dường như đã tu hành đắc đạo nên có biệt tài đi đường rừng một cách nhanh chóng. Có người cho rằng lối đi mây về gió của nhà sư không ai sánh kịp.

Trong khi đến viếng thăm Hang, một vị bồ lão tại ấp Hội-khánh đã cho chúng tôi biết trước đây đã có lần thiện nam tín nữ đến thăm chùa và trong một bữa cơm nhà sư Trà-Ban chỉ thiết đãi những bát canh nấu bằng lá cây rừng. Nhưng ăn vào, người ta tưởng chừng trong bát canh ấy có mùi vị thơm ngon hơn hẳn các thứ cao lương mỹ vị.

Đình Ông Hồ

Cách chùa Hang một cây số về phía bắc, dưới chân núi chùa hiện còn một ngôi đình nhỏ tục gọi đình Ông Hồ. Tương truyền một Bạch-Hồ lông trắng mượt đêm đêm đến

quỳ trước sân chùa Hang nghe nhà sư tụng kinh.

Nhưng khi tiếng kinh vừa dứt, Bạch-Hồ nọ lại lần vào chốn thâm sơn cùng cốc. Vì vậy ngôi đình được dân chúng địa phương tin là linh thiêng. Tương truyền khi dân chúng rủ nhau lập ngôi đình cạnh chùa và chuẩn bị dựng đòn dông thì không ngờ Bạch-Hồ từng quỳ nghe kinh nơi sân chùa Hang thả cây đòn dông đến một vị trí khác cách đó nửa cây số. Sáng hôm sau, các vị bồ lão trong làng cho là điềm tốt và cất đình tại nơi địa điểm này. Từ đó, ngôi đình mang tên là đình Ông Hồ.

LÊ-NGỌC-QUANG



● Vợ chồng

Quan sát nhau ba tuần, yêu nhau ba tháng, cãi nhau ba năm, dung thứ nhau ba mươi năm và đám trẻ... bắt đầu trở lại cái vòng lẩn quẩn ấy.

H. Taine

Thomas Graindorge

CHÚNG TÔI THƯƠNG XÁC VỚI NHÀ VĂN SAO-BIỂN
VỀ NHÂN VẬT HÀN-TÍN

HÀN - TÍN có phải là

« một thằng vô liêm sỉ không ? »

● ĐÔNG-TÙNG

(Tiếp theo và hết)

TRONG khi hay người đang bàn với nhau như vậy, thì Lư-Bang cho sứ giả tới gọi Hàn-Tín về. Nhưng Tín cũng nghe lời Khoái triệt phúc đáp cho Lư-Bang xin ở lại Tề, để ổn định tình thế, sắp đặt, trị an khi vừa chiến thắng nước Tề.

Lư-Bang đọc tờ tấu của Hàn-Tín liền phát khùng, cho rằng họ Hàn có ý muốn sửa lưng lại mình, muốn dùng võ lực để giải quyết.

Đây là cái tính cách thành

công hay thất bại của họ Lư. Nếu lúc bấy giờ mà Lư-Bang cất quân đi đánh Hàn-Tín để hỏi tội thì không khác một đứa bé 7 tuổi đánh lộn với người cường tráng đủ võ nghệ. Vì họ Hàn lúc này như một con diều đang gặp gió, tất cả binh hùng tướng mạnh trong tay. Nếu lúc này mà Lư-Bang đánh lại Hàn-Tín để hỏi tội, thì đại cuộc lúc bấy giờ, Lư-Bang là người bị Hàn-Tín tiêu diệt đầu tiên để rồi mới tới Hạng-Vũ, để họ Hàn thống nhất thiên hạ. Biết quá rõ tình thế đó, nên mưu thần Trương-

Lương mới can họ Lư.

— Nếu bây giờ cất quân đánh Hàn-Tín để hỏi tội không khác gì tự sát, vấn đề này phải có một kế hoạch kín đáo và mềm dẻo mới mong cứu vãn.

Kế hoạch đầu tiên mà Đại-Vương phải thực hiện là không những tỏ ý gì với họ Hàn mà còn chấp thuận phong cho ông ta làm Tề-Vương.

Vấn đề Hàn-Tín phải đợi khi nào thanh toán xong Hạng-Vũ rồi ta sẽ liệu sau.

Lư-Bang nghe lời, tự tay viết lấy tờ chiếu phong Hàn-Tín làm chấn Tề-Vương (Vua Tề chính thức) chứ không phải gia Tề-Vương (Vua Tề tạm thời) nhưng tờ sớ của họ Hàn thỉnh nguyện.

Hàn-Tín được phong Tề-Vương khi thế lại càng cường thịnh.

Khoái-Triệt thấy vậy nên, bàn với Tín phải bước nữa. Một hôm mặt kiến họ Hàn và rỉ vào tai.

Hán, Sở phân tranh, nhân

dân lầm than điêu đứng, vì binh đao khởi lửa chưa biết lúc nào mới chấm dứt được chiến tranh. Tôi thấy cái oai thế của Ngai bây giờ có thể choán lấy cả ba lãnh thổ, Tề, Triệu và Yên, để làm cơ sở cho việc thống nhất thiên hạ của Ngai, trong một giai đoạn ngắn có thể chấm dứt chiến tranh, cứu vớt muôn dân ra khỏi vòng tang tóc khói lửa. Hàn-Tín do dự đáp :

— Hán-Vương đối với tôi quá hậu làm sao tôi có thể phản bội được ông ta (?)

Khoái-Triệt cười.

— Ngai nghĩ như vậy là lầm. Tất cả những thành trì và quốc thổ Tề, Triệu, Yên chính do ngai tạo nên chứ vua tối Lư-Bang nào có công cán gì ; vậy là của Ngai, vì chính ngai làm ra, chứ không phải cướp của ai hết.

Và có lẽ biết Lư-Bang không ai bằng tôi : Ông ta là một người đa nghi và hẹp lượng, sở dĩ ông ta quý trọng và hậu đãi ngày, chính là vì ông ta, đâu phải là vì lòng tử tế đối với ngai cùng tất cả bộ

hạ của ông ta ; để rồi mà xem «chồn, thỏ, hết giết thịt chó săn, chim cáo hết, cung tôi gác vút lên giàn» (Phí thơ tư, giào cầu phanh : cao điệu tận, lương cung tàn). Nếu bây giờ không nghe lời tôi, tới khi ăn năn thì đã muộn.

Câu nói chí lý của Khoái-Triệt đã chia hẳn con người Hàn Tín ra làm đôi.

Con người thứ nhất, công nhận lời Khoái-Triệt là đúng, tất cả những thổ địa, chủ quyền và nhân dân mới đẩy chính tay mình xây dựng nên, tại sao Lưu-Bang lại là chủ nhân ông. Một đứng anh hùng, trượng-phu lại chịu phước thuộc dưới quyền kẻ khác, đâu còn là anh hùng trượng phu (?)

Con người thứ hai là con người bị ràng buộc bởi luân lý, đạo đức cũ, nhất là chữ trung.

Hai con người ấy giao tranh nhau trong tâm tư họ Hàn, làm ông phải bức rộc. Nhưng rồi con người thứ hai đã thắng cái chết oan khiên của ông là mấu chốt ở chỗ này.

Thiệt vậy, trong khi ông đang

chỉnh lý mọi việc ở Tề, thì một hôm đích thân Trương-Lương mang chiếu của Lưu-Bang mời ông về Thành Cao để bàn chuyện đánh Sở. Khi họ Hàn sắp cất quân lên đường, Khoái-Triệt lại một lần nữa xin vào yết kiến.

Vừa trông thấy Khoái-Triệt, Hàn-Tín nói :

—Tiên sinh ra đi đã lâu không trở lại, có lẽ buồn tôi không biết nghe lời chỉ bảo của Tiên-sinh chăng ?

Khoái-Triệt lắc đầu rồi nói :

— Tôi với Ngài là chỗ chí tình, không đang tâm để ngài sa vào tay họa, cho nên bây giờ lại phải tới đây.

Hàn-Tín sững sốt hỏi :

— Tai họa gì đây ?

Khoái-Triệt nói :

— Lưu-Bang sở dĩ phong Ngài làm Tề-Vương là một hoán binh chi kế của Trương-Lương để chờ khi thanh toán xong Hạng-Vũ, sẽ tìm cách giết hại Ngài, mong ngài hiểu cho như vậy.

— Theo ý Tiên-Sinh, bây giờ tôi phải làm sao ? Hàn-Tín hỏi :

— Chớ nên đi đâu hết, Ngài cứ ở lý tại nước Tề đây, chờ cho Lưu-Bang quật nhau và thế nào Lưu-Bang cũng bị bại trận với Hạng, nếu bên Lưu không có bàn tay Ngài, lúc bấy giờ Ngài chỉ phải thanh toán có một Hạng-Vũ rồi thống nhất thiên hạ, thì đối với Lưu Ngài không sợ bị tay tiếng gì. Nếu bây giờ Ngài lại mang quân về Thanh-Cao, tức là Ngài tự dẫn thân vào chỗ chết, vì đây là kế Trương bày cho Lưu-Bang gài bẫy Ngài.

Lời nói của Khoái-Triệt thiệt là chí-lý, Hàn-Tín lại một lần nữa bị giao động, nửa muốn theo, nửa muốn không. Nhưng rồi một lần nữa con người thứ hai lại thắng. Thế rồi, ông thở dài rũ áo đi ra buồng sau, để mặc cho Khoái-Triệt ngồi đó một mình.

Mấy hôm sau đó họ Hàn mang quân về Thanh-Cao hợp lực cùng Lưu-Bang đánh Sở, rồi trải qua bao nhiêu trận ác chiến, họ Hàn đã có những chiến công to lớn nhất trong

đại cuộc Hán-Sở tranh hùng, cuối cùng là trận Cai-Hạ giết Sở-Bá Vương ở Ô-Giang.

Hạng-Vũ chết, thiên-hạ chỉ còn lại một nước Lỗ hèn yếu, Lưu-Bang chỉ dùng cái đầu của Hạng-Vũ làm vật chiêu hàng là thanh-toán xong nước Lỗ.

Thế là đại-cuộc của Lưu-Bang thành-công. Nhưng lời nói của Khoái-Triệt nói với Hàn-Tín nào có sai đâu ? Vì giờ thành-công của Lưu-Bang lúc nào là giờ chết của Hàn-Tín cũng bắt đầu đếm lúc đó,

Số là sau khi lấy được Sở rồi, Lưu-Bang đòi lại ấn-tín nước Tề mà cải phong cho Hàn làm Lỗ-Vương, nón dân eo xã hẹp, khác hẳn với Tề, bao nhiêu binh lực bị Lưu-Bang thu hồi, chỉ giao cho Hàn-Tín một số ít quân, vừa làm nhiệm vụ cảnh-sát. Lúc bấy giờ họ Hàn mới thấy được sự nguy hiểm đã bày ra trước mắt, nhưng biết làm sao bây giờ ? Vì chính ông đã không biết nghe lời Khoái-Triệt, mà lại tự mình dứt cái đầu bách chiến bách thắng vào cái thùng lọng của Lưu-Bang rồi.

Cuối cùng, để thanh-toán Hàn-Tín Lưu-Bang mới bày ra câu chuyện tuần thú của một thiên-tử, sau khi thống nhất thiên hạ, để lừa họ Hàn ra bãi hạ mà bắt.

Hàn-Tín bị bắt trời lại để sau xe chỉ biết ngựa mặt kêu trời.

Nhưng rồi Lưu-Bang không muốn mang lấy tiếng xấu muốn đòi là người vong ân bội nghĩa, ăn cháo đá bát, cho nên chưa tiện giết ngay Hàn-Tín mà giáng xuống làm Hoài-âm-Hầu, một tước hầu hữu danh vô thực, ở đây từ Tứ-Mã-Thiên cho tới Bàn-Cổ đều ca ngợi Lưu-Bang là «nhân chi chí, nghĩa chi tẫn». Nhưng nhân chi nghĩa tận gì? Chẳng qua là một ngón chánh trị gian manh của một tên chúa phong kiến ích kỷ và tàn nhẫn. Có lẽ cũng vì vậy mà mưu thần Trương-Lương cũng chán ngấy lên rồi thác kể đi tu.

Màn chót của đời Hàn-Tín

Nói rằng Hàn-Tín được phong làm Hoài-âm-Hầu, nhưng kỳ thực bị quản thúc, không hơn không kém, cái chết

đã chấp chờn trước mắt nhưng ông không biết làm sao được nữa.

*«Gầm một tiếng căm hờn
trong cũi sắt»*

Hoài-âm-Hầu không phải là cũi sắt, nhưng con hùm thiêng Hàn-Tín con người độc ác Lưu-Bang cũng không để cho yên mà «nằm dài cho ngày tháng trôi qua».

Thiệt-vậy, sau đó không bao lâu, Lưu-Bang ngự giá đi đánh Trần-Hy ở Khúc xương, một nhân vật chưa chịu khuất phục Lưu-Bang, trong khi đó họ Lưu bố trí kế hoạch cho mưu vợ lằng loằng, tên là Lã-Hậu bắt Hàn-Tín chém đầu.

Tây Hán chí hồi thứ 94 chép rằng; Lã-Hậu chém xong Hàn-Tín đem thủ cấp đựng vào thùng đồng thời viết sớ thông cáo cho chồng ở ngoài mặt trận biết. Khi Lưu-Bang trông thấy đầu Hàn-Tín, ôm lấy khóc hu hu nước mắt chảy đầm đề.

Nước mắt đây là loại nước mắt gì? Nếu không phải là nước mắt cá sấu, nước mắt Tào-Tháo khóc Vương-Cầu, Không-minh khóc Chu-Du

không hơn không kém.

Thay câu kết luận

Chúng tôi thấy rằng để kết luận thiên sử khản này, có lẽ không có gì hơn là kể lại lời Khoái-Triệt đối đáp với Lưu-Bang, khi họ Lưu bắt Khoái-Triệt về hỏi tội đã bày cho Hàn-Tín làm phản.

Tây Hán chí hồi 94 chép rằng: sau khi dẹp xong Trần-Hy Lưu-Bang kéo quân về triều, câu trước nhất mà họ Lưu hỏi vợ:

— Lúc làm hình Hàn-Tín có nói gì không?

— Hần nói: Chỉ tiếc vì ta không biết áp dụng lời nói Khoái-Triệt;

(Hần bắt dụng Khoái-Triệt chi ngôn).

Lưu-Bang hoảng hốt hỏi tả hữu:

— Khoái-Triệt là ai? bây giờ ở đâu?

Có người biết chuyện tâu:

— Khoái-Triệt là người Tề, bạn thân với Hàn-Tín. Sau khi được Hàn-Tín bị truy di. Khoái-Triệt trở nên người giờ tỉnh, lang thang thất thểu cùng đó đây.

Lưu-Bang cho người qua Tề tìm nã Khoái-Triệt về. Vừa trông thấy Khoái-Triệt, Lưu-Bang hỏi:

— Có phải đây nhà người đã xúi Hàn-Tín làm phản ta chăng? Khoái-Triệt trả lời mạnh dạn:

— Vâng, chính tôi đã khuyên họ Hàn nhiều lần nên làm chuyện đó.

— Tại sao nhà người lại dám xúi người làm chuyện bất trung như thế.

Khoái-Triệt cười to đoạn anh ta nói:

— Tôi muốn hiểu Ngài muốn nói cái trung nào? Ai trung? Và trung với ai?

Trong lúc Lưu-Bang đang suy nghĩ, Khoái-Triệt lại tiếp:

Trung nghĩa là trung với chủ, mà chủ tôi lúc ấy là họ Hàn, tôi biết Ngài là ai; con chó của Đạo-Chích cắn vua Nghiêu là vì vua Nghiêu không phải là chủ của nó. Nói rằng phản bội, tôi xin lỗi Ngài, chính Ngài mới là người phản bội.

Lưu-Bang quát to:

— Ta phản bội cái gì? Với ai?

Khoái-Triệt bình tĩnh tiếp:

— Sở Hoài vương phong cho Ngải và Hạng-Vũ cộng lực diệt Tần, sau Ngải phản lại họ Hạng để tranh quyền cướp nước, mà bây giờ thiên hạ là của giòng họ Lưu, chỗ đâu phải là của Hoài-Vương. Thử hỏi chữ trung Ngải để vào chỗ nào? Những người theo Ngải, giúp Ngải lập nên nghiệp lớn, được Ngải trung thành đối xử với họ những gì? Hàn-Tín bị tru di, Tiêu-Hà bị tù tội, Trương-Tử-Phong hoảng sợ phải tháo gale đi tu tiên, như Ngải mới chính là kẻ phản bội.

Trong khi Lưu-Bang đang ngồi chờ người ra bởi những lời đối đáp của Khoái-Triệt mà thiệt ra họ Lưu không ngờ, thì Khoái-Triệt lại tiếp:

— Nếu lúc đó Hàn-Tín chiếm giữ lấy 3 nước Ngụy, Yên, Tề để cai trị thì đó chính là một quyền lợi ưng đắc của Hàn-Tín, vì chính tay ông ta làm ra, chứ vua tôi nhà Ngải chỉ ở đằng sau hậu tuyến, ngồi nhận tin tức thắng

trận do Hàn-Tín gởi về để rồi có ngày hôm nay.

Hàn-Tín không thấu triết lý đó, cho nên ông ta mới bị chết một cách oan uổng dưới bàn tay lật lọng phản bội của Ngải.

Trung là cái gì? Chính Hàn-Tín đã chết vì cái chữ trung trừu-tượng khó định nghĩa ấy mà Ngải thì thành công sự nghiệp Vi-đại là biết bắt chấp cái chữ trung vô nghĩa ấy:

Người ta tưởng rằng: Khoái-Triệt mặt sát Lưu-Bang sát nút như thế, chắc bị Lưu Bang giết ngay, không Lưu Bang là người khôn độc, tế-nhị, cho nên chẳng những không giết Khoái-Triệt mà còn khen Khoái-Triệt là một kẻ sĩ đương thời.

Sau cùng Lưu-Bang nói với Khoái-Triệt:

— Hiện nay thiên hạ đã định, một người tài đức như tiên sinh không lẽ để uổng phí. Vậy bây giờ Tiên-sinh bằng lòng hợp tác với Lưu tôi, thì tôi sẽ trọng dụng Tiên-sinh.

Nhưng Khoái-Triệt xua tay nói:

— Tôi đã từng cho tôi là

một mẫu người Trượng-Phu quân tử, là người giữ đúng chữ trung, người trung với chủ không bao giờ trở lại thờ chủ mới là kẻ đã giết chủ mình, cho nên phần thưởng cao quý nhất mà tôi muốn Ngải ban cho là được chết theo Hàn-Tín, người chủ củ của tôi.

Cuối cùng Lưu-Bang không dùng nổi Khoái-Triệt, nhưng cũng không nỡ giết. Điem này người ta có thể hiểu họ Lưu bằng bao nhiêu khía cạnh.

Chúng tôi nghĩ rằng: tất cả thái độ và lời đối đáp của Khoái-Triệt trên đây tạm đủ làm câu kết luận cho bài này rồi, chúng tôi không muốn dài dòng thêm nữa.

Tuy nhiên, để chấm hết bài khảo luận này, một lần nữa chúng tôi xin thương xác với ông SAO BIÊN rằng:

Một nhân vật mưu-trí, anh tài, xuất loại bạt tụy, công nghiệp vô song như Hàn-Tín, cuối cùng phải chết một cách oan khiên, tội nghiệp, vì giả tâm vô đạo, phản bội lưu manh của tên chúa phong kiến Lưu-Bang với ác sách «vắt chanh vắt vò» của chế độ phong kiến.

Nếu ông muốn lên án trọng vụ này, thì cứ lên án Lưu-Bang có lẽ công bình và sáng suốt hơn.

Một nhân vật như Hàn-Tín, mà chỉ vì câu chu yện luồn háng gã hàng thịt lúc hàn vi, mà ông gán cho là «... *thằng vô liêm sỉ*...». Chúng tôi cho rằng ông đã quá tàn nhẫn.

Chúng tôi còn nhớ năm nọ một tờ báo cũng ở Sài-Gòn, khi phê bình cái chết oan khiên của Úc-Traí Nguyễn-Trái có lẽ cũng quá «*ngghiêm khắc*» như ông nên cho rằng: Nguyễn-Trái vì đa tình mà chết, đã sáu mươi mấy tuổi, khi về hưu trí còn đeo qu eo thêm một con vợ lẽ trẻ đẹp bên mình, rồi chính con vợ đó đã gây ra tai họa cho mình».

Tại sao người ta không biết nghĩ rằng: cái chết oan khiên cả nhà Cự Úc-Traí, là một vết nhơ trong lịch sử phong kiến Việt-Nam, thời Lê-Triều; cũng như cái chết oan khiên của Hàn-Tín cũng là một vết nhơ trong lịch sử phong kiến Trung-hoa thời Hán-Triều. Có lẽ ông SAO-BIÊN cũng nên nghĩ thế.

● ĐÔNG-TÙNG

HỘI CHỢ OSAKA '70 (EXPO '70)

HỘI chợ OSAKA khai-mạc ngày 14-3-1970 và sẽ chấm dứt vào ngày 14-9-1970. Kể từ ngày khai-mạc đến nay hội-chợ đã hoạt-động được 3 tháng và đã đem lại cho chánh phủ Nhật Bản một số ngoại-tệ quan-trọng do những du khách từ mọi nơi trên thế giới mang đến. Hội chợ OSAKA là nơi để cho các quốc gia trên thế giới được dịp phô bày những cái hay, cái đẹp của riêng nước mình cho mọi người biết và hãnh diện biết bao khi mọi người ngợi khen thắm phục những cái mà chỉ riêng nước mình có và làm được mà thôi. Nhìn vào hội chợ OSAKA ta có thể biết được sự tiến bộ của riêng từng nước một qua những đồ vật và hình ảnh được trưng bày.

Hội chợ được chánh phủ Nhật đặt tại OSAKA thuộc vùng KITASENRI, một nơi nhiều đồi núi mà trước đây không được phồn thịnh cho lắm. Từ trung tâm thành phố OSAKA là VMEDA muốn đi đến hội chợ ta có thể đi bằng 3 cách. Một là đi bằng con đường tàu xe điện Hankyu ở platform số 3 để đi đến cửa Tây hội chợ mất độ 20 phút.

Hai là đi bằng đường xe điện ngầm và lên con tàu cập ở platform số 2 để đi đến cửa chánh hội chợ mất độ 25 phút. Ba là đi bằng xe buýt, taxi để đến hội chợ. Tiện nhất là đi bằng đường tàu Hankyu vừa lẹ, vừa rẻ tiền vừa dễ tìm thấy. Tại mỗi ga thường có những phát ngôn viên nói tiếng Anh cho những người

ngoại quốc hiểu phòng ngừa những lầm lẫn khi lên xe điện.

Đến hội chợ bạn có thể vào bên trong bằng bất cứ cửa nào và nếu bạn là du khách bạn sẽ mua giấy vào cửa với giá 800 yen Nhật Bản cho một lần xem.

Học sinh 600 yen và nếu bạn vào hội chợ từ 5 giờ chiều trở đi thì học sinh hay bình dân gì đều chỉ trả có 300 yen. và bạn chỉ được coi cho đến 9 giờ tối là phải sửa soạn ra về để ngày mai mua vé khác vào xem tiếp tục những gian hàng mà bạn chưa xem qua.

Xem tất cả các gian hàng từ nhỏ cho đến lớn hay ngược lại một cách kỷ lưỡng thì bạn phải mất độ 1 tuần lễ. Ở đây nếu kể tất cả những chi tiết của từng quốc gia một thì không bút mực nào kể cho hết. Đại khái tôi xin trình bày những gian hàng của các các cường quốc và một vài quốc gia có tính cách đặc biệt mà thôi.

Trước nhất là tại gian hàng Việt-Nam.

Tại đây quý bạn sẽ thấy là cờ VN với nền vàng 3 sọc đỏ bay phất phới trên nền trời Nhật-

Bổn cạnh gian hàng Việt-Nam với cổng đồ vĩ đại mang 2 con rồng vàng châu đầu vào nhau tượng trưng cho dân tộc VN là con rồng cháu Tiên. Gian hàng VN nhỏ bé nhưng có cái cổng này là vĩ đại và hấp dẫn cho người nào muốn tìm hiểu và biết về VN. Qua khỏi cổng là bước vào gian hàng VN với dáng hình hộp chữ nhật và được chia làm 3 gian: Quá khứ, hiện tại, tương lai mà những chữ được viết bằng tiếng Anh. Tại đây quý bạn sẽ được nhìn thấy những chiếc độc bình cổ, chén bát đĩa thuộc đồ thủ công nghệ nhưng rất đẹp. Một mô hình thành nội Huế màu trắng bằng ngà voi, nhưng cái nón lá xinh xinh, những đôi guốc, những xách bằng da do VN làm v.v..

Trên tường có treo những hình phô bày những cảnh đẹp, nông nghiệp VN. Tại gian hàng tương lai thì với toàn là những bức tranh nói lên những ước mong của người dân Việt. Mong thanh-Bình để tái thiết đất nước và hướng đất nước về con đường tươi sáng hơn. Có lẽ trong tương lai VN sẽ hướng về kỹ nghệ hơn nông nghiệp dù nhiều ruộng lúa phì nhiêu qua những bức

tranh in hình nhà máy xi măng Thủ-Đức và làm thủy tinh. Cũng tại đây lúc trước có chung một cái Tivi Nhật Bản và muốn nói lên rằng sau này người VN sẽ chế được Tivi. Theo ý kẻ viết bài này thì nên vẽ 1 cái hình Tivi hơn là chung cái Tivi của người vì làm như vậy đỡ què với Nhật Bản hơn. Tóm lại gian hàng VN không có cái gì đặc biệt cả ngoài cái nón lá và chiếc áo dài do mấy cô coi gian hàng mặc. Kẻ viết bài này đã hỏi nhiều người bạn Nhật rằng «Anh vào gian hàng VN và cho đến ngày hôm nay anh còn nhớ gì ở gian hàng VN có không? Và anh có cho rằng những món đó là đặc biệt không? «Mấy hần trả lời rằng» có, có nhớ chiếc nón lá và cái áo dài, quần lãnh. Cái đó thì rất đặc biệt và đẹp mắt». Cái nón lá và áo dài của mấy cô đi đến đâu thấy cũng hay và lạ hết. Có thể nói «Áo dài VN còn là nước VN còn» sau câu «Tiếng Việt còn là nước Việt còn».

Kể đến là gian hàng Mỹ Quốc Gian hàng có hình dáng như một cái mu rùa và thấp lè tè dưới đất. Lối kiến trúc hơi lạ. Tại gian hàng này một tháng về trước nếu bạn không đứng sấp hàng

đợi 2 giờ không vào thì không vào xem được. Sở dĩ phải sấp hàng như vậy là vì ai cũng muốn xem cho được Apollo và đá nguyệt cầu. Kế bên hình thật Apollo 8 là mô hình giả Apollo 11 nằm trên bãi cát tượng trưng cho mặt nguyệt cầu. Trên bãi cát đó có những vết giày của 2 phi hành gia ALDRIN ARMS-TRONG kỷ niệm ngày 2 phi hành gia đó «phá triển» chi Hăng thân yêu của nhân loại.

Nhìn vào Apollo 8 và 11 của Mỹ ta phải khách quan công nhận rằng Mỹ vẫn minh và tiến bộ quá mức. Về diện tử Mỹ đã liên lạc và truyền hình từ mặt trăng về trái đất. Về hóa học mỹ đã chế tạo được vỏ phi thuyền chịu được một nhiệt độ thật cao khi vỏ phi thuyền va chạm và cọ-xát vào khí quyển. Hóa học Cao phân tử (High polymer Chemistry) của Mỹ đã tiến bộ vượt bậc. Về cơ khí điện, hóa học được phẩm hóa học thực phẩm v.v... Mỹ cũng đã bày tỏ cho thế giới biết sự tiến bộ vượt bậc của mình qua phi thuyền 8 đến 11.

Tại gian hàng Washington quý bạn lại được nhìn thấy đá mặt-trăng một lần nữa nhìn thấy sự

khai hoang của người Mỹ và phong cảnh của miền Washington qua Cinérama màu vĩ đại. Tại đây quý bạn sẽ được nghe một cô Mỹ có mái tóc thề nói thật rành tiếng Nhật giải thích từng chi tiết cho bạn nếu bạn là người Nhật.

Tại gian-hàng Nga-Sô. Gian-hàng này cao nhất trong hội-chợ với màu đỏ hoét và cái lưới liềm gắn trên đỉnh gian-hàng. Bạn đứng bất-cứ nơi nào trong hội-chợ cũng đều nhìn thấy lưới-liềm này cả.

Tại gian-hàng này muốn vào xem cũng sấp hàng nhưng chỉ mất lối 1 giờ mà thôi. Tại gian-hàng này ở từng 1 sẽ được chung bày sách-vở, viết máy, bàn viết của VLODIMIR LENIN dùng và viết ngày xưa. Từng 2 là tách, chén bát và đĩa hát. Từng 3 là cảnh những khu rừng ở Nga. Tại đây nếu bạn qua gian kế bên bạn sẽ nhìn thấy những tấm-thảm, những bộ áo lông thú đắt tiền. Xuống dưới một chút là trưng bày những họa-hình và đồ-biểu phi-thuyền của Nga. Xuống nữa là quán ăn. Quán ăn chia làm 2 từng. Từng trên sẽ do người Nga Service, từng dưới thì tự mình service lấy nên rẻ hơn. Đồ ăn Nga lạ miệng và ngon lắm.

Tại gian-hàng Nga cũng cinérama cho bạn xem. Tại gian-hàng Đức thì quý bạn sẽ trông thấy những cái Tivi màu, Stereo hình đồ về y-khoa, những tranh-ảnh về cảnh của Đức. Tại đây quý bạn sẽ được vào trong căn nhà tròn kín để nghe nhạc nổi do 1 nhạc sĩ Đức độc-tấu. Nhạc Đức cũng rất nổi tiếng trên thế giới. Tại gian-hàng Đức quý bạn sẽ thưởng-thức những món ăn của Đức do Đức nấu. Ngon lắm. Tại đây những người Service là người Đức nên bạn phải dùng tiếng Đức, Anh, Pháp thì họ mới hiểu.

Gian-hàng Thụy sĩ trước cổng có một cầu cầu-tạo bằng những đèn bóng màu trắng rất đẹp về ban đêm. Bên trong cũng như những gian-hàng Đức, Pháp, Úc-đại-Lợi không có gì đặc-biệt như gian-hàng Mỹ ngoài những xinê tầm-thường. Gian-hàng Canada thì cầu-tạo bên ngoài toàn bằng kiếng trắng và mỗi ngày đều có ban nhạc và Vũ-đoàn của Canada trình-diễn cho khách xem. Gian-hàng Ấn-Độ thì phía trước làm một thác nước giả, gian-hàng thì màu đỏ gạch và kiến-trúc thì giống như đền chùa Ấn-Độ tại VN. Trong gian hàng này có chung 1 lâu đài của Ấn Độ thuộc

kỹ-quan của thế giới. Ngoài ra không có gì đặc-biệt ngoài những hình-ảnh và tờ lụa sắc sảo của Ấn-Độ cùng mùi Cà ri chà. Tại gian-hàng Bỉ thì trưng rất nhiều hội xoàng. Gian-hang Phi-luật-Tân thì không có gì đặc-biệt bên trong nhưng lối kiến-trúc gian hàng rất đẹp và hình-dáng giống như vành nón cong của mấy ông cao Bồi bên Mỹ.

Gian hàng Nhật Bản thì có rất nhiều. Gồm gian hàng của chánh phủ Nhật với 5 cánh hình trống và rộng nhất trong tất cả gian hàng. Diện tích vào khoảng 8.000m² tức là bằng 1/10.000.000 diện tích xứ Nhật. Gian hàng M dori với cái màn ảnh hình bán cầu (hemispheri.) chiếu phim «Asorama» mà thế giới này Nhật là người đầu tiên làm ra. Vì đại lắm quý bạn ơi. Về điện tử Nhật ở trên Âu Châu xa lắc. Gian hàng của hãng rượu Suntory sẽ nói về cách làm rượu và quảng cáo rượu Nhật. Gian hàng của hãng điện tử Sony sẽ cho quý bạn thấy điện tử và hệ thống âm thanh của Nhật qua mặt Đức, Pháp, Úc, tại hội chợ OSAKA. Gian hàng của OSAKA GAS, của group Fuji, group IHI SUMIMOTO, MITSUBI SHI với gian hàng vị lai và ước

vọng của người Nhật 50 năm sau Gian hàng Matsushita bằng tre giữa hồ nước trông thật nên thơ. Gian hàng Mitsui v.v... Gian hàng của Nhật nhiều lắm và ở rải rác nói không làm sao hết được. Ở đây tôi chỉ nói một cách khái quát và quý bạn nếu có dịp qua Nhật được để xem Expo'70 thì sẽ thấy lời tôi không ngoa Nhật ngày nay có lẽ đã qua mặt Âu Châu.

Ở những gian-hàng Phi-Châu quý bạn sẽ thấy họ còn kém văn-minh giữ lắm. Sẽ nhìn thấy hình hài những đầu-lâu, xương người hay những người còn mang trên mình đầy rẫy trông rất dễ sợ. Tóm lại ở những nước nhược-tiểu thì không có một cái gì hấp-dẫn và đặc-biệt cả ngoài những tranh ảnh tâm-thương hay đồ thủ công nghệ xấu-xí v.v..

Đây không hiểu là dã-tâm hay thiện-ý của chánh-phủ Nhật-Bản mà hẳn cho gồm các nước nhỏ bé về mặt kinh tế. Chúng có thiện-ý là sợ những gian-hàng của quốc-gia nhược-tiểu nằm gần cường-quốc thì sẽ bị lu-mờ và không ai đến xem hay chúng khinh-khi các quốc-gia nhược-tiểu không xứng đáng đứng gần đàn anh» Kể về bài này nghĩ rằng Nhật có dã-tâm hơn là

thiện ý vì kẻ viết bài này ở Nhật lâu rồi nên hiểu rõ con người Nhật Bản và xứ Nhật.

Tóm lại ở hội chợ OSAKA thì những gian hàng đáng xem là Mỹ, Nga, Nhật, Đức, Úc, Pháp, Anh, Thụy sĩ và Cao Da. Nếu bạn là người VN thì nên xem qua gian hàng VN.

Trong hội chợ và chạy vòng quanh hội chợ sẽ có những chiếc Monorail, xe hơi kiểu nhỏ hình hộp chữ Nhật mà đi khỏi tốn tiền, đủ cả những trò chơi và sân chơi cho trẻ con, đủ mọi băng ghế cho quý bạn ngồi khi mỏi chơn, đủ những quán ăn của tất cả các nước. Tại đây quý bạn sẽ thưởng thức mùi vị của toàn thế giới. Và cũng tại đây quý bạn có thể mua đồ kỷ niệm của các quốc gia trên thế giới tại một nơi bán quốc tế là : international

plaza. Thường là rượu, thức ăn h p, cà phê, thuốc lá, tranh ảnh và trang-sức v.v... Giá cả thì rất mắc và không có gì được gọi là rẻ hơn bên ngoài cả. Ngay trong hội chợ cũng có những nhà bank để quý bạn đổi tiền dollars Mỹ ra yen Nhật-Bổn. Nếu quý-bạn đi lạc ngõ hay muốn đến xem một gian-hàng nào đó mà bạn không biết đường đi đến bạn có thể hỏi ngay đảng information hay những hướng-dẫn viên Nhật-Bổn đứng rải-rác trong hội-chợ, mọi người sẽ từ-tử chỉ-dẫn bạn.

Tóm lại vì hội-chợ quá rộng-lớn và phải đi đứng suốt ngày nên khi ra về ai nấy đều mang một tâm trạng như nhau là mệt mỏi.

TRẦN VĂN QUANG
(Sinh viên kỹ sư hóa học)
OSAKA JAPAN

□□□



*L'argent n'a pas d'odeur, d'où qu'il vienne.
(Tiền bạc chẳng có mùi, dù xuất xứ từ đâu)*

Juvenal
Satires



VÕ THUẬT

TRẦN-TUẤN-KIỆT biên soạn

Chúng tôi xin lỗi quý vị đọc giả để trả lời thư của báo võ thuật, và xin quý vị lượng thứ cho về việc tạm gát bài võ thuật một kỳ

Lời dạy tên Gươm Cùn... ở báo Võ Thuật

CHÚ rất phiền khi phải viết ra những lời này, để làm mất thời giờ của quý vị đọc giả. Số là.

Vừa rồi, ở báo Hòa-Bình chú

có dạy dỗ cháu điều hay lẽ thiệt mà cháu vẫn còn «ong non ngựa nọc» và dè dặt buồn rùng hoài hay sao?

Vả lại chú có... dạy cháu sai

trò bịp bợm... lên mặt võ sư... và nói năng toàn lời lẽ «ba xu.» như vậy đâu? Và cháu lại còn nói chuyện Thơ nữa chứ!

— Ý cha? Cháu Gươm Cùn... mà cũng biết nói thơ thì cái nước Congo nó cũng tiến bộ rồi! Cháu nói chú quăng cáo cho cháu; Cháu Gươm Cùn lấy làm vinh hạnh lắm thì phải.

Sau lại trách chú coi cháu... như là các vật từ rùn trở xuống? Thế mà cũng đem khoe với mọi người! than ôi là... tri độn! Cháu... tri độn quá tay, chú không sao dạy dỗ nổi!

Lại xưng là võ sư mắc bận đi dạy! Không thì lại nhà tìm chú mà đánh.

— Ý Cha! đến mà gãi ngứa... chú đây! Thử cháu bắt nhân! và... vô học làm sao?

Về Thơ thì nhất định cái mục «Đã Cầu» này không thêm đề cập đến. Vì loài cầu chúng nó biết chỉ là thơ «đâu» mà bản?

Cháu... giỏi quá xưng võ sư... để chú cắt nghĩa cho cháu nghe danh từ «võ sư»! Nhưng mà thôi! Loài «cầu» có biết gì đâu mà cắt nghĩa! Thơ

với phú. Lại, còn xưng là «Cọp» nữa chứ! Cháu xưng như vậy, cháu quen vốn... là loài thú dữ mau rùng rú hay sao? Thế là bậy lắm. Cha mẹ cháu đâu sanh ra giống vật như vậy! «Đó là cháu trước đã bắt nhân — (đời đánh chú —); cháu đã «bắt nghĩa» không nghe lời chú dạy... Bây giờ lại «bắt hiểu» xem thường công lao dưỡng dục của đấng sinh thành! Cha mẹ cháu... đâu có vô rùng làm bậy... mà sinh ra cháu là... «Cọp». Nên tôn trọng cha mẹ, đừng đem vào chuyện đùa cợt này làm gì! Hay sự thật, cháu là loài «lợn giống» mà chú không biết?

Cháu lại làm thầy đời dạy võ, viết báo, để dạy điều hư tật xấu «Bắt nhân» «Bắt Nghĩa» và «Bắt Hiểu» đó cho đám thanh niên. Thì tội nghiệp cho họ lắm đấy cháu!

Nè, đọc tới đây đừng buồn giận nghe cháu! Chú dạy cháu phải dạy thật tình. Nhân nghĩa cháu không có, thì dù cháu có mạnh bạo tới đâu cũng là loài «vũ phu man rợ» mà thôi.

«Cháu lại đòi... đăng ba cái thơ của đọc giả để lãng nhục chú... vì lẽ đã dùng lời hay ý thiệt mà dạy cháu.» — Cháu cứ đăng

cho chú xem ! Không còn ai dễ
đỉnh mà nghe lời cháu đâu ! — Có
lẽ thư đọc giả đó là của cháu,
nếu không là cháu bịa thì cũng là
bè lũ của cháu đấy. — Cháu lại
dở trò bịp rồi kia ! bậy lắm nghe.
— Cứ bịp bợm ! Cháu nói... theo
lời — «mồm năm miệng mười»
của các chị em ta..! mà lại
xưng võ sư đi dạy thì ai mà ngủ
nửa. Chú thách cháu... đáng thơ
bịp bợm của cháu viết ! Giới lắm
là mỗi tháng 1 kỳ, hay ráng cầm
hỏi... là 2 kỳ !

Còn chú... chú sẽ đăng bao
nhiều là lời chằm biếm về các
cháu. Thiên hạ gọi đến hàng lò...
về báo Võ Thực của cháu cho
cháu xem (ít lắm mỗi tháng là 15
cái thơ, thiên hạ than phiền... sự
bịp bợm của các cháu) trên các
báo hằng ngày để quảng cáo cho
các cháu... được cái vinh dự —
từ rún trở xuống đó !

Nhưng, đọc tới đây dừng...
nóng nghe cháu ! Tội nghiệp.
Cháu luôn luôn dở trò... hạ cấp,
bày đặt thư từ để nói láo... lưu
manh.

Chú cũng cho cháu biết «sách
võ thuật Hồng Lĩnh hồi này in
gấp đôi khi trước. Nghe đâu,
các nhà phát hành gọi ở mấy cái

sạp... báo hại cho báo Võ Thuật...
của các cháu bán ế, nên các cháu
dở trò... chớ sửa quen mồm !

Nhưng mà cháu Groom Gùn
oi !

— «Chớ sửa mặc chớ đoán
người vẫn đi»

Chú không bao giờ phiền
cháu... Groom Cùn ở báo Võ
Thuật cả, khi cháu nói về tầm
vóc và sự nghiệp của chú.

Thật ra chú chỉ lớn hơn cháu
một chút thôi ! Còn đối với thiên
hạ chú nhỏ nhoi lắm, không đáng
kể gì. Không bao giờ chú nói về
sự nghiệp hay tầm vóc cả. «Thật
ra cháu là đứa... con nít miệng
còn hôi sữa... Nói hoàng nói
xiêng, có ra gì đâu mà láo nhái.

Cháu... làm báo, đáng đời con
đời cháu của chú... chứ đừng
nói đời em của chú, thế mà
«ngựa nộc» làm gì ?

Chú... đâu có muốn chấp nhứt
lỗi phải chi đâu ? Thứ nữa, báo
truyền bá võ thuật... thì nên tìm
cái hay cái lạ ra phổ biến, học hỏi.
Còn không có gì hay lạ, thì cứ
dịch thêm ở Black Belt ra đi,
đừng hồ hoán, nói càn, Đạo văn
của sách Mỹ mà nói người theo

mình, nhỏ nhoi bần tiện quá !

Nếu báo Võ Thuật bán không
chạy thì nói chú quảng cáo cho.
Chú sẽ quảng cáo đảng-hoàng, sẽ
bảo đây là tờ báo hay lạ nhất
thiên hạ... toàn bắt thiên tài võ
thuật đông đây cổ kim viết ra !
Con nít nó sẽ mua ùn-ùn, lấy tiền
mà xài vặt... hay lo cho nồi cơm
gà đình... của cháu ! Chú cũng
không quảng cáo cái thứ... từ
rún trở xuống (Võ Thuật) đó
nữa đâu mà ngại !

Chuyện chú với Đình-Hùng,
cháu còn nhỏ nhít, (nhỏ về tuổi
đời... cũng như non nớt về văn
chương) nông nổi làm sao hiểu
chuyện của người lớn được. Có
lẽ tới già cháu cũng không biết
không hiểu, đừng nói ba bốn
chục năm nữa.

Cháu lại hồn hào mất nết...
đòi đánh chú !

Chú dạy cháu vài ba lời... mà
cháu còn «côn đồ» như vậy thì,
cha mẹ cháu dạy cháu cả đời
chắc cháu cũng «bạt tay» vài cái
chớ chẳng chơi !

Cháu mù mờ... ở rừng rú mới
ra hay sao mà nhìn gà hóa cuốc.
Trong chuyện giỡn chơi này mà
cháu lại cần học nen quảng

manh rồi hay sao ?

Cháu lên giọng «rừng rú» bậy
bạ quá, cái bịp bợm của cháu...
mới là coi thường đọc giả.

Lại nhát gan và hợm hình
mang cả Tổng cuộc quyền
thuật, và Võ Đài vào đây vu
khống làm gì. Chú nào có nói
chi đến Tổng Cuộc Quyền
Thuật đâu ? Chú sẽ bàn đến,
nhưng với một sự đứng đắn
chứ đâu phải kết bè kết đảng như
cháu nói càn... láo lếu hỏu hào
vậy ?

Chú nói chú không thêm lên
đầu... với kẻ «côn đồ» là cháu
để cho mọi người coi như coi gà
đá vậy !

Sao lại «dọa» chú bằng Tổng
Cuộc Quyền Thuật ? Họ đâu
có liên can về vụ buôn bán sách
báo Võ Thuật nếu không nói là
các võ đài bị «ấn cấp hình
ảnh» các võ sư bị «ấn cấp...
lời nói» sau các cuộc gọi là...
phỏng vấn, để cho đây trang
báo võ thuật.

Nếu không các cháu lại phải
dở... Black Belt ra dịch nữa chớ
bại võ viết quá khô khan rồi đó.

Cháu lại dở trò ba que xỏ lá...

van này các võ sĩ đến tìm chú. Một là họ có bán báo Võ Thuật để xin quà bánh... của con nít đầu, hai là họ có thì giờ đầu mà đi tìm lời một đứa... con nít vu dạ đó!

Hay là cháu lại... bực quá hóa giận rồi chăng?

Chú có anh bạn ở nhà thương. Biên hòa, để chú gọi lên đó... dưỡng tâm tính vài ngày cho bớt... nóng giận kéo rồi đi đường vô «lòn tròn» bậy mà vào vườn thú với «Cọp cái»

Cháu... lại rời sách của cháu luôn luôn kín chữ! Chú hết sức đồng ý. Vì kín chữ như cái thứ! «từ rún trở xuống» đó mà, chỉ làm hại mấy đứa bé mua về không biết mó, té gì cả. Đánh đập bậy bạ với nhau rồi la khóc ồm tỏi, để cho cha mẹ chúng nó phải



Point d'argent, point de suisse.
(Không tiền, chẳng có tôi tớ)

JEAN RACINE
(Les Plaideurs)

chưởi bới cái đồ... ăn-hại tại con!

Cháu có quá điên tiết thì vào rừng lại, đừng tập bậy mà thiên hạ bắt nhốt trong chuồng ở sở Thú y nghe không?

Chú cũng rất buồn mà gọi thư đề phải dạy một kẻ «hèn mọn» cho nó đổi nết na thành người.

Chú không muốn cháu Groom cùn... cứ giữ cái «man rợ» đó mãi. Nhất là cá tính không cha mẹ chú bực! Nói mà cháu không nghe chú sẽ bắt quỳ gối đánh đòn để cháu chừa tật ba que xỏ lá đó đi!

Chú của Groom Cùn
HỒNG LĨNH



Quái-Đàn Đông-Phương

CON TINH DỄ YÊU

Truyện của CHEN KI TSI
Bản dịch GIANG TÂN

CÓ một vị quận chúa họ tên là Weé Yin, con trai thứ chín của hoàng đế Sin-An. Thuở thiếu thời, ông này tính tình dễ dãi và thích uống rượu. Người chồng của một người cô gái họ của ông tên là Tcheng, con trai thứ sáu giòng họ, là một người ưa thích hưu trữ các loại vũ khí, biết rành các loại rượu và lại mê say phụ nữ. Anh này nghèo, không có một mái nhà nên sống tá túc trong một ngôi nhà vợ, Quận chúa Weé và Tcheng

lại rất tâm đầu ý hợp, thường lân la chơi bời với nhau. Vào một ngày tháng sáu năm thứ chín thời đại Tienpao (vào năm 750), cả hai rủ nhau đi Trảng-An, kinh-đô, đến khu phố Sintchang, nằm về phía Nam Siuaphing, lấy có có việc riêng, Tcheng từ giả Wei hẹn ngày gặp lại sau.

Cưỡi con ngựa bạch, Wei nhắm hướng Đông tiếng tót, còn Tcheng cưỡi lừa đi theo hướng Nam, qua cửa Bắc thành Chengping.

Trên đường đi, Tcheng gặp ba thiếu nữ, đặc biệt là cô mặc áo trắng trông xinh đẹp lạ thường. Tâm thần bối rối trước sắc đẹp của thiếu nữ, có khi Tcheng cho lừa bước lên trước, có khi lại ghim con vật bước theo sau mà chẳng lúc nào dám đi bên cạnh ba cô gái. Lâu lâu, cô gái mặc áo trắng lại ra mắt tình liếc Tcheng. Cuối cùng, Tcheng lấy hết can đảm hỏi cô gái :

— Cô đẹp như vậy, có sao lại đi bộ ?

Thiếu nữ mặc áo trắng mỉm cười :

— Nếu người ta có ngựa lừa mà họ không nhường cho mình thì mình biết tính sao ?

Tcheng ngượng ngập :

— Quả thật con lừa của tôi quá tệ, xem không xứng đáng để cho một người đẹp như cô cười lên lưng nó, tuy nhiên, lòng tôi sẽ hân hạnh biết bao nếu được đi theo đề hầu người đẹp.

Thế rồi... Chàng và nàng nhìn nhau cười rộ lên. Hai thiếu nữ thắp từng cũng cười theo. Không khí giữa bốn

người bỗng trở nên thân mật hơn trước.

Tcheng bước theo ba thiếu nữ; khi đến công viên Lehyeou thì trời đã nhá nhem tối. Chàng dừng lại trước một ngôi nhà xinh đẹp có bức tường bằng gạch sét bao quanh. Trước khi bước vào cổng ngôi nhà, thiếu nữ mặc áo trắng còn quay lại dặn chàng :

— Xin chờ thiếp một chút !

Trong lúc đó, một nữ tì đứng cạnh cổng hỏi tên chàng, Tcheng tự giới thiệu rồi hỏi lại tên thiếu nữ mặc áo trắng.

Tên nữ tì trả lời nàng tên là Fen, con gái thứ hai mươi trong giòng họ. Một lát sau, có người ra mời Tcheng vào nhà.

Tcheng cột lừa ở cổng, để cái nón của chàng lại trên Yên. Thoạt tiên, chàng thấy một thiếu phụ trạc ba chục tuổi bước ra tiếp chàng. Tcheng thăm nghĩ, có lẽ thiếu phụ là chị cả của thiếu nữ mặc áo trắng.

Một hàng bạch lập thấp sáng căn nhà. Buổi cơm tối đã sẵn sàng.

Nhiều bình rượu được châm đầy. Lúc này thiếu nữ mặc áo trắng hiện ra. Mọi người xúm nhau lại uống rượu vui vẻ.

Đêm về khuya. Tcheng ngồi lại với thiếu nữ. Tất cả nét duyên dáng, mọi cử chỉ của nàng, lối nàng trình bày bài ca giọng hát, cũng như cái cười tiếng nói của nàng làm cho Tcheng hết sức kinh ngạc, vì ở thiếu nữ dường như có một cái gì khác lạ với người trần thế. Gần vào lúc rạng đông, thiếu nữ bỗng nói với Tcheng.

— Bây giờ đã đến giờ chàng phải lên đường rồi đó. Người anh cả của tôi là một hội viên của hội Quốc Gia tâm nhạc, anh ấy hiện phục vụ trong hoàng cung, cứ đến buổi bình minh là trở về nhà. Thiếp không muốn là anh tôi bắt gặp chàng tại nơi này !

Thiếu nữ hứa là Tcheng có thể đến thăm nàng nhiều lần nữa, do đó Tcheng từ giả nàng. Lúc Tcheng bước đến đầu đường thì cửa của khu phố vẫn chưa mở. Gần cổng có một quán nước. Đợi cho trời sáng hẳn, Tcheng ngồi lại

ngoài hiên và trong lúc rỗi rảnh, nói chuyện với chủ quán. Chàng chỉ về ngôi nhà mà chàng mới tá túc trong đêm, rồi hỏi chủ quán :

— Từ nơi này, nhìn về hướng Đông có một cái cửa lớn, vậy ai là chủ ngôi nhà đó ? Chủ quán chậm rãi :

— Đó chỉ là một khu đất bỏ hoang, không có một căn nhà nào ở trên khu đất đó cả.

Tcheng hơi kinh ngạc :

— Ông nói sao ? Chính tôi mới từ nơi ấy đến đây mà !

Chủ quán chợt nhớ một điều gì quan trọng, mau mắn trả lời :

— Bây giờ thì tôi hiểu ra rồi ! Chẳng là ở nơi đó có một con tinh thiếu nữ rất dễ yêu thường quyến rũ đàn ông đi qua ở lại đêm với nó. Chính tôi đã bắt gặp ba lần, mỗi lần có một người đàn ông đi chung với nó. Có lẽ ông cũng từng gặp con tinh thiếu nữ đó ?

Tcheng có vẻ lúng túng, trả lời gượng gạo là không.

Đợi đến lúc trời sáng tỏ, Tcheng một mình quay lại nơi cũ, chàng vẫn nhìn thấy bức tường bằng đất sét, cánh cửa cũ, nhưng đưa mắt vào phía trong, chàng chỉ thấy một khu đất bỏ hoang với cỏ dại mọc cao đến đầu gối.

Lúc trở về, Tcheng ghé lại Wei. Wei phiên trách Tcheng đã lỗi hẹn. Tcheng dấu kín chuyện riêng của mình và ngỏ vài lời xin lỗi Wei. Từ đó, vì quá mê mẩn sắc đẹp của thiếu nữ, chàng lại tìm cách gặp lại người đẹp, hình bóng mà chàng luôn luôn ôm ấp mãi trong tim. Mười ngày sau đó, trong khi viếng ngôi chợ ở phương Tây, lúc đứng trước một tiệm bán quần áo, chàng bỗng bắt gặp thiếu nữ cùng đi với hai nữ tì. Tcheng lớn tiếng gọi nàng nhưng nàng giả điếc làm ngơ cố lần mình vào đám đông. Tcheng chạy theo vừa gọi tên nàng. Cuối cùng nàng dừng chân lại nhưng quay lưng rồi che mặt sau cái quạt, nói nhỏ :

— Vì chàng đã biết thiếp là ai rồi, cơ sao chàng tìm cách gần gũi thiếp làm gì ?

Tcheng đáp :

— Phải rồi ! Nhưng nếu cô biết như vậy thì có hại gì nào ?

— Thế thì chàng không cảm thấy là thiếp làm bận mắt chàng sao ?

— Tôi yêu thiếp vô hạn ! Lẽ nào thiếp bỏ rơi tôi sao đành !

— Thiếp đâu dám. Nhưng thiếp chỉ sợ là chàng ghé sợ thiếp mà thôi.

Tcheng năng nỉ, thề độc để chứng tỏ lòng thành thực của mình, lúc đó thiếu nữ mới chịu để cái quạt xuống, nhìn thẳng mắt vào mặt Tcheng. Trông nàng vẫn đẹp như trước, đẹp một cách lộng lẫy.

Nhận thấy Tcheng vẫn một mực năng nỉ được trở về nhà thăm nàng, nàng nói :

— Nếu người ta không ưa thích thiếp, người ta nghĩ là thiếp sẽ mang họa cho họ. Thật ra, không phải luôn luôn như vậy. Nếu như chàng cảm thấy thiếp vui vẻ, dễ thương, thiếp nguyện sẽ đem thân phận thiếp phục vụ cho chàng suốt trọn đời.

Tcheng ngỏ ý muốn được xây tổ ấm với thiếu nữ, nàng nói :

— Nếu kể từ nơi đây, cứ theo hướng Đông mà tiến, chàng sẽ nhìn thấy trong một khu phố yên tĩnh có một ngôi nhà cho thuê. Ngày hôm nay, lúc thiếp bắt gặp chàng ở phía Nam khu phố Siuanping thì thiếp cũng nhìn thấy một người đàn ông cười trên một con ngựa bạch đi về hướng Đông, có phải người ấy là anh rể của chàng không ? Thiếp biết là người ấy có nhiều giường tủ, bàn ghế, vậy chàng có thể mượn ông anh rể ấy một vài vật dụng không ?

Đúng vào lúc đó Wei đã được lệnh dời đi xa nên đã gọi tất cả đồ đạc vào kho. Theo ý kiến của thiếu nữ, Tcheng tìm đến Wei mượn một ít vật dụng trang điểm cho căn nhà. Bị Wei hơi dằn, Tcheng thú thật vừa có người yêu và đã thuê nhà, nay cần có bàn ghế, giường tủ chưng diện cho căn nhà mới.

Wei trao cho Tcheng nào mừng mản, trưởng liên, bàn, ghế... và khôn khéo cho một tên

gia nhân đi theo cố ý xem mặt người yêu của Tcheng như thế nào. Một lát sau, tên gia nhân quay trở về, toàn thân mồ hôi ra như tắm, vừa thở dốc từng hồi. Thấy lạ, Wei lại gần và hỏi :

— Nhà người có thấy mặt mũi thiếu nữ không ? Nàng như thế nào ?

— Tuyệt đẹp ! Thật trên đời này, chưa có một người đàn bà nào đẹp như nàng ! Wei vốn liếng lạc nhiều, ngoại giao rộng, nên quen khá nhiều người đẹp nên lại hỏi tên gia nhân là sắc đẹp người yêu của Tcheng có thể so sánh với người đẹp nào thì tên gia nhân đáp gọn :

— Không có ai đề so sánh được cả.

Wei kể tiếp tên tuổi bốn, năm thiếu phụ nổi tiếng đẹp nhưt nhưng tên gia nhân vẫn trả lời là không thể nào có sự so sánh được.

Wei sức nhớ đến người chị dâu, con gái thứ sáu, giòng họ Wou, có một sắc đẹp của một tiên nữ được nhiều

người cho là độc nhất vô nhị, nên hỏi :

— Vậy sắc đẹp của nàng có thể sánh với vẻ đẹp của con gái giòng họ Wou không ? Tên gia nhân vẫn giữ ý kiến :

— Không thể nào so sánh được !

Wei kinh ngạc, xoa mạnh hai bàn tay vào nhau la lớn :

— Có thể nào, dưới trần thế này lại có một người đàn bà đẹp như vậy !

Lập tức, Wei ra lệnh cho gia nhân đem nước để chàng rửa sạch mặt mũi, chít lại khăn đội đầu, lấy son thoa môi... và chàng đi đến nhà Tcheng.

Lúc Wei tới nhà, Tcheng còn đi vắng. Bước vào nhà, một đứa bé giúp việc chạy ra mỉm cười và cho Wei biết là không có ai ở trong nhà cả. Wei dạo quanh trong căn nhà.

Bỗng mắt chàng bắt gặp một tà áo màu đỏ ở gần cánh cửa. Chàng lại gần và thấy thiếu nữ thu mình trong góc cửa.

Wei điều thiếu nữ ra ngoài ánh sáng và nhìn thấy quả thật cô gái có một sắc đẹp tuyệt trần. Quá say đắm trước sắc đẹp hết sức cảm động đó, Wei mạnh tay kéo nàng vào lòng nhưng nàng kịch liệt chống lại. Wei lại có những cử chỉ mạnh bạo hơn. Đến phút nguy ngập, nàng van xin :

— Thiếp xin đầu hàng nhưng xin đừng thiếp nghĩ hơi một chút !

Nghĩ lại sức, thiếu nữ lại chống đỡ như trước, nhưng cuối cùng, với tất cả sức mạnh của người đàn ông, Wei chinh phục được thiếu nữ. Nàng thở dồn dập, môi hơi nhẽ nhãi, da mặt xanh lại. Trước cảnh đó, Wei hỏi thiếu nữ :

— Tại sao, trông thiếp có vẻ buồn bã như vậy ?

Thiếu nữ thở dài :

— Thật là tội nghiệp cho Tcheng !

Wei vẫn hỏi :

— Thiếp có ý muốn nói gì ?

— Phải rồi ! Chàng quá bé nhỏ đến nỗi không thể che chở một người đàn bà. Còn ông, ông khỏe mạnh, giàu có, ông có nhiều vợ đẹp, tìm một người đàn bà như thiếp, ông có thiếu gì ! Nhưng Tcheng, chàng quá nghèo, chỉ biết yêu có một mình thiếp. Nở nào, ông đặt tình yêu duy nhất của chàng trong khi ông lại quá đầy đủ.

Thật thương hại cho chàng ! Lâm vào cảnh nghèo túng, chàng mất tự chủ, chàng mặc quần áo của ông, ăn cơm của ông, do đó mà bị ông dọa dẫm. Nếu chàng được sống sung túc thì tất cả những tai biến ấy đã không xảy đến cho chàng.

Vốn là một con người giàu độ lượng và lại đa cảm nên khi nghe qua những lời trên, Wei kính cẩn xin lỗi thiếu nữ.

Một lát sau, Tcheng trở về nhà. Chàng cùng Wei trao đổi với nhau những nụ cười thân mật. Cũng từ đó, Wei sẵn sàng giúp đỡ Tcheng tất cả những vật dụng cần thiết bày dọn trong căn nhà.

Thiếu nữ thường đi chơi với Wei, có khi băng xe, có khi đi bộ, cả hai đi bất cứ nơi nào. Wei rất thích thú được đi chơi cùng thiếu nữ, dần dà hai người trở nên khá thân mật. Thiếu nữ chiều ý Wei tất cả, ngoại trừ việc hiến thân cho chàng, cũng vì lẽ đó, Wei lại càng kính phục con người của thiếu nữ hơn. Chàng luôn luôn tỏ ra là con người hào phóng. Rượu nồng, cơm hậu, Wei luôn luôn sẵn sàng phục vụ cho người đẹp.

Một ngày nọ, khi biết Wei thật tình yêu say đắm mình, thiếu nữ thốt mấy lời tạ tội :

— Thật chàng quá tử tế với thiếp và thiếp thật không xứng đáng với lòng tốt của chàng. Nhưng thiếp không thể nào phản lại lòng kính yêu của Tcheng được. Thiếp vốn sinh trưởng ở Chensi, được nuôi nấng ở kinh đô, những người trong gia đình thiếp đều sống trong nghề ca kịch, bà con giòng họ thiếp đều là những phu nhân hoặc là tỳ thiếp của những bậc quan lại quyền thế giàu sang, giao thiệp rất rộng. Nếu như chàng nhận thấy một bông hoa biết nói nào đó hợp ý hợp tình mà khó chiếm đoạt được

thì thiếp nguyện cố gắng làm mỗi giới để người đẹp làm quen với chàng.

Wei vui vẻ :

— Thế thì quý hóa quá !

Ở chợ, Wei có biết một người con gái tên là Tchang. Thân hình nàng vừa gọn, vừa thanh, nét mặt dịu hiền. Wei hỏi thiếu nữ có biết Tchang không thì thiếu nữ cho hay chính Tchang là bà con với nài.

Chỉ lối mười ngày sau ; Wei chiếm được lòng cô gái. Nhưng thiếu nữ nói với chàng :

— Chiếm một cô gái ở chợ, đó là một việc quá dễ dàng, Chàng cứ cho thiếp biết một cô con gái nào khác thuộc giòng quyền quý, có sắc đẹp mà hoa nhường nguyệt thẹn và chàng nghĩ rằng mình không thể nào với tay tới được cứ đề thiếp cố gắng giới thiệu người đẹp cho chàng và làm cách nào để người đẹp đó ở trong tay chàng.

Wei thuật lại câu chuyện là một ngày nọ, nhân ngày đại hội, chàng cùng với mấy người

mạn thân đến viếng chùa Tsienfou, chàng thấy vị tướng Tiao Uien mở một buổi hòa nhạc trong chùa. Trong số nữ công, chàng đề ý đến một cô gái chơi đàn tì, tuổi chừng mười sáu xuân xanh, cô gái ấy quả có một sắc đẹp trời cho. Wei hỏi thiếu nữ có biết cô gái không, thiếu nữ đáp :

— Ấy ! Cô gái đó là người yêu của vị tướng. Mẹ của cô gái là chị của thiếp. Chàng có thể chiếm đoạt tim cô gái đó.

Wei cúi đầu chào thiếu nữ và thiếu nữ hứa sẽ giúp chàng làm xong công việc đó. Từ hôm đó thiếu nữ bắt đầu làm công việc lui tới tư dinh vị tướng. Một tháng sau, Wei thúc giục thiếu nữ thực hành kế hoạch. Thiếu nữ bảo Wei đưa nàng hai cây lụa để tặng nữ công. Wei chiều ý. Một ngày nọ, trong lúc thiếu nữ và Wei cùng ngồi ăn cơm thì vị tướng sai một tên gia nhân cười một con ngựa đen mời cả hai đến tư dinh. Được tin đó, thiếu nữ mỉm cười nói với Wei :

— Công việc tiến hành tốt đẹp rồi đó !

Thiếu nữ cho Wei biết trước

hết là nàng đã sắp đặt để nữ công mang bệnh mà không một y sĩ nào chữa lành được. Thân mẫu của nữ công và vị tướng lo lắng cho sinh mạng của nàng liền tìm đến một ông thầy bói. Thiếu nữ đã dặn trước thầy bói những việc gì ông này phải làm như bảo nữ bệnh nhân phải đến ở ngôi nhà này thì mới có hạnh phúc.

Khi gặp bệnh nhân, ông thầy bói nói với vị tướng :

— Nữ bệnh nhân không thể ở trong ngôi nhà vị tướng được. Phải giúp cho nữ bệnh nhân rời khỏi nhà đó và đi về hướng Đông-Nam tìm một ngôi nhà tá túc mới mong lành bệnh được.

Khi hỏi thăm vị trí ngôi nhà thì vị tướng và thân mẫu thiếu nữ biết đó chính là ngôi nhà của thiếu nữ. Vị tướng xin phép thiếu nữ để nữ bệnh nhân được tá túc.

Thoạt tiên thiếu nữ giả bộ từ chối lấy có ngôi nhà quá chật hẹp nhưng sau đó qua bao lời năn nỉ của vị tướng, thiếu nữ mới ưng thuận. Vị tướng đem xe chở nữ công, thân mẫu nàng cùng đồ đạc đến. Vào ở nhà thiếu nữ, nữ

công bỗng cảm thấy lành bệnh.

Chỉ vài ngày sau, thiếu nữ bí mật vận động để Wei liên lạc mật thiết với nữ công. Một tháng sau đó nữ công mang bầu. Thân mẫu nàng lo sợ liền con về tư dinh vị tướng.

Câu chuyện đến đây chấm dứt.

Một ngày khác, thiếu nữ nói với Tcheng :

— Nếu chàng tìm ra một số tiền từ năm ngàn đến sáu ngàn đồng tiền, thiếp sẽ tìm cách làm ra lợi cho chàng.

Wei ưng thuận và mượn được một số tiền là sáu ngàn đồng.

Thiếu nữ nói với chàng :

— Bây giờ phải ra chợ ngay chàng hãy đến khu bán ngựa. Chàng cố tìm cho ra con ngựa có một cái đốm đen ở sau mông, mua lấy con vật đó và đem về.

Tcheng ra chợ và thấy một người đàn ông dắt một con ngựa, sau mông ngựa lại có một cái đốm đen. Tcheng trả giá mua con vật. Dắt ngựa về

nhà, bà con lối xóm đưa lời chế diễu :

— Không có ai thích con ngựa này vì sao ông lại mua nó về làm gì đây ?

Ít lâu sau đó, thiếu nữ cho Tcheng biết :

— Nay đã đến lúc bán con ngựa của chàng rồi đó. Chàng bán với giá ba chục ngàn đồng tiền:

Tcheng đem ngựa đi bán. Có người trả với giá hai chục ngàn. Chàng từ chối. Nhiều người trong chợ tỏ ý ngạc nhiên :

— Lạ quá nhỉ ! Có người trả giá mắc như vậy và vì sao người kia lại không bán ?

Tcheng thu xếp định trở về nhưng người kia chạy theo nài nỉ và trả đến giá hai mươi lăm ngàn đồng tiền. Tcheng vẫn từ chối còn nói là chàng không thể bán với giá dưới ba chục ngàn đồng. Bà con lối xóm chế trách Tcheng, cuối cùng Tcheng thuận ý bán con vật với giá dưới ba chục ngàn đồng một chút.

Về sau, người ta mới biết lý

do vì sau người mua cổ nài nỉ mua cho được con vật. Hẳn chính là tên giữ ngựa của nhà vua và ngụ ở quận Tchaofing. Các đây lối ba năm, một con ngựa có mang một đốm đen ở mông ngã lăn ra chết. Trước ngày hấn bị cắt chức giữ ngựa, có lệnh trên bắt hấn phải bồi thường một số tiền lên đến sáu chục ngàn đồng tiền vì đã để ngựa chết. Bây giờ hấn tìm mua một con ngựa khác, cũng có đốm đen ở mông, với giá phần nửa số tiền trên, hấn vẫn còn lợi được số tiền đáng kể. Ngoài ra, có ngựa sống thì hấn còn được nhà vua trả thêm số tiền thóc cỏ nuôi ngựa trong thời gian ba năm vừa qua. Vì những lý do trên mà hấn có nài nỉ mua cho được con vật.

Có một lần, thiếu nữ xin Wei cho nàng áo dài mặc vì áo của nàng đã cũ. Wei nghĩ mua cho nàng trọn một cây lụa nhưng nàng từ chối. Wei cho một người thợ may tên là Tchang Ta đến để đo may áo cho nàng. Tchang Ta khi thấy thiếu nữ rất đẹp ngạc nhiên liền nói với Wei :

Đây không phải là một người

đàn bà tầm thường. Bà ta phải xuất thân ở một gia đình quý tộc. Thiết tưởng ông không nên chứa chấp bà ta trong nhà. Theo tôi nghĩ, ông nên tìm cách mời bà ta ra khỏi nhà để tránh tai họa về sau.

Nàng đẹp lạ thường nhưng không hiểu vì sao nàng không tự may áo mà lại nhờ đến thợ ?

Một năm sau, Tcheng được đổi về hạt Hoxali, khu phố Tcheng cư ngụ thuộc quận Kintcheng.

Lúc đó, Tcheng có vợ chính thức. Người vợ bắt buộc Tcheng đêm đêm phải có mặt ở nhà. Chàng buồn bực là không được lui gần với thiếu nữ. Trước khi lên đường, Tcheng nghĩ với thiếu nữ muốn được nàng cùng đi nhưng nàng một mực từ chối :

— Đi với chàng một hai tháng, thiếp cảm thấy chẳng có lợi lộc gì. Chàng cố gắng cung cấp cho thiếp thức ăn trong thời gian đó, để thiếp ở lại nhà chờ chàng trở về cũng không muốn mang gì.

Tcheng cố nài nỉ nhưng thiếu nữ cương quyết giữ lập trường. Tcheng tìm đến Wei nhờ Wei

giúp đỡ. Wei tìm gặp thiếu nữ dặn hỏi nàng lý do, nàng từ chối không chịu đi theo Tcheng.

Sau một phút do dự, nàng thú nhận :

— Một ông thầy bói có cho nàng biết là nếu như năm nay nàng du hành về hướng Tây thì nàng sẽ gặp nhiều tai họa. Vì lý do đó mà nàng từ chối.

Tcheng mỉm cười với Wei :

— Vì sao một người đàn bà thông minh như nàng mà lại mê tín dị đoan đến như vậy ?

Cả hai nài nỉ nàng. Thiếu nữ buột miệng :

— Giá thử lời tiên đoán của ông thầy bói là đúng sự thật chàng có muốn thấy rằng thiếp gặp nạn vì chiều theo ý muốn của chàng không ?

Cả hai ò lên một tiếng :

Vô lý quá :

Họ lại tiếp tục nài nỉ thiếu nữ đi theo. Cuối cùng thiếu nữ miễn cưỡng nghe lời.

Wei cho hai người mượn ngựa và chú thợ rèn lộ binh an, tiễn chân hai người đến Linkao. Qua ngày sau, cả hai đặt chân đến Mawei. Thiếu nữ

cỡi ngựa đi trước. Tcheng cỡi
lừa theo sau. Nữ tì đi theo
sau. Vào lúc ấy, đúng thời
gian các chủ ngựa lo tập
luyện chó săn ở phía cửa Tây.
Họ tập luyện đàn chó đã được
mười ngày. Đi đến nửa đường
hai người gặp họ cùng đàn
chó. Bỗng đàn chó nhảy chồm
lên. Tcheng thấy thiếu nữ
ngã xuống mặt đất và biến
thành một con chồn chạy về
hướng Nam. Đàn chó chạy
đuổi theo. Tcheng la hét chạy
theo nhưng cũng không kịp.
Chạy được vài trăm thước, đàn
chó bắt được con chồn. Tcheng
khóc rú lên, lấy hết tiền trong
túi ra mua lại xác chồn, đoạn
chàng chôn xác con vật ngay
tại chỗ, đánh dấu bằng một cành
cây trên mộ. Quay lại phía sau,
Tcheng bắt gặp con ngựa của
thiếu nữ còn gậm cỏ bên đường.
Quần áo của nàng còn để trên
yên, giày dép máng theo ở bàn
đạp, nhưng tất cả chỉ còn cái
vỏ bên ngoài, giống như xác ve
lột. Những món trang sức trên
đầu còn nguyên vẹn nhưng hai
nữ tỳ cũng biến đâu mất.

Mười ngày sau, Tcheng trở
về kinh đô. Wei sung sướng
được gặp lại chàng, dập đầu
hỏi :

— Thiếu nữ vẫn khoẻ mạnh ?

Tcheng nghẹn ngào trong
tiếng nức :

— Nàng không còn nữa !

Nghe tin sét đánh đó Wei
oà lên khóc. Thế là cả hai khóc
nức nở. Một lát sau, Wei hỏi
Tcheng :

— Thế thì nàng bị bệnh gì
vậy ?

Tcheng ấp úng :

Đàn chó săn đã cắn chết
nàng. Wei sững sốt :

— Chó săn làm gì mà có
thể cắn chết được một con
người !

Tcheng đáp :

Nhưng nàng không phải là
một con người Wei kinh ngạc

Vậy nàng là ai ?

Tcheng kể hết câu chuyện
đầu đuôi. Càng nghe kể Wei
càng ngạc nhiên và chỉ biết thở
dài. Qua ngày hôm sau, cả hai
thăng yêu cương đi đến Mawei,
đào mộ nhìn lại xác thiếu nữ
một lần cuối rồi cả hai gghẹn
ngào trở về. Nhớ lại chuyện
đĩ vạng, cả hai chỉ nhận thấy

một sự việc hơi lạ là thiếu nữ
không bao giờ may áo mặc
cho mình.

Ít lâu sau, Tcheng được
thăng quan, trở nên giàu có,
một mình nuôi những mười
hai con ngựa.

Tcheng từ trần vào cái tuổi
sáu mươi lăm.

Suốt thời đại Tali (766-779).
lúc ở Tcheng ling, tôi thường
lui tới Wei. Chàng kể lại câu
chuyện trên nhiều lần. Tôi
viết rõ tất cả chi tiết của câu
chuyện. Ít lâu sau đó Wei
cũng được thăng quan, quản

hạt Longtceou và chết già ở
chức tước đó.

Một con vật vẫn có những
tình cảm của con người, vẫn
cố giữ trinh tiết trước vũ lực,
biết hy sinh đời mình cho
người mình yêu, chưa chắc gì
phụ nữ ngày nay có người có
đủ những đức tính đó.

Truyện của *Chen Ki-Tôi* (1)

GIANG TÀN dịch

(1) *Truyện này được truyền
tụng vào đời nhà Tống*

Phân ưu

Chúng tôi được tin trẻ cụ **Đạm Nguyên** cháu đích
Tôn của Nhà Thơ Yên đồ Nguyễn Khuyến, đã thất lạc
ngày 11-4-1970 tại Sài Gòn hưởng thọ 71 tuổi. Ngày
29-5, tang gia làm tuần 49 ngày cho cụ tại chùa Nghĩa
Trang Đô thành, đường Lê văn Duyệt

Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng Bà cụ và tang
quyển.

NGUYỄN-VỸ



Hôm nay là ngày sinh nhật của quan lớn — Bọn tay sai chạy tín tức như gà mắc đề, mấy thầy thông ngôn cỡi xe đạp cùng đường, thầy cai thầy đội quấy tháo luôn mồm đốc thúc lính tráng và tù binh trang hoàng dinh thự tươm tất — quan lớn nổi hứng bất ngờ, cho phép tù binh được dự ngày trọng đại, ngày kỷ niệm thuở mở mắt chào đời của quan lớn tại miền đông nước Pháp.

Thoạt đầu anh em tù binh định ở lại khám không dự, về sau ngẫm nghĩ ở trong khám mãi cũng chán nên đồng ý dự lễ trước giải trí sau khỏi bị đánh đập vì tội cứng đầu. Trong đám tù binh có một thiền sư pháp danh quang sợ bị bắt về tội chưa chấp quân kháng chiến — Bị bắt đã hơn ba tuần trắng thiền sư

Khi nhà sư kể chuyện

MẠC-TUYỀN

vẫn mặc áo nâu sòng miệng luôn niệm Phật — Nào thầy có chứa ai đâu, chỉ thương tình toán nghĩa quân thất trận bị ruồng bỏ đói khát bệnh hoạn nên cho tá túc sau chùa — kết cuộc quân tay sai thực dân kéo đến bắt cả bọn tống giam vào ngục tra tấn bạo tàn.

Quan Lớn dự tiệc trong dinh, lính tráng và tù binh dự tiệc ngoài vườn — Gọi là dự tiệc cho có phần đẹp để chứ thật ra lính thì vẫn phải ôm súng gươm gươm

đám tù binh đứng lao nhao trên sân cỏ tay chân khóa lại dính nhau từng hàng.

Quan lớn xuất hiện trên khán đài tuyên bố khai mạc — kể tiếp quan khách thay phiên nhau chúc tụng tụng rồi những người có chức phận kéo nhau vào uống rượu nhẩy đầm.

Ngoài sân cỏ còn lại bọn lính, mấy viên cai đội và đám tù binh ngồi xuống vệ cỏ nhai bánh mì thịt quai và uống rượu để — một lát có chương trình văn nghệ giúp vui, mấy cô ca sĩ bận áo đầm xòe ca eo éo mấy bài ca cải cách — Ca sĩ ít quá nên được một lát thì hết người ca, viên cai Đội lên tiếng kêu gọi đám tù binh ai mục gì hấp dẫn hãy mạnh dạn lên giúp vui — Một vài tên lính lên bục gỗ hát Dạ cổ hoài lan, Bình Bán chẵn, Nam ai, Nam xuân. Đến phiên tù binh không có ai hưởng ứng hết, viên cai Đội phùng mang la lối :

— Bộ mấy người cha sao chứ ? ai ở không cho mấy người ăn rồi nghèo khổ ra mà nghe !

Ở phía tù binh có tiếng nói lớn :

— Có ! Có tôi đây !

Viên Cai Đội tròn mắt bước xuống :

— Thầy chùa ! ông cũng biết ca nữa sao ?

Vị thiền sư mỉm cười :

— Bần Tăng không biết ca nhưng biết kể chuyện, chuyện tiểu lâm nghe đỡ buồn.

Giữa lúc đó quan lớn tiền chân mấy vị quan Pháp «đồng liêu» ra về sớm thấy chuyện lạ đứng hỏi, viên thông ngôn trả lời rành mạch. Thấy ngộ nghĩnh quan lớn cho lệnh vị thiền sư được phép kể chuyện — viên Cai Đội cưỡng quát nhắc ghế cho quan lớn và mấy vị bạn quàn ngồi.

Trên bục gỗ Thiền Sư chậm rãi kể :

Ngày xưa có một đôi vợ chồng Quạ làm ổ trên cây cao. Quạ vợ đẻ được bốn trứng thì Quạ chồng có bốn phậu phải ra đi vì :

*Tháng bảy mưa ngâu
Bắt cầu ở thuớc.*

Quạ chồng bay đến sông Ngân Hà đề đội đá làm cầu cho vợ chồng Ngưu chúc gặp nhau

sau một năm dài cách biệt.

Ba tháng trôi qua xong nhiệm vụ Qua chồng bay về tổ cũ. Vì đội đá nhiều ngày nên đầu Qua chồng sồi sùi trọc lóc trọc lơ như đầu thầy chùa. Về đến tổ cũ, Qua vợ bận đi kiếm mồi. Bốn cái trứng ngày xưa giờ hành bốn thẳng phóc Qua lao nhao trong ổ. Thấy Qua chồng đậu trên nhánh cây bên cạnh mấy thằng con la lối ?

— Ê «Thầy chùa» đi đâu ?

Tức thì Qua chồng trả lời :

— Đi kiếm má mầy chứ đi đâu !

Mấy Qua Con la lớn :

— Ê ! Thầy chùa dê ! Thầy chùa dê !

Thiền Sư kể đến đây thì có tiếng cười ồ khoái trá dưới đám đông — Viên Thông ngón lật dật dịch lại cho lẹ khiến mấy quan cười ha hả. Vị Thiền Sư vẫn thản nhiên kể tiếp :

— Rồi như chưa hả giận mấy thằng con trời đánh kéo nhau lên ổ trối gã Qua chồng lại tổng giam vào ngục.

Thiền Sư kể đến đây ở phía

dưới đám tù binh bầm, nhàu cười khúc khích.

— Một lát sau Qua vợ tha mồi trở về, mấy thằng con lao nhao :

— Tụi con vừa bắt giam thẳng thầy chùa dê mẹ ời !

Qua vợ lấy làm ngạc nhiên nên bước tới xem thử. Khi nhận ra hồng mình qua vợ la lớn :

— Mấy con có biết ai đây không ?

— Ai vậy mẹ !

— Ông thầy chùa này chính là CHA tụi bây đó ! Tại sao tụi bây dám hỗn láo tổng giam CHA tụi bây vào ngục :

Đám tù binh phía dưới cười như vỡ chợ, thích thú nhảy loạn cả lên, xích sắt chạm nhau soang soảng. Viên Thông ngón xanh mặt ấp úng không dám dịch tiếp. Quan pháp nóng lòng độc thúc, cuối cùng Thông Ngón đành... đau khổ tiếp tục. Nghe xong quan pháp giận xanh mặt đứng phất dậy và... khỏi nói quý vị cũng biết số phận vị Thiền Sư đó ra sao rồi.

★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★
★ **HỒ XUÂN-HƯƠNG** ★
★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★ ★

Một nữ Thi-sĩ tài-hoa nhất của
Lịch - sử nhân - loại, sau Sapho

★ NGUYỄN-VỸ

*XV. — Hồ-Xuân-Hương, nhà Thơ
Việt nam đầu tiên thuần túy của
liếng Việt*

(Tiếp theo)

TRƯỚC hết, phải đánh-đồ thành.kiến rất sai-lầm rằng Hồ-xuân.Hương vì nhà nghèo nên lúc thiếu-thời không được học nhiều. Nghĩa là, theo chế-độ giáo dục thời bấy giờ, Hồ-xuân-Hương không được học nhiều về Hán-tự, như các tao-nhân mặc-khách thường là những trí thức đồ đệ của Nho-Giáo. Những kẻ nhận-định như thế

phê-phán rằng vì trình-độ Hán-học không được cao rộng nên Hồ-xuân-Hương chỉ làm toàn Thơ Nôm, không hề làm một bài thơ bằng chữ Hán, và không hề dùng đến những điển-tích Tàu, những từ-ngữ Tàu, như tất cả các nhà Thơ Việt Nam khác, trước cô và đồng thời với cô.

Nhận-định như thế rất là thiên-cận. Và đây là những lý-

lẽ để chứng-minh trái hẳn lại. Tất cả những người đã có học chữ Nho đều biết rằng «chữ Nôm» viết rất khó. Nó là cả một kỹ-thuật phức tạp. Muốn viết được «chữ Nôm», thì trước nhất phải thông suốt hết chữ Nho. Và chữ Nôm là một lối dùng chữ Nho, thường thường là ghép hai chữ Nho, để phiên-âm ra thành một chữ Việt.

Thời bấy giờ chưa có chữ Quốc-ngữ bằng mẫu-tự La Mã. Hay là nói cho xác thực hơn, là đã có chữ «Quốc-ngữ» do các «Cổ-Đạo» Âu-châu truyền-giáo ở Nước ta từ đời Chúa Trịnh Chúa Nguyễn, đã có kinh sách và tự-điền bằng chữ Quốc-ngữ la-mã-hóa, cũng như chữ Romaji của Nhật-bồn; nhưng chữ Quốc-ngữ sơ-khai đó của người Tây-phương đặt ra không được phổ-biến, không được chấp-nhận, mà chỉ được lén lút sử dụng như một loại chữ cấm trong các nhóm truyền đạo Thiên-Chúa rất nhỏ hẹp của các vị Cổ-Đạo mà thôi.

Mãi đến cuối Thế kỷ XIX, người Pháp qua xâm-chiếm xứ ta và đô-hộ dân ta, họ mới bắt đầu truyền bá mẫu tự La-mã A,B,C, và các vị Cổ-Đạo

Thiên-chúa-giáo mới bắt đầu công khai phổ biến chữ quốc-ngữ, văn xuôi, văn ngược, như chúng ta viết ngày nay.

Ở thời Hồ-xuân-Hương cuối thế-kỷ XVIII, nước «An nam» còn học chữ Hán của người Tàu, và Dân-tộc Việt-nam chưa có một Văn-tự nào khác cả. Do đó từ thời Hàn Thuyên các nhà Nho tamoi dùng chữ Hán để phiên âm ra thành chữ Việt, (chữ Nôm) và chỉ những người trí-thức thông suốt chữ Hán mới viết được và đọc được chữ Nôm

Cung-oán ngâm khúc, Chinh-phụ ngâm, Truyện Kiều, và những bài thơ Việt của Nguyễn - Bình - Khiêm, Nguyễn-Khuyến, Nguyễn-công Trứ.v.v... từ Thế kỷ XIV, XV, cho đến cuối Thế kỷ XIX đều viết bằng «chữ Nôm», do những nhà Nho uyên thâm Hán học tự đặt ra.

Hồ-xuân-Hương viết thơ toàn bằng chữ Nôm, chứng tỏ rằng cô cũng là một nữ-sĩ thông-thạo về Hán-học không kém gì Đoàn-thị-Điễm, hay Nguyễn-Du.

Viết được những bài thơ

bằng chữ Nôm và thuần-túy Việt-nam, như bài *Dèo Ba Dội, Cái Đu, cái Quạt.v.v...*, tuy rằng không có xen vào một chữ Hán nào, nhưng nếu không giỏi chữ Hán thì không thể nào viết được.

Hơn thế nữa, chuyên vận được chữ Hán để viết thành ra những chữ Nôm đặc-biệt Việt Nam, như *lom khom, lác-đac, thì thom, hỏm-hòm hom, lún-phún, toئن-hoئن, lác-cắc, lộn-lèo, mấp-máy, đã đeo, đẹo đã.v.v...* thì không thể một người ít học chữ Nho mà viết nổi. Ngoài Hồ-Xuân-Hương ra, chưa chắc đã có một ông Tú ông Cử, hay ông Nghè, ông Cống nào viết được những chữ lác-léo, lộn-lèo, oái-oăm như thế.

Có ai ngờ với một vốn Hán-học rất là phong-phú, cô gái nhà nghèo, 19 tuổi, mặt rỗ. da chì, dòng-dối họ Hồ, đã sáng-tạo ra, đã phát-minh ra những chữ Việt thuần-túy, rất mới lạ, mà từ xưa đến nay chưa có một nhà thông-thái Việt-Nam nào viết ra.

Với một cái chẳng-có-gì-cả, cô Hồ-Xuân-Hương đã tạo ra

cả một ngữ-vựng Việt-Nam, thuần-túy Việt-Nam, đặc-biệt Việt-Nam, vô cùng dồi-dào, linh-tính, sống động.

Không phải rất tầm thường như Nguyễn Du với :

Trăm năm trong cõi người ta, như Ôn-như-Hầu với :

Nghĩ thân phù-thế mà đau, như Đoàn-thị-Điễm với :

Ngoài đầu cầu, nước trong như lọc

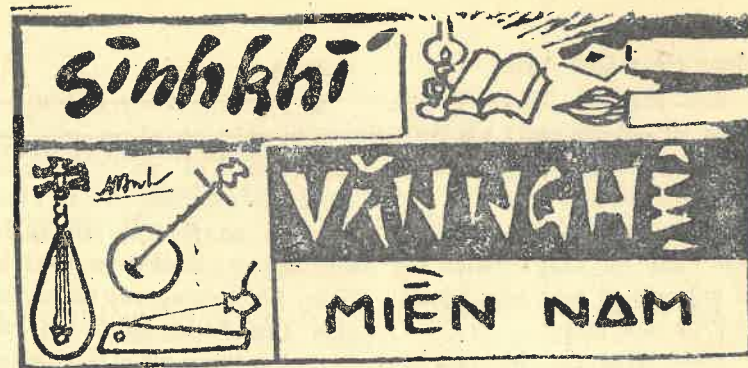
như Nguyễn-Khuyến với :

Một chiếc thuyền con bé tẻo teo,

Bởi Hán-tự đã cung cấp đầy đủ yếu-tố để các nhà Thơ ấy chuyển ra rất dễ-dàng thành những chữ Việt ấy. Ngọn bút tài-hoa của Hồ-xuân-Hương đã biến hẳn một số chữ Tàu luộm thuộm thành ra những chữ Việt các-có trớ-trêu hoàn toàn độc đáo, bất-ngờ :

Thấp ngọn đèn lên thây trắng phau

Con cò mấp máy suốt đêm thâu..



● HOÀNG THẮNG

Làng Báo Rộn Rịp...

Trong thượng tuần tháng 6-1970, làng báo đã chuyển mình đột ngột. Nhiều sự góp mặt mới, từ Dân, Lập Trường đến Dư Luận của «làng hàng ngày» đến Cọp, Luật giang Hồ, Bạn Trẻ của «làng hàng tuần». Rồi sẽ còn nhiều nữa, nhiều... lắm nữa !

Thật cũng trở trêu ! Giấy báo để in chữ được nhỏ giọt, lại còn cái vụ bông xanh, bông đỏ. Giá chính thức, giá... mới, và giá... «noa» nữa.

«Thiên hạ» kêu la nhưng đâu vẫn hoàn đấy và... nước vẫn cứ chảy qua cầu. Đến nỗi các báo hàng ngày 8 trang — trước bán 12 đồng — bây

giờ phải xin lỗi bạn đọc để leo thang tí ti... là 15 đồng.

Cũng may cho độc giả là các báo loại 6 trang và 4 trang chưa có rục rịch gì cả. Nếu có, lại có một đường xin lỗi trước bạn đọc.

Kẻ cầu rầu thiết ta !

Giải thưởng 1970 của Trung tâm văn Bút Việt Nam

Cũng như năm 1969, Trung tâm Văn Bút Việt Nam treo giải thưởng về hai bộ môn *Thi Ca và Nghiên Cứu Lịch Sử* trong năm 1970 ra sau :

1.— Một giải thưởng độc nhất về Thi Ca : Sáu mươi ngàn đồng (60.000đ) — tuyển tập Thi Ca, Thi phẩm trường thiên hay truyện dài bằng thơ

..... Xi-xòm đây nước mình
..... nghiên ngửa

Cửa son đỏ loét bùm-tum
..... nóc Nhấp-nhỏm bên bờ dít vát-
..... ve,

Hòn đá xanh rì lún phún
..... rêu mãi-miết làm ăn quên cả
..... mệt,

Lắt lẻo cành thông cơn gió
..... tốc, Động hang một lúc đã đầy
..... phè

Đăm-đĩa lá liễu giọt sương
..... gieo

..... Trai đu gối hạc khom
..... khom cật,

Gió đập cành cây khua lể
..... cắc Gái uốn lưng ong ngửa
..... ngửa lòng

Sóng dồn mặt nước vỗ lòng-
..... bong

..... Cái kiếp tu hành nặng đá
..... đeo,

.....

Lườn đá cỏ leo rờ rậm
..... rạp Trái gió cho nên phải lộn-
..... lèo

Lách khe nước rỉ mớ lam-
..... nham

..... Quán tử có thương thì bốc
..... gém,

Bầy đặt kia ai khéo khéo
..... Xìn đừng ngó-ngoáy lỗ
..... tròn lỏi.

Nứt ra một lỗ hỏm-hỏm-
..... hom

..... Kề sao cho hết !
..... (Còn nữa)

.....

chưa từng xuất bản.

2. — Một giải thưởng độc nhất về nghiên cứu Lịch Sử : Sáu mươi ngàn đồng (60.000đ) — Bản thảo chưa từng in (có thể sưu tầm, nghiên cứu về một nhân vật, một sự kiện hay là một phong trào liên hệ đến lịch sử dân tộc).

Thời Hạn dự thi : đến hết ngày 15-11-1970.

Ngày tuyên bố kết quả : 15-

Hội Văn-Hóa Bình-Định.

TRONG những tháng gần đây, tại tỉnh Bình-định, người ta thấy xuất hiện những tổ chức như : Hội Ái-hữu Sinh viên Học sinh Bình-định Chủ tịch Ban Chấp hành lâm thời là Sinh viên Nguyễn-văn-Triển, Hội Thân hữu Văn-hóa Bình-định, Chủ-tịch Ban sáng lập là Giáo-sư Đoàn-nhật-Tấn.

Ngày 22-5-1970 vừa qua, một tổ chức Văn-hóa mới được thành lập mang tên «HỘI VĂN-HÓA BÌNH-ĐỊNH» do một đại hội gồm trên 120 thân hào nhân sĩ, giáo sư, Văn nghệ sĩ họp Đại hội tại Trung-tâm Văn hóa Qui-nhơn dưới sự chủ tọa của Đại-Tá Nguyễn-mộng-

12-1970.

● Đại hội Nhạc Trẻ 70

Tới ngày 20-06-70, một đại hội Nhạc Trẻ 70 sẽ được tổ chức tại rạp Đại Nam. Theo lời ban tổ chức thì số dĩ có đại hội này là để giúp đỡ Việt Kiều hồi hương với tất cả số tiền thu được. Sẽ có tới 20 ban nhạc tham dự Đại hội nhạc Trẻ Việt Nam 70 này.

□□□

Hùng Tíng-trưởng Bình định thành lập nên.

Hội hoạt động hoàn toàn độc lập và thuần túy Văn-hóa nhằm 14 mục tiêu sau đây :

1. Bảo tồn và phát huy văn hóa Dân tộc, đặc biệt là văn hóa địa phương Bình-định.

2. Gây tình thân tượng ái cầu tiến giữa các văn nghệ sĩ tại Bình định.

3. Tạo môi trường thích hợp để gây tình đoàn kết thân hữu giữa những người làm văn hóa với nhau.

4. Kết nạp và khai thác tài năng các văn nghệ sĩ để thống nhất tổ chức từng bộ môn.

5. Khuyến khích và nêu cao uy tín các văn nghệ sĩ trong

Tỉnh.

6. Giúp đỡ cụ thể các văn nghệ sĩ thiếu phương tiện phát huy tài năng của mình.

7. Lập thư viện với đầy đủ sách báo, tài liệu.

8. Lập ban phục hồi văn hóa địa phương:

— Hội khuyến-lệ cổ ca Bình định,

— Ban Thi ca vũ nhạc kịch Bình định,

— Võ thuật Bình định,

— Mỹ thuật Bình định.

9. Lập Ban trùng tu danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử và kiến thiết những công trình mới như lập tượng Quang-Trung, xây đền thờ Tăng-bạt-Hồ v.v...

10. Lập Ban biên soạn. khảo cứu và tàng cổ.

11. Tổ chức diễn thuyết

12. Treo giải thưởng văn học nghệ thuật hằng năm.

13. Giúp đỡ các học sinh, sinh viên ưu tú của tỉnh nhà đang theo học khắp nơi trong nước cũng như ngoại quốc.

14. Liên lạc trong tỉnh thân thân hữu với các văn nghệ sĩ Việt-nam trên toàn quốc

Sau khi thảo luận bản dự

thảo nội quy, điều lệ và lược đồ tổ chức của Hội, Đại hội đã bầu cử một Ban Quản trị lâm thời gồm các Ông :

— Hội-trưởng :

Giáo-sư Đoàn-nhật-Tấn

— Phó Hội-trưởng :

Nhân sĩ Mạc-như-Tòng

— Tổng Thư ký :

Giáo sư Lê-văn-Ba

— Phó Tổng Thư ký :

Công chức Phạm-duy-Tín

và 8 ủy viên, mỗi Ủy viên phụ trách 3 ban, mỗi Ban có 1 Trưởng ban và nhiều nhân viên.

Ủy viên Kịch nghệ thi-nhạc-sĩ Vũ-phan-Long gồm 3 ban : Ban cổ ca, Ban Tân ca vũ nhạc kịch, Ban dân ca.

— Ủy viên tài chánh xã hội giáo sư Đinh-Kim gồm 3 ban : Ban tài chánh. Thủ quỹ, Ban xã hội.

— Ủy viên kế hoạch tổ chức giáo sư Huỳnh-hữu-Dụng gồm 3 ban : Ban nghiên cứu kế hoạch, Ban trùng tu kiến thiết, Ban tổ chức.

— Ủy viên Văn-hóa giáo sư Lê-văn-Hòa gồm 3 ban : Ban sáng tác sưu tầm, ban diễn thuyết, Ban khảo cứu dịch thuật.

Ủy-viên Thư viện Báo chí
phóng viên Thái-Tàu gồm 3
ban : Ban tàng cổ, Ban Thư
viện, Ban báo chí,

Ủy viên Giáo dục giáo sư
Nguyễn-mộng-Giác gồm 3 ban :
Ban Trung học chuyên nghiệp,
Ban tiểu học, Ban liên lạc Sinh
viên.

— Ủy viên Võ thuật Thê
thao Võ sĩ Lê-đại-Uyển gồm 3
ban : Ban Võ thuật cổ truyền,
Ban võ thuật hiện đại, Ban thê
dục thê thao.

— Ủy viên Mỹ-thuật Nhạc-
họa-sĩ Đào-Địch gồm 3 ban :
Ban hội họa, Ban nhiếp ảnh,
Ban điêu khắc.

Bên cạnh Ban Quản trị lâm
thời còn có một Cố vấn đoàn
và một Ban Bảo trợ.

Cố vấn đoàn do Đại-Tá Tỉnh-
trưởng Bình-định làm Chủ-
tịch Danh-dự và quý vị đại diện
tôn giáo, thân hào nhập sĩ, các
văn thi họa sĩ Bình-định hiện
ở tại Sài gòn, Nha-Trang hội
viên như : Thi sĩ Quách-Tấn,
văn thi sĩ Lam-Giang, Văn sĩ
Võ-Phiến, họa sĩ Mai Chững,
Lâm Triết...

Ban Bảo trợ do cựu Dân biểu
Trần-Tài làm Chủ-tịch và quý
vị đại diện các Đoàn thể chính
trị, hiệp hội, quý vị công,
thương, kỹ nghệ gia hội viên.

Hội này được thành lập là do
sáng kiến của Đại-Tá Nguyễn-
môn-Hùng Tỉnh trưởng Bình-
định lần đầu tiên đã quy tụ
được các giới Văn nghệ sĩ Bình-
định thành một tổ chức Văn
hóa. Người ta cũng hy vọng
rằng tổ chức này sẽ hoạt động
hữu hiệu nếu được Chính
quyền triệt để ủng hộ cùng với
sự nỗ lực hoạt động của toàn
thê hội viên.

Trong quá khứ Bình định
thật hào hùng với Nguyễn-Huệ,
Mai-xuân-Thường, Tăng-bạt-
Hồ, Bùi-thị-Xuân... trong hiện
tại chắc không đến nỗi phũ
phàng như lời kêu than : ĐẤT
TÂY-SƠN CÒN ĐÓ, NGƯỜI
TÂY-SƠN NAY ĐÂU ? mà
Bình định sẽ mãi mãi xứng
danh là Đất Địa-linh Nhân-
kiệt.

● SINH-HÒA



● Guide pratique en 16 langues,

Pas Nguyễn-qui-Nhơn, «diplôme d' Etudes Espagnoles, Ancien
Membre d' Ambassade et du Bureau de l' ONU. Membre du Centre
Linguistique International de Londres, Professeur de Langues Romanes
et Germa — niques». Tập sách mỏng, 50 trang, gồm 16
mẫu đàm-thoại ngắn bằng 16 thứ tiếng Anh, Mỹ, Nga, Đức, Nhật,
Tàu, Hy, La, A-rập, Swahili, ý, Mã lai, v.v..., nhưng 16 đề-tài
khác nhau, dịch ra Pháp-ngữ qua-loa, sơ-sài.

Xem hết quyển sách, không ai hiểu mục-dịch của tác-giả xuất bản
nó để làm gì ? Và tên sách Guide pratique en 16 langues cũng không
ăn-nhập gì với nội-dung quyển sách cả. Không đề giá bán. Saigon,
mai 1970.

● Thơ Diên «... Thử Thiêt — Tập số Sách» tên sau đây :
Thiện Quang, Thích-sở-Giác,.. Phan-Trần-Từ-Hương, Bùi-
Giảng, Nguyễn-Ngu, I'»

Với lời đề tặng viết tay trên trang đầu như sau đây :

«Th.m. bác-sĩ Ng. Tuấn-Anh, giám-đốc nhà thương
điên Biên Hòa cính tặng anh Nguyễn Vỹ, mong anh giới
thiệu, mở-xổ trên Phở-Thông» dưới ký tên và đóng con dấu đỏ
hình ba góc.

Nhà xuất bản Ki-gob — gô-ci...

Thái-Bình Diên-Quốc, Sài Gòn, Miền Nam nước Việt.
Năm Chó 70.»

Đồng-ý với anh Ngu-í, tôi sẽ «mổ-xẻ» thơ các anh.

● 20 bài tình lục bát

Quây ronéo, của Thế Hồng Lan — Bằng-hữu — 1970.

● Hai vấn-đề chính yếu của Triết-học.

«Nguồn-gốc của vũ-trụ vạn vật và vấn-đề sinh-tử của con người-
Những bài viết về triết học trong những năm 1959-1969». của Đặng.
Hoàng.

5) Kiệt I đường Quang-Trung, xã Quảng-Trị.

Muốn sống lâu

của Bác sĩ NGUYỄN-HỮU-PHIẾM (viện Pasteur,
Saigon)

Tủ sách Nam Chi, Cơ sở xuất bản Phạm quang
Khái.

Một quyển sách mà những người muốn sống
lâu và có hạnh phúc, nên đọc.

● Lên đỉnh Hoa Sơn

Tuyển tập truyện ngắn quốc-tế, do Văn-Hóa Trữ-Vũ. Sóng
mới xuất bản.

● Hương Lúa Hậu-giang

Đặc-san của một lớp người trẻ thiết tha yêu Văn Nghệ ở An-
Giang.

Địa-chỉ liên-lạc : 39 Nguyễn an Ninh, Long xuyên.

● Luật giang-hồ.

Tuần báo chính trị, văn hóa, xã hội, của ô. Phạm-giật-Đức. chủ-
nhiệm kiêm Chủ Bút.

● Lập-Trường, nhật báo của «một nhóm người trẻ «Chủ
nhiệm Vũ tài Lục, tòa soạn : Sơ Bùi thị Xuân Saigon.

Nhắn tin

Có nhận được thư và bài của các bạn

Thanh-Vĩnh Kiều — Hội An

Hoàng-Việt.Nhân — Tòa-Án An Giang

Phạm-Xuân-Tùng — Bình Tuy.

trị: ỈA CHẨN-NHIỄM ĐỘC
Ở RUỘT

KIỆT-LY CÓ ĐÀM MÁU

Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

Thuốc viên cho người lớn
Thuốc bột cho trẻ em,

Hợp với
người lớn
trẻ em

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
206c/BYT/17-8-67

NƯỚC NGỌT

"CON CỌP"



Ở mọi nơi,
Thôn quê,
Thành thị.

Nước ngọt Con Cọp
ở đâu,
Đấy là Khỏe Mạnh,
Sống lâu, Yên Dời.

Brasseries et Glacières
de l'Indochine
6, Hai-Bà-Trung, Saigon Tél: 20.311

Nhà hàng Đại - La - Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lăng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bần thần đã dượt hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống Lôi Công Hoàn « Ông Tiên ». Các tiệm
thuốc Bắc có bán lẻ. Nhà thuốc Ông-Tiên Phú-Lâm Cholon.
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Gẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống Giải
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BY. số 3 — 9-5-63)

Giấy phép số 292 CDVTT/ND ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : NGUYỄN VỸ

In tại nhà in riêng của PHỒ-THÔNG

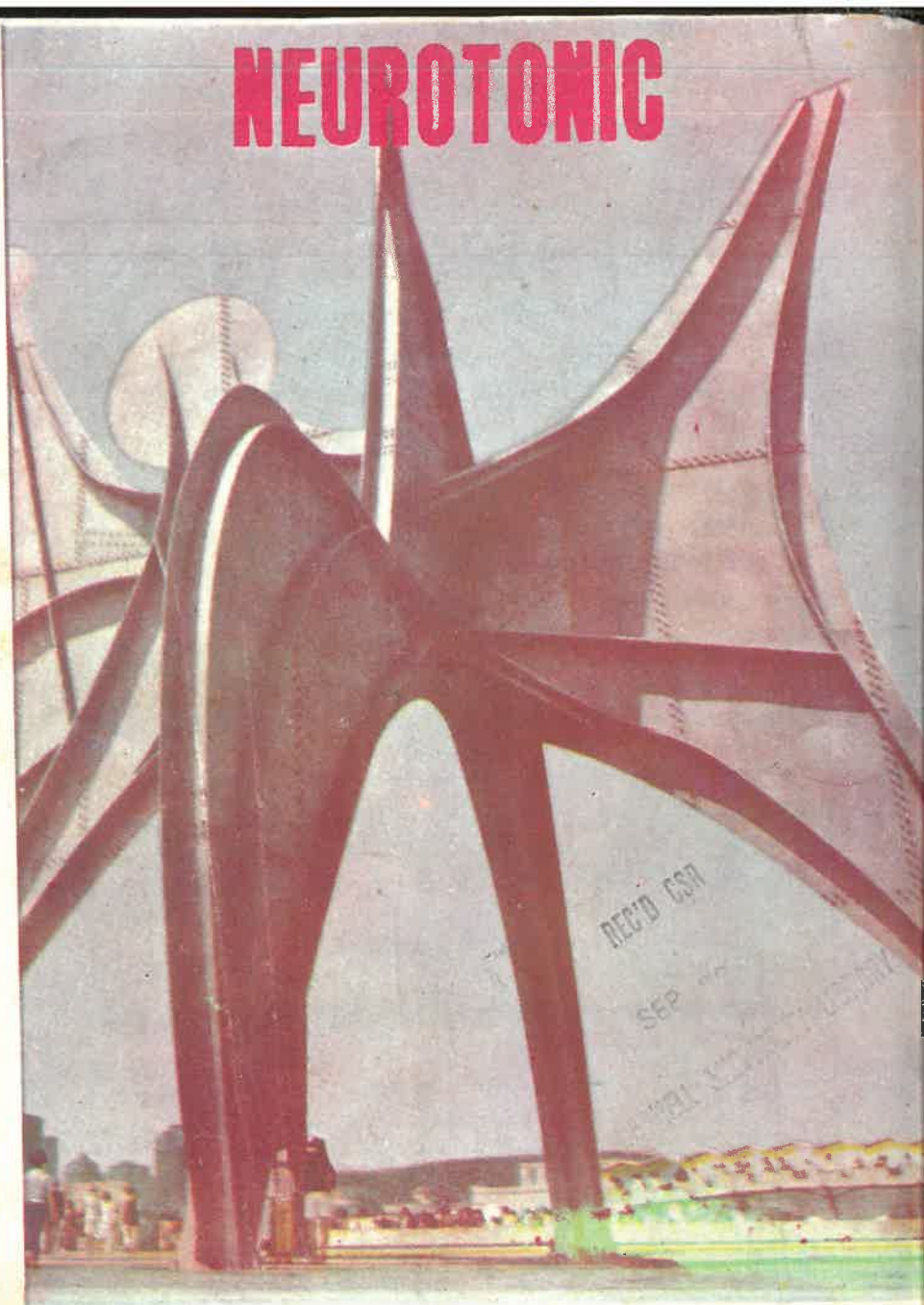
231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 50 đ

Công sở : gấp đôi

NEUROTONIC



NEUROTONIC

- ★ BỒI BỔ ÓC
- ★ TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ